

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 62 — I - 8 - 1961

1.— <i>Bạn đọc viết</i>	P. T.	6 — 9
2.— <i>Vua Quang-Trung chết vì một liều thuốc độc của Ngọc-Hàn Công-Chúa</i> . .	Ng. Thượng Khánh	10 — 22
3.— <i>Ngày Mùa (truyện ngắn)</i>	Mỹ Khanh	23 — 28
4.— <i>Chặng buồn thế kỷ (thơ)</i>	Lữ Quỳnh	29
<i>Khóc đêm trăng (thơ)</i>	Nguyễn phan Thịnh	30 — 36
5.— <i>Kỳ giả thuở trước</i>	Té Xuyên	37 — 42
6.— <i>Genève</i>	Từ Trầm Lệ	43 — 46
7.— <i>Hai bài thơ diễm cợt vua Tự-Đức</i>	Mặc Phương Đình	47 — 54
8.— <i>Một giấc mơ hoa</i>	Duyên Hồng	55 — 61
9.— <i>Nhân vật xuân thu</i>	Thiếu Sơn	

10.—	Những người dân bà lừng danh trên thế giới: Marie Louise . . Tân Phong	62 — 68
11.—	Tình thế hệ (thơ) Nam Tuấn	69
12.—	Một thế giới bí ẩn: Đại-Dương Anh Vũ	70 — 76
13.—	Hemingway, nhà văn hiện đại . . . Hoàng Thông	77 — 84
14.—	Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ	85 — 91
15.—	Ma không chồng (truyện rút ngắn) . . Trần Chu	92 — 100
16.—	Mình ơi ! Diệu Huyền	101 — 109
17.—	Thơ lên ruột: Đốc-lờ... rờ thân chủ . Diệu Huyền	110
	Nha sĩ dạo với gái thanh xuân . . . Tú 8e	111
18.—	Mồ hôi nước mắt Nguyễn Vỹ	112 — 118
19.—	Sách báo mới Phở Thông	119
20.—	Đáp bạn bốn phương Diệu Huyền	120 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí **PHỞ-THÔNG** không chịu trách nhiệm về các bài lai cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích dùng những bài trong tạp - chí **PHỞ - THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí **PHỞ-THÔNG** » và đừng viết tắt.
- Lấy trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by **PHO-THONG**, printed in Việt-Nam.



SINH-NGŨ'

và

ĐẠI-HỌC

★ HUỲNH-THIÊN-ĐỨC

(Sinh-viên Khoa-học Đại-học—Saigon
19, Trần-nhật-Duật)

...Tôi là một sinh viên Khoa-học Đại-học-đường năm nay vừa đậu chứng chỉ Lý-hóa vạn-vật (S.P.C.N.), tôi có đọc các bài xã luận của ông trong tạp chí Phổ-Thông. Tôi rất cảm kích. Mấy năm trước tôi đã có đọc nhiều bài của ông cũng về vấn đề học tiếng ngoại-quốc. Đến nay ông lại giống trống rung chuông một lần nữa kêu gọi sự sáng suốt của người dân Việt về một vấn đề có thể được liệt vào hạng hệ-trọng bức nhất hiện nay.

Thưa ông, tôi may-mắn được theo đuổi chương-trình Pháp ngay từ lớp dưới, nên tôi không có gì phàn nàn khi lên Đại-Học cả. Nhưng còn những bạn sinh viên khác ở bậc Trung-học theo chương trình Việt, giờ lên đây thật là bơ vơ và việc học có thể là ngã lòng.

Thưa ông, tôi muốn nói lên đây tình trạng hiện nay của sinh viên Khoa-học Đại-học đường. Tôi biết đây là một vấn-đề hệ-trọng,

sơ chưa hiểu rộng thấy xa viết chỉ thêm vớ-vẩn. Nhưng dần-đo suy-nghĩ mãi tôi quyết viết bức thư này, tin tưởng rằng nếu có điều chi sai lầm ông sẽ sẵn lòng tha thứ cho.

Từ ngày trường Đại-học Khoa-học được thành lập tại Hà-nội (1941) cho tới ngày được di-chuyển và sát nhập với Đại-học tại Saigon năm 1954-55, Khoa-học Đại-học gặp nhiều thay đổi.

Trước tiên trường do một ông Khoa trưởng người Pháp trông nom và ban giảng-huấn hầu hết là người Pháp do chánh phủ Pháp gửi sang. Sinh viên tốt nghiệp cử-nhân có thể theo học Tiến-sĩ hoặc Thạc-sĩ ngay bên Pháp. Bài vở thì được giảng bằng tiếng Pháp và không có việc gì đáng kể xảy ra.

Kịp đến khi trường được chuyển giao lại cho chánh phủ Việt-Nam, một số các giáo sư Pháp về nước. Một chương trình thay thế các giáo sư ngoại quốc được hoạch định, chương trình trù-liệu một sự thay đổi lần hồi và sẽ thực hiện trong lâu dài. Một vài môn được giao cho cho một số nhân viên giảng huấn người Việt giảng dạy. Số sinh viên tăng dần (869 người, năm 1956), sinh viên trước học chương trình Việt cũng bắt đầu có nhiều và họ cũng có kêu ca chút đỉnh vì phải học bằng tiếng Pháp, nhưng rồi dần cũng vào đấy, họ cũng theo kịp được (có lẽ nhờ hồi trước số vốn Pháp-văn của họ không đến nỗi tệ như ngày nay ?)

Rồi đến những năm gần đây sinh viên càng ngày càng tăng (2.482 sinh-viên niên khóa 60-61) mà đa số theo chương trình Việt (60 % cho ban S.P.C.N. và cũng gần ấy ở các ban khác). Bài vở thì vẫn được giảng bằng tiếng Pháp mà trình độ sinh ngữ sau này không đủ để họ có thể hiểu một cách rành-mạch những điều giáo sư chỉ bảo.

Không hiểu bài, cuối năm thi hỏng, một số sinh viên đã bắt đầu chỉ-trích lối dạy trên Đại-học và ngày này qua tháng nọ sự chỉ-trích ray-rức ấy có kết-quả. Các vị có thẩm quyền không thể im-hơi lặng tiếng mãi được và bắt đầu đứng ra giải thích : ta thiếu giáo sư, Đại-học ta còn mới quá, ít nhất phải năm mười năm nữa mới có đủ nhân viên giảng huấn người Việt v.v....

của NG

LỜI TÒA SOẠN: Trong tháng trước, chúng tôi có tiếp tại Tòa soạn một bạn đọc có mỹ-ý đến kể cho chúng tôi nghe về cái chết của «Vua Quang-Trung bị Ngọc Hân Công Chúa cho uống thuốc độc»—cái chết bí-mật mà không có Sử-sách nào nói thật rõ-ràng. Nghi-án lịch-sử này đã xảy ra trên 160 năm nay, và ai này cũng tưởng rằng vua Quang-Trung chết đột-ngột vì bạo-bệnh.

Ông NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH cho chúng tôi biết ông là cháu nội bốn đời của Hoàng-tử LÊ-DUY-MẬT, anh ruột của Ngọc Hân Công Chúa. Ông nội của tác-giả, tôn danh là LÊ-DUY-DƯƠNG, chính là con trai của Hoàng-tử Lê-duy-Mật, và gọi Ngọc Hân Công-Chúa là cô ruột. Từ khi Nhà Lê sụp-đều, chi-phái này của nhà Lê phải đổi ra họ Nguyễn, và cụ Lê-duy-Dương đổi danh tánh ra NGUYỄN-LÊ-DƯƠNG. Vì vậy mà hiện nay ở Thanh Hóa có giòng « NGUYỄN-LÊ-PHÁI ». Ông Nguyễn-thượng-Khánh, tác-giả bài sau đây, là một người cháu đích tôn của phái ấy.

Vua QUANG-TRUNG

chết vì một liều thuốc độc

NGỌC HÂN Công Chúa

★ NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH

Theo tôn-chỉ khảo cứu về Văn-học, Lịch-sử, và luôn luôn sẵn sàng mở rộng diễn-đàn đón tiếp tất cả các nguồn sử-liệu và các dư-luận của các nhà thức-giả, chúng tôi xin đăng nguyên văn bài của ông Nguyễn-thượng-Khánh với trách-nhiệm hoàn-toàn của tác-giả. Nếu đúng là sự thật thì đây là một việc phát-giác vô cùng quan trọng, làm đảo-lộn hết những tài-liệu lịch-sử từ trước đến nay về mối tình của Ngọc-Hân Công-Chúa và cái chết của vua Quang-Trung.

PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

CĂN cứ vào Sử - liệu từ xưa, thì sử nào cũng chép vua Quang-Trung chết vì bạo bệnh, nhưng riêng tôi, kẻ viết bài này, cách đây gần 40 năm, có được nghe Nội tổ chúng tôi kể chuyện lại thì

Vua Quang-Trung chết vì bị ám sát bằng độc dược, chứ không phải vì bạo bệnh như các sử-gia đã chép. Năm ấy là năm 1922, tôi đương còn là một cậu học trò trường Pháp Việt Thanh-Hóa. Khi nghe ông nội tôi kể lại câu chuyện

rên, từ ngày ấy đến nay đã gần 40 năm, tôi tưởng tượng quang cảnh và thời gian cuộc kể chuyện ấy hình như mới xảy ra cách đây không lâu.

Mới nghe câu : Vua Quang-Trung chết vì bị ám sát bằng độc dược, thì tất cả các bạn chắc ai nấy đều sững sốt ngạc nhiên. Vâng ! ai mà không ngạc nhiên, nhưng nếu các bạn đọc hết bài này các bạn sẽ thấy câu chuyện vua Quang-Trung bị ám sát là một tài liệu xác thực.



Năm 1922, nhân một ngày kỵ Tồ-tiên, trước mặt đông đủ, Thầy tôi, các chú tôi, và chúng tôi, ông Nội tôi cung kính rút cuốn gia phả của giòng họ chúng tôi để trong cái hòm gỗ sơn son thiếp vàng ở trên bàn thờ ra và nói :

“—Các con, năm nay ta đã già lắm *« Cận địa viễn thiên nan thức âm dương chi nhật »* (1). Vậy ta cần phải nói rõ lại tại sao giòng họ ta ai nấy đều lấy họ NGUYỄN, mà bức hoành phi treo giữa nhà thờ họ Nguyễn ta lại đề : «NGUYỄN-LÊ PHÁI».

Ta biết các con thắc mắc từ lâu, nên lần này ta xin tồ tiên hãy

tha tội cho ta, để ta kể rõ gia phả của Tồ tiên cho đến đời các con, kéo sau này các con mù quáng không tìm thấy nguồn gốc thì tội ta chẳng nặng lắm ru.

Thế rồi như một thần tượng, ông tôi cung kính lần dở từng trang ở cuốn gia phả và cất tiếng trầm trầm kể :

— Sau 10 năm nằm gai nếm mật, người « Anh hùng áo vải Lam sơn », là LÊ-LỢI mới đuổi xong được quân nhà Minh ra khỏi bờ cõi đất nước. Người bèn lên ngôi Hoàng - đế, và kỷ nguyên triều đại nhà HẬU-LÊ bắt đầu từ đó.

Trải qua mấy độ hưng vong, các người thừa kế vẫn lần lượt kế nghiệp nhà Lê, cho đến đời vua LÊ-HIỀN-TÔN, thì xảy ra lắm chuyện đau lòng.

Vì nhu nhược, nên Vua Hiền Tôn bị quyền thần họ Trịnh xưng Chúa, thành ra kinh đô Bắc-Hà bị cái nạn Vua Lê-Chúa Trịnh như ngày nay các con thấy chép trong các sách sử-học.

Có một số trung thần, thấy

(1) Gần đất xa trời, chẳng biết sống chết ngày nào.

Vua Lê bị họ Trịnh chuyên quyền lấn át, nên mới mật nghị với Vua Lê đề trừ cái họa họ Trịnh.

Bên Vua Lê thì muốn cỡi cái ách của họ Trịnh.

Bên họ Trịnh thì càng ngày càng củng cố ngôi Chúa đề cho Vua Lê càng bị cảnh cô lập và suy nhược hơn.

Thành ra gây một bầu không khí bất hòa, nghi kỵ lẫn nhau, và vì vậy mới có ngày ngai vàng của Vua Lê bị tan gãy, mà nghiệp Chúa của họ Trịnh cũng điêu tàn. Chuyện lục đục của Vua Lê chúa Trịnh được Nguyễn-hữu-Chỉnh là một bày tôi của vua Lê, không được tin dùng mấy, đem vào Trung trình bày cả cho Nguyễn-Huệ hay—và khuyên Huệ nên kéo quân ra Bắc - Hà lấy cớ diệt Trịnh phù Lê mà thôn tính đất Bắc.

Nguyễn - Huệ đã có ý định lấy Bắc Hà từ lâu, nhưng chưa có dịp; nay được Chính hiền kế nên quyết định kéo quân ra Bắc. Trước khi đi Nguyễn-Huệ có nói :

« Tôi sợ các nhân sĩ Bắc-Hà sẽ không quên nhà Lê, và tiến quân ra Bắc sợ không thành công ».

Chính hiền hiền tự đắc nói : « Nhân sĩ Bắc-Hà toàn là một lũ hủ nho tham sống sợ chết, không ai có thể bằng Chính được. Nay Chính đã là người dưới trướng của Tể tướng công. Xin Tể tướng công đừng e ngại ».

Nguyễn - Huệ vừa cười vừa nói : « Nhân sĩ Bắc Hà tôi không sợ, chỉ sợ có ông mà thôi ».

Rồi cả hai xuất quân ra Bắc.

Diệt xong họ Trịnh, Nguyễn-Huệ bèn trao lại cho vua Lê-hiền-Tôn mọi quyền hành, và chỉ chờ tể chức xong mọi công cuộc bình định là rút lui binh về Phú-Xuân.

Vua Lê-hiền-Tôn được Nguyễn Huệ trao trả lại ngôi Vua, nên bằng lòng **GẢ CÔNG CHÚA NGỌC-HÂN CHO NGUYỄN HUỆ ĐỀ ĐỀN ƠN.**

Cuộc HÔN PHỐI NGOẠI GIAO này, cũng làm vừa lòng Nguyễn-Huệ, nên không cần đòi hỏi gì thêm, Nguyễn-Huệ bí mật rút quân về Phú-Xuân mà không cho Nguyễn-hữu-Chỉnh hay.

Biết là Nguyễn-Huệ bỏ rơi mình ở Thăng-Long, Nguyễn-hữu-Chỉnh bèn đem quân tức tốc chạy theo vào đến Thanh-

Hóa nhưng không kịp, Chinh bèn đóng quân lại Thanh-Hóa, và chiêu binh mãi mã tìm cơ hội tiến thân. Từ đó Chinh được vua Lê vời ra Thăng-Long để trông coi việc nước. Và lòng tham vọng của Chinh không ngoài mục đích lấy vua Lê làm vớ để dễ bề hành động riêng của mình. Thì vừa lúc đó vua Hiền-Tôn băng hà, truyền ngôi lại cho LÊ CHIÊU THỐNG. Nguyễn hữu Chinh lúc ấy được toàn quyền hành động, nên cắt quân định tiến đánh Phú-Xuân. Nguyễn-Huệ được tin, bèn hạ lệnh tiến quân ra Bắc lần thứ hai. Bắt được Chinh đem giết đi, và tiến quân ra Thăng-Long.

Vua Lê chiêu Thống cả sợ, bỏ kinh đô chạy lên miền Cao Bắc Lạng rồi thảo sớ sang cầu viện với vua Càn-Long.

Nguyễn Huệ tiến ra Thăng-Long, thấy không còn ai là Hoàng Tộc nhà Lê để giữ gìn được việc nước, bèn cho Võ-tướng là NGÔ-VĂN-SỞ, văn thân là NGÔ-THỜI-NHIỆM ở lại sửa sang cai trị miền Bắc, và rút binh về Phú Xuân để chống với Nguyễn-Nhạc ở Qui-Nhơn đang lăm le ra đánh Phú xuân.

Khi tiếp được sớ vắn của Lê chiêu Thống cầu viện, vua Càn-Long cho đây là một dịp tốt để đặt lại nền đô hộ tại nước Việt. Nên cho Tôn-sĩ-Nghị đem 20 vạn quân tinh nhuệ tiến sang Việt-Nam, với danh nghĩa giúp vua Lê, nhưng tự trung có cái dã tâm thôn tính nước Việt-Nam như trên đã nói.

Quân TÔN-SĨ-NGHỊ chia ra làm ba đạo, do ba đường thủy bộ tiến vào nước ta. Binh đi đến đâu thế mạnh như vũ bão, không hề gặp một sự kháng cự nào của Tây Sơn cả.

Nhưng Tôn-sĩ-Nghị có biết đâu, không gặp sức kháng cự của Tây sơn là do kế của Ngô-thời-Nhiệm dùng cách *dĩ dật đãi lao*. Rút quân không đụng độ với Tôn-sĩ-Nghị để thừa cơ đánh một trận là nên công. Tất cả các toán quân của Tây Sơn đều rút về đóng quân tại đèo Tam-diệp ở Thanh-hóa, và án binh bất động và cho quân kỳ bài mang lệnh hỏa tốc, cưỡi ngựa phi tinh về báo cáo tình hình miền Bắc cho Nguyễn-Huệ ở Phú-Xuân biết.

Tiếp được tin báo, Nguyễn-Huệ bèn ra lệnh động binh toàn diện. Tự xưng là Quang-Trung

Hoàng-đế rồi cắt quân ra Bắc.

Đến đèo Tam Điệp, Quang-Trung đã thấy Ngô-văn-Sở và Ngô-thời-Nhiệm phủ phục trối mình ở ven đường để đợi tội.

Vua Quang-Trung vội vàng nhảy xuống ngựa đỡ hai người dậy mà phán rằng : « Hai khanh rút binh về đây thực đúng như ý trẫm, đâu có tội gì mà phải trối mình chịu tội như thế ». Nói xong, cởi trối cho hai người và «ấp tay cùng vào Trướng để bàn luận.

Sau đó, Vương cho ba quân tướng sĩ nghỉ ngơi ăn Tết sớm ở Tam-Điệp, và hẹn cùng tướng sĩ ăn Tết muộn tại Thăng-Long ngày mừng bầy tháng giêng đầu năm.

Với một cách dụng binh qui khố thần sầu, Vua Quang-Trung đã tiến vào Thăng-Long giữa ngày Tết đầu năm khi mà bọn Tôn-sĩ-Nghị đang mê-man với rượu nồng, dề béo, đàn ngọt, hát hay, gái đẹp. Tôn-sĩ-Nghị hoảng hốt bỏ chạy, không kịp mặc áo, không kịp lấy ấn tín, vội vàng sang sông Nhị-Hà tìm lối thoát thân.

Vua Lê-chiêu-Thống cũng nhờ một nhóm cận thần rút qua

sông Nhị bằng một con đường khác để chạy lên Cao Bắc-Lạng. Hai mươi vạn quân Thanh thấy mất chủ-tướng, không còn gan ruột nào mà chiến đấu nữa, nên mạnh ai nấy chạy, dầy xéo lên nhau để tranh giành qua sông trước. Thành ra chết đuối không biết bao nhiêu mà kể, còn lại thì vất bỏ khí giới đầu hàng.

Vua Lê-chiêu-Thống cùng một đám vong thần nhà Lê theo Tôn-sĩ-Nghị sang Tàu để cầu viện vua Càn-Long lần thứ hai.

Còn lại một nhóm nghĩa quân có tâm huyết, thì đưa LÊ-HOÀNG PHI là vợ vua Chiêu-Thống cùng chạy lên mạn ngược để ăn náu chờ ngày mưu đồ khôi phục cơ nghiệp cho nhà Lê.

Nhóm này có : Trần - quang-Ngọc — Nhị-Nương — và Phạm Thái.

Còn một nhóm nghĩa quân thì theo hoàng tử LÊ-DUY-MẬT chạy vào mạn Hà-đông, Hòa-bình, noi theo đường thượng đạo vào Hồi xuân — Sầm Nưa — Trấn-Ninh để chiêu binh mãi mã gây dựng lại nghiệp Lê.

Nhưng than ôi ! Vạn nhà Lê đã đến ngày cùng mạt, nên chỉ đám nghĩa quân của Lê-duy-Mật

ở miền Trung, chẳng gặp may mắn gì hơn. Đói khát, rừng thiêng nước độc đã là một dịch thù đáng kể, nên chẳng bao lâu cũng mòn mỏi mà tan rã luôn. Hoàng-Tử LÊ-DUY-MẬT cũng vì lam sơn chướng khí và uất-ức mà ngộ bệnh rồi bỏ mình ».

Kề đến đây, ông Nội tôi gạt lệ, và ngược mặt nhìn chúng tôi nức nở hỏi : « Các con có biết HOÀNG-TỬ LÊ-DUY-MẬT là ai không ? Ta chính là con trai trưởng của Người đó. TA PHẢI ĐỔI HỌ ĐỔI TÊN, lìa rừng về ăn náu tại LAM-SƠN, là nơi tổ tiên ta khởi nghĩa đuổi quân Minh gây nghiệp cho nhà Hậu Lê. Ta đã phải ăn náu trong nhà một nông phu chất phác khi ta mới lên 12 tuổi. Và ta đã đổi họ Lê lấy họ Nguyễn, để tránh sự lùng bắt của quân Tây-Sơn. Vì thế các con mới thấy 3 chữ : NGUYỄN LÊ-PHÁI trên bức đại tự kia. Ta phải nói rõ thêm là lúc ta theo thân phụ ta là Hoàng-Tử Lê-duy-Mật ăn náu trên vùng Trấn-Ninh, có lần thân-phụ ta đã toan kéo quân xuống đánh lấy Nghệ-An và Thanh - Hóa. Vì lúc ấy thân phụ ta nghe tin

Nguyễn - Huệ đã chết ở Phú-Xuân.

Người bèn liên lạc ra Bắc để tìm nghĩa quân phò Lê ở Cao-Bắc-Lạng. Nhưng than ôi ! Đám nghĩa quân ở mạn ngược Bắc Hà đã tan rã, vì một nhóm vong thần nhà Lê theo vua Lê-chiêu-Thống sang Bắc-Kinh cầu viện với vua Càn-Long, đã đem hài cốt vua Lê về Cao-bắc-Lạng giao cho Lê-hoàng-Phi.

Con nhỏ của Lê-hoàng-Phi chết khi ở Cao-bắc-Lạng, Hoàng-Phi còn sống là mong ngày gặp được mặt chồng. Nay vua Lê-chiêu-Thống đã chết, bà không còn bụng dạ nào mà sống nữa. Bà liền tự tử.

Hoàng-Phi chết, thì đám nghĩa quân cũng tan rã luôn. — Trần-quang-Ngọc, Nhị-Nương thì mai danh ẩn tích không ai tìm thấy nữa — còn Phạm-Thái thì trước kia tạm khoác tấm áo nâu sồng để mưu đồ đại sự cho nhà Lê, nhưng nay nhà Lê như thế là hết vận rồi, Phạm-Thái khoác luôn tấm áo nâu sồng, từ bỏ mọi chuyện thế gian, tìm yên tĩnh trong tiếng chuông hồi mõ.

Không liên lạc được với toán nghĩa quân miền Bắc, Thấy ta,

Hoàng tử Lê-duy-Mật, đành bỏ tay mặc cho số mệnh, và người uất ức thành bệnh mà chết ở Trấn-Ninh.

Nhưng các con có biết vua Quang-Trung tại sao mà chết không.

Vua Quang-Trung KHÔNG CHẾT VÌ BẠO BỆNH như trong Sử nói, mà CHẾT vì bị ám hại

Người giết Vua Quang-Trung không phải là ai xa lạ cả!

Say sưa với chiến thắng này, qua chiến thắng khác, Vua QUANG TRUNG đã được Vua Càn Long phong làm *An Nam Quốc Vương*, thay nhà Lê đề cai trị nước Việt. Danh chánh ngôn thuận như vậy, nhưng thâm tâm Vua Quang-Trung vẫn muốn mở mang bờ cõi nước Việt cho sang đến Quảng - Đông, Quảng Tây mới nghe.

Nên Vương sai Ngô - thời-Nhiệm thảo sớ sang Bắc-kinh cầu hôn với Công chúa con Vua Càn-Long. Và trong sớ cũng không quên nhắc nhở đến lưỡng Quảng là đất của nước Việt-Nam xưa. Vậy nếu Thiên-triều có gả Công chúa, thì xin cho hai tỉnh Quảng-

Đông — Quảng - Tây làm của hồi môn.

Lúc dâng sớ cầu hôn, đòi hai tỉnh là thâm tâm Vua Quang-Trung chỉ mong Vua Càn Long từ chối, mới có dịp cho là nhục quốc thể mà cử binh sang đánh Trung-Hoa. Nào ngờ — Con cáo già Càn-Long là một ông vua thức thời vụ, thấy Nguyễn Huệ đa mưu túc trí, dụng binh như thần. Và lại cái thảm bại của 20 vạn quân do Tôn-sĩ-Nghị rước lấy cách đây không lâu, Vua Càn-Long đâu có quên, nên không muốn gây hấn với Vua Quang-Trung, và lúc ấy Trung-hoa đang bị đảng « Hưng Hán giết Mãn » đe dọa đến ngôi cửu ngũ của vua Càn-Long, nên thấy sớ cầu hôn thì chấp thuận liền, và hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây là biên thùy Trung-Quốc xa xôi thiếu kiểm soát. Vua Càn-Long thấy cho Công chúa làm của Hồi môn cũng không có gì là thiệt hại cả. Nên vua Càn-Long mở yến hoan đãi Sứ-bộ Việt-Nam. Và chấp thuận tất cả mọi chuyện. Liền đó vua Càn - Long dục Sứ-bộ về nước đề tính chuyện nghênh hôn.

Muốn cho tình giao hảo hai

nước được lâu dài, Vua Càn-Long còn tính một mặt cử cho đem Công chúa lên đường sang Việt-Nam, và một mặt Vua Quang-Trung phải thân ra biên - ải để đón vợ. Và lễ động phòng hoa chúc sẽ lập ra ở tại chỗ mà hai bên gặp nhau.

Sứ-bộ Việt-Nam trên đường về nước, liền cho người cầm *hỏa tốc* bài phi ngựa về Phú-Xuân báo cáo mọi tình hình.

Tin mừng về đến Phú-Xuân, thì ngay sau đó, Vua Quang-Trung bị ám hại. NGƯỜI GIẾT VUA QUANG-TRUNG LÀ CÔ RUỘT CỦA TA, là NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA»

Chúng tôi tất cả đều ngạc nhiên quá sức tưởng tượng. Rồi không đợi cho chúng tôi hết ngạc nhiên, Ông tôi kể tiếp : « Các con ngạc nhiên là phải lắm, nhưng sự thực người giết vua Quang-Trung chính thực là Công chúa Ngọc-Hân.

Ngọc-Hân đang sống trong điện ngọc lầu vàng, nơi kinh đô Thăng-Long, Công-chúa mới vừa 16 tuổi đã phải lìa xa hoàng phụ và hoàng mẫu, để về làm vợ của Nguyễn-Huệ.

Mười sáu tuổi xuân buộc mình

trong cung cấm. Ngọc-Hân Công Chúa đâu có ngờ vua cha gả một cách đột ngột như thế. Mà cuộc HÔN PHỐI NGOẠI GIAO với Nguyễn-Huệ đâu có phải là một cuộc hôn phối như ý muốn của Công Chúa. Đã không phải là một cuộc hôn phối tốt đẹp, lẽ tự nhiên có một sự oán hờn bên trong.

Vì vận nước, vì chữ hiếu, Ngọc-Hân Công-chúa về làm vợ Vua Quang-Trung không phải là một việc dặc ý, như các Sử gia chép.

Lúc bái biệt Vua Lê về Phú-Xuân với Nguyễn-Huệ, Công-chúa đã có bài thơ tự oán như sau đây :

(Bài thơ của CÔNG CHÚA NGỌC HÂN làm khi bái biệt Vua Lê về Phú-xuân với Nguyễn-Huệ).

Giã biệt Thăng-Long, tới
Phú-Xuân

Riêng mang sầu hận,
phận Thoa-quần

Cương thường hoẵng
nặng hai vai trĩu

Tình nghĩa lơ là một
cán cân

Duyên kiếp đục trong
nhờ bến nước

**Hôn nhân may rủi gởi
cấm phần**

**Hóa công sao khéo đa
đoan nhĩ**

**Thuở trước Huyền-Trân,
nay Ngọc-Hân (1)**

Đó phải chăng tâm sự của
Người oán hôn thốt ra ở nơi
bài thơ lúc bái biệt Vua Hiền-
Tôn ?

Công chúa dâu có ngờ. Nàng
phải vâng lệnh vua cha kết duyên
cùng Nguyễn-Huệ là một người
nàng không bao giờ ước mơ
trong mộng. Cho nên ta có thể
nói rằng : Nếu không vì chữ hiếu
thì Ngọc-Hân đã có thể chết
được khi nàng được tin phải
làm vợ của một tướng Tây-Son.

Thế nhưng, bao năm tháng gần
gũi với Nguyễn-Huệ, tình thù
hình như đã biến đổi thành tình
thương. Nàng kính mến Nguyễn-
Huệ hơn trước kia, nhất là từ
khi nàng có 2 con với chồng.
1 gái 1 trai, và đến giai đoạn
này thì đời Công chúa Ngọc-
Hân đã gắn liền với thân thể
Nguyễn-Huệ. Nàng kính mến và
yêu quý chồng đến nỗi lúc
Nguyễn-Huệ tiến quân ra Bắc
lần thứ nhì : Bắt giết Chinh,

Vua Lê-chiêu-Thống phải bỏ kinh
đô mà chạy lên miền Bắc.
Nguyễn-Huệ sai tướng sĩ chia
nhau cai trị Bắc Hà, mà Công
chúa cũng đứng đưng không một
mảy may phản ứng.

Yêu quý kính mến Nguyễn-
Huệ đến nỗi cuộc tiến quân ra
Bắc tiêu diệt 20 vạn quân Thanh,
vua Lê-chiêu-Thống phải bỏ hết
cả cơ nghiệp nhà Lê, theo gót
Tôn-sĩ-Nghị sang Tàu luôn.
Tôn miếu xã tắc nhà Lê bị giày
xéo chà đạp đến như thế, mà
Công-chúa cũng vẫn không tức
giận là vì Công chúa đã quá yêu
chồng, thương con rồi, nàng dâu
có thiết gì đến sự nghiệp của
nhà Lê nữa.

Lúc bấy giờ hai đám nghĩa
quân của nhà Lê có tìm cách
liên lạc được với Công chúa.
Một thiếu nữ cũng giòng giới
công thần của nhà Lê, mà thuở
bé đã được vào hoàng cung học
và chơi với Công chúa, vâng
lệnh vào Phú-Xuân tìm Công
chúa đề trước là dò la tin tức và
tình hình nội bộ của Tây-Son

(1) Bài thơ này trong gia phả
Nguyễn-Lê của chúng tôi có chép

Sau là tìm cách giết Nguyễn-Huệ bằng một thứ thuốc độc rất mạnh do đám nghĩa quân miền Bắc chế ra theo môn gia truyền của dân Thượng-du. Thứ thuốc độc này nếu giở vào rượu chừng vài ba giọt, màu sắc và hương vị của rượu không có chút gì thay đổi. Nhưng uống trôi qua cổ họng, là người bị đầu độc cảm thấy bản thân khó chịu rồi tắt thở luôn.

Gặp Công chúa, thiếu nữ trình bày mọi lẽ, nào là Tôn miếu xã tắc nhà Lê bị Nguyễn-Huệ giày xéo chà đạp. Nào Tôn-thất hoàng-tộc nhà Lê bị Nguyễn-Huệ thẳng tay tàn sát. Nào ngại vàng sự nghiệp của Nhà Lê bị Nguyễn-Huệ cướp. Tất cả mọi biến cố trên đều do Nguyễn-Huệ gây ra. Nàng yêu cầu Công chúa hãy hy sinh một chút tình nghĩa mà cứu lấy cơ nghiệp Nhà Lê.

Ngọc-Hân nghe kể tự sự, bằng lòng nhận lãnh món độc được và hẹn sẽ thi hành sứ mệnh, và cho thiếu nữ của đám nghĩa quân về Bắc.

Nhưng Công-chúa đã không làm gì cả. Nàng đã tôn kính Nguyễn-Huệ như một vị anh hùng, không nỡ giết.

Không dè tình thế lịch-sử lại xui khiến Ngọc-Hân sẵn món thuốc độc kia mà ám hại chồng.

Sứ bộ Việt-Nam trên con đường về nước đã cho liên-lạc viên cầm hỏa tốc bài, cưỡi ngựa phi-tinh, chẳng quản ngày đêm về Phú-Xuân báo tiếp trước cho Vua Quang-Trung biết là Vua Càn-Long đã chấp thuận tất cả, và Sứ-bộ khi về đến biên cương sẽ xin ở lại; Sửa sang Quán dịch để tiếp đón Công-chúa con vua Càn-Long, và Hoàng-Đế Quang-Trung. Lễ giao-bôi hiệp cần sẽ cử hành tại Ải Nam-quan.

Tin mừng đó đến với Nguyễn-Huệ. Tất cả triều đình đều hoan-hỷ. Vua Quang-Trung rất vui vẻ hơn hờ với cái mộng thu hồi lưỡng Quảng, và được làm rề vua Tàu.

Ngọc-Hân biết được tin ấy. Ngọc-Hân không vui mừng. Nàng thần thờ như kẻ mất trí, vì quá ghen với Công-chúa Trung-quốc sắp được rước về làm Hoàng-hậu.

Con gái vua Càn-Long sẽ cướp mất ngôi hoàng-hậu của Ngọc Hân.

Nguyễn-Huệ lấy Ngọc-Hân

làm vợ chỉ vì muốn lấy lòng vua Lê và toan tính cướp ngôi nhà Lê, bây giờ nhà Lê không còn nữa, Nguyễn Huệ lại muốn kết duyên với con gái vua Càn Long để lợi cho Quốc-sách của chàng. Cho nên chàng có thể bỏ bê hờ hững Ngọc Hân để chịu ý của Hoàng-hậu mới của Trung-Quốc. Ngọc hân không ghìem được lòng ghen hờn. Trong một lúc uất-hận và cuồng trí, Ngọc Hân đã nhất định giết chết Nguyễn-Huệ, để trả thù cho mối tình của Ngọc Hân sắp tan vỡ và trả thù cho nhà Lê.

Quang-Trung tiến vào hậu cung dùng cơm. Nhà Vua vui mừng quá, không thấy có sự gì thay đổi trên nét mặt của Ngọc Hân. Vương hân hoan bưng chén rượu lên môi, và uống cạn một hơi, không dè Ngọc Hân đã bỏ thuốc độc trong đó. Liền sau đó, Quang-Trung thấy khó chịu, bỏ dở bữa cơm, tiến lại ngã lưng trên long-sàng và đẩy-dựa một lúc, rồi tắt thở luôn.

Tin Vương bị băng hà đột-ngột, quần thần Tây-Sơn đều cho là Vua chết vì chứng « *Thượng-mã phong* » chứ không ai ngờ là bị chết vì thuốc độc cả. »

Ông tôi kể đến đây thì người gặp cuốn gia-phả lại, kính cẩn đứng lên hướng vào bàn thờ Nguyễn - Lê - Phái và lâm-râm khấn vái to nhỏ. Sau đó, Người quay ra truyền cho con cháu lui khỏi nhà Thờ. Khi chúng tôi ra hết, thì Ông tôi tự khép cánh cửa nhà Thờ họ Nguyễn-Lê lại và ở luôn trong đó không thiết ăn uống gì nữa.

Thế rồi mấy hôm sau Ông nội tôi mất.

Trải qua mấy độ thăng trầm, Thầy tôi và các chú tôi đã chết, gian nhà thờ họ NGUYỄN - LÊ của chúng tôi bị Việt-Minh giật đổ vào năm 1947, khi họ hô hào « Tiêu thổ kháng chiến ». Cuốn Gia-phả họ Nguyễn - Lê chúng tôi cũng không còn nữa.



Đêm nay, dưới ngọn đèn 60 nến, trên căn gác trọ tồi tàn lọt vào giữa Đô thành đầy ánh sáng của miền Nam, tôi mê say viết lên đây một sử liệu mà từ xưa tới nay không ai biết. Đề các sử gia đương thời tham khảo về cái chết của vua Quang-Trung do Ngọc-Hân Công chúa trong một phút hờn ghen gây nên.

Làm cho nước ta không có dịp thu hồi được lương Quảng, và Nguyễn-phúc-Ánh mới có thời cơ mà khai sáng được kỷ nguyên nhà Nguyễn. Rồi đất nước mới bị cái họa người Pháp sang cai trị quàng vào cổ dân ta cái ách đô hộ trên 80 năm. Nếu vua Quang-Trung không chết về tay Ngọc-Hân Công-chúa thì đất nước Việt-Nam chưa chắc như ngày nay.



Đêm nay, con xin đốt nén hương lòng, tạ tội cùng tổ tiên

họ nhà Lê, xin tiền nhân hãy tha tội cho con. Vì con không thể nào giữ bí mật sử-liệu này nữa. Con muốn để nhân dân chép Sử cho đúng, mặc dù con biết làm thế là đắc tội với tiền nhân.

tháng 6 năm 1961
NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH
(Một di huyết của giòng họ
NGUYỄN-LÊ-PHÁP)

KỲ SAU : Từ Hoàng-tử
LÊ-DUY-MẬT đến giòng
họ NGUYỄN-LÊ hiện
còn sống sót ngày nay.



★ Đánh giầy thép

Một người đàn ông vừa ở Đà-lạt xuống Saigon quên mất địa chỉ một người bạn, bèn đánh giầy thép cho người em họ ở Đà-lạt :

— Chú có biết địa chỉ của Trần Hữu không ?

Ngay chiều hôm sau, người này nhận được bức điện tín hồi âm :

— Biết.



TRUYỆN NGẮN

chỗ nào. Chị Thọ ngồi chồm hổm dưới đất, một tay hốt rác bỏ vào bếp giữ cho ngọn lửa luôn luôn cháy tiếp, một tay cầm que gạt tro ra ngoài. Mồ hôi nhễ nhại trên trán, trên mặt, trên hai cánh tay để trần, thỉnh thoảng nhỏ đánh bộp một cái xuống đất.

Nhưng lưỡi lửa leo lên vung làm chị Thọ đã mấy lần toan mở vung lại rút tay vì rác khô đỏ quá, cháy ngùn ngụt. Nhưng rồi chị cũng mở được : dưới một lớp lá chuối

NGÀY MÙA

✧ MỸ-KHANH

G I A N bếp chật hẹp. Mái tranh thấp lè tè chỉ muốn cọ sát đầu tóc những người có chiều cao trung bình, bỏ hóng đen thui bám dày từng mảng lớn chờ đợi một luồng gió mạnh là rơi xuống bất cứ

đây kín, những củ khoai lang màu đỏ sẫm nằm xếp cạnh nhau trong chiếc nồi đất cũ kỹ, sứt sía nhiều chỗ nơi miệng, nói lên sự nghèo nàn của chủ nó. Chị lấy chiếc đũa con, thử chích đầu đũa vào một củ. Củ khoai chín

bỏ tách làm đôi để lộ chất bột rắng ngà-ngà, mịn ướt và tỏa hơi thơm ngát. Người đàn bà nuốt nước bọt, có lẽ chị đang đói bụng. Chị thò tay định bốc một củ ngay trên bếp nhưng rồi chị lại thôi — chắc chị có một ý nghĩ — và nhấc bông nồi khoai đổ ra rổ. Ngồi chờ cho luồng hơi nóng hơi thơm mùi quýt rũ bay lên rồi tản mát trong không, chị nhìn ra ngoài ngõ...

Đã trưa lắm rồi ! Anh Thọ vẫn chưa về ! Mặt trời lên cao, tỏa ánh nắng rất chói xuống cánh đồng bát ngát.

Những đám ruộng lúc chín liên tiếp nhau chạy dài mãi tận chân lũy tre xa thẳm, phơ màu vàng ối làm vui mắt người dân quê đang mong đợi ngày mùa. Tiếng cười nói pha trò của bọn thợ gặt trong một đám ruộng sát ngõ đưa vào bên tai làm chị Thọ hơi khê cau đôi mày và thở dài. Chị nghĩ đến cái nghèo của chị, của chính chị, cái nghèo truyền kiếp từ đời cha chị cũng như cái nghèo truyền kiếp của gia đình chồng. Từ thuở hây còn là một con bé lem luốc, trần truồng, lúc nào

cũng mũi giải lòng thông rồi lớn khôn sống cuộc đời lam lũ, vất vả với cha mẹ, cho đến ngày nay làm vợ, rồi làm mẹ một đàn con bốn đứa, bao giờ đâu óc chất phác của chị cũng mang một tư tưởng giản dị là : trời sinh ra mình nghèo. Chị bằng lòng với cái cảnh thiếu thốn, giắt gấu vá vai do trời sinh ấy, không hề mảy may suy nghĩ, tìm tòi căn nguyên.

Nhưng hôm nay chị chột buột tiếng thở dài ! Một chút ánh sáng, một ý tưởng so sánh, một chút xiu mằm ghen tức thoáng qua trong khối óc bấy lâu vẫn tối tăm.

— «Chú Tư năm nay có duyên lạ ! Ruộng trúng quá ! »

Giọng một người đàn bà vui vẻ nói lên ngoài đám gặt. Chị Thọ nghe đau nhói trong ruột ! Một niềm tủi khổ cùng với cơn đói xót xa !

Phải, cũng chỉ vì kiếp nghèo đeo đuổi nên vợ chồng chị hồi năm ngoái đành gặt nước mắt nhìn chân ruộng rế sáu sào trước ngõ vào tay chú Tư Phở xóm dưới. Ruộng ấy có tiếng

là tốt, nguyên của nhà ông Chánh Năm trước kia vẫn cấy nhưng bây giờ chia phần cho người con cả làm việc ngoài tỉnh nên gọi người làm rẽ. Vợ chồng anh Thọ đã nhiều lần nhờ kẻ trung gian khéo léo để mong được làm, nhưng rốt cuộc, bên cạnh chú Tư Phò khá giả hơn về mọi « phương diện », anh bị đánh rơi với câu phê « không đủ năng lực » của ông Chánh.

Rồi, bắt đầu vụ làm mùa. Mỗi lần đôi trâu vạm vỡ của chú Tư phăng phăng trải những luống cày đều đặn trên đám ruộng rộng lớn là mỗi lần vợ chồng anh Thọ chưa xót trong lòng. « Những con vật cũng dễ ghét ! » Đã có lúc vợ chồng cùng thốt ra như thế ! Chúng hình như lấy làm hãnh diện, đưa bộ mặt vênh váo nhìn vào tận nhà anh, mỗi khi chúng phải đi ngang ngõ anh, để rồi lê đôi chân nặng nề bước xuống ruộng.

Hôm ấy chị Thọ đã buột miệng, giọng ghen tức :

— Tưởng giàu mua được ruộng mới giỏi, còn ăn vay cày rẽ thì nước non chi !

Có tiếng trẻ khóc từ trong chiếc nôi treo ở đầu chái. Chị Thọ tắt tả chạy lại, ẵm vội thằng bé, và ngồi xếp xuống đất, cạnh cái rổ khoai, chị vạch áo cho con bú. Phần chị, chẳng đợi chờ được nữa, chị lựa một củ sắn vỏ và chín bỏ, bỏ vào miệng nhai ngấu ngiến.

— « Một buổi sáng nay, phần mình mười sáu gánh rồi, phải không Tâm ? »

Chị Thọ chợt liếc nhìn qua hàng rào thưa : một bọn đàn ông bốn người lực lưỡng gánh bốn gánh lúa nặng trĩu đi nối đuôi nhau vừa đi vừa nói chuyện vang trước ngõ. Theo nhịp bước của họ, bông lúa rung rung nghe rào rào như những hạt mưa to đầu tiên mới rơi xuống. Chị nhận ra chú Tư Phò đi sau cùng, người vừa hỏi câu ban nãy. Bắt giắc, chị cúi nhìn vào rổ khoai của mình. Nó nhắc chị nhớ đến những bữa ăn ngày mai, ngày mốt, chắc cũng thế thôi, trừ phi chuyển nguồn này anh Thọ về có nhiều ít lúa. Chị liên tưởng đến những ngày vui vẻ của gia đình chú Tư, vợ chồng con cái quây quần quanh rá cơm thơm dẻo. Mai đây, mùa

mưa gió rét mướt đến, họ thân nhiên ngồi trong nhà hường lấy ấm cúng, khỏi phải lặn lội cơ cực ngoài trời tìm lấy cái ăn.

Bỗng con chó Vện nằm giữa sân ghéch mõm lên hực hực mấy tiếng. Hình như từ sáng đến giờ chưa có gì no lòng nên nó cũng không buồn sủa. Một người đàn ông da ngăm đen, đội chiếc nón lá trùm hụp quảy đôi gánh nhẹ hồng hỏ, mệt nhọc bước vào. Anh ta quăng đôi gánh giữa nhà, kéo chiếc ghế tre nhỏ ngồi xuống bên cạnh vợ. Nhìn rõ khoai lang, anh hơi cau mày, hỏi trống không :

— Không nấu cơm à ?

— Hết gạo rồi.

— Ngủ dậy, đi một mạch về đây, đói quá. Tưởng nhà có cơm.

— Thì ăn đỡ củ khoai đã. Chiều rồi hãy nấu.

Rồi chị làm như sức nhớ ra, hỏi chồng :

— «Chuyển ni có khá không ?

Anh Thọ thở ra, đáp bần thần :

— Khá, mà... trừ nợ cũ hết, chỉ còn hai ang ! Con mẹ Lý gay quá, mình hẹn để mùa sau mà nó cần răng !

Chị Thọ an ủi chồng :

— Thôi, cũng xong một món nợ, để thêm lo chó ích chi, mình còn những khi lỡ làng khác.

Bữa ăn của hai vợ chồng chấm dứt. Người vợ đứng dậy, gát chỗ khoai còn lại lên chiếc gióng treo dưới nhà bếp, để phần thằng Tý đi học lớp dạy trưa của thôn chưa về, và con Bè chạy chơi bên hàng xóm. Thế mà từ đầu năm nay đã bớt đi được một miếng ăn nhờ cô nó đem thằng Bình về ở giữ trâu cho cô. Người chồng cởi áo bước ra giếng, múc nước xối ào ào. Hơi nước mát rượi chạy khắp người anh, đem lại một cảm giác dễ chịu. Nỗi mệt nhọc đi đường xa dưới trời nắng rát, sự túng bần nghèo cực đã làm anh khổ tâm, nghe như cùng với làn nước lạnh chảy từ đầu xuống chân, chan hòa trên vật cỏ xanh rì quanh bờ giếng. Chợt anh đưa mắt nhìn ra ruộng, qua hàng tre thưa thớt, rồi hỏi với vào trong nhà, vẫn với cái giọng trống không mà chị Thọ đã quen nghe :

— Ruộng chú Tư bữa nì

gặt bè ! Trúng quá, lão có lo
sấm thêm bồ mà đựng lúa.

Người vợ đáp lại một câu
đầy uất ức, căm hờn :

— Dễ đâu trúng được
hoài ! Làm ruộng có năm, để
tầm có lúa.

Anh Thọ làm thính, mím
cười khi nghe vợ nói. Liếc
nhìn những bông lúa trĩu hạt
vàng ối nằm sắp mái như lúa
chất sẵn trong nhā, anh mím
đôi môi, gặt đầu, về cương
quyết...



Đêm tối đen vì không trăng
nhưng trời đầy sao rải ánh
sáng mờ mờ xuống cánh đồng
vắng lạnh. Thôn xóm hầu hết
như ngủ yên sau một ngày
quá say sưa hoạt động. Đâu đây
vài tiếng chày giã gạo rơi lẻ
tẻ của nhà nào có người nội
trợ đảm đang, tiếng cú kêu
rời rạc buồn mênh mông...

Chị Thọ, sợ tổn dầu, đã ăn
cơm trước lúc nhá nhem và
đã ẵm đứa bé đi ngủ được một
giấc. Thằng Tý, con Bè, nằm
chèo queo mỗi đứa một góc
ván, ngáy kho kho. Cha chúng

kêu trời nóng, đem chiếc chõng
tre ọp ẹp ra mái đầu sân mong
đợi một tí gió mát. Anh gát
tay trên trán, suy nghĩ vẩn vơ
về cuộc đời, từ thuở bắt đầu
trực tiếp lo lấy cái sống, anh
đã được mấy lúc thanh thoi. Mỗi
lần thêm một đứa con là y như
mỗi lần vai anh trĩu nặng thêm
một ít. Thế mà vẫn cứ dễ !

Nhiều lúc anh tự nhủ : « rậm
người hơn rậm của » nhưng
thật ra, chính trong cảnh sống
anh, chưa bao giờ anh thấy
rõ cái nghĩa đúng đắn của câu
ấy. Anh thăm so sánh đời anh
với đời những người cùng xóm
đồng lúa tuổi với anh và trí
anh quay về chú Tư Phô xóm
dưới. Mà nghĩ tới Tư Phô là
phải nhìn ra giây ruộng chín
bên ngô.

Anh Thọ bước ra, ngồi xõm
bên cạnh gốc cây ổi ngoài ngõ.
Đồng lúa ngủ yên, bây giờ
không phở màu vàng tươi rực
rỡ nữa, nhưng thoảng trong
hơi gió nhẹ, mùi lúa chín thơm
thơm tỏa trong đêm tối. Anh
Thọ hít mùi lúa chín vào mũi
và cảm thấy thêm thêm chén
cơm gạo mới dẻo dẻo, bùi bùi,

béo gãy.

Bống, anh đứng phắt dậy, đi vào nhà. Anh mò mò, nhẹ bước lại tẩm phen trong cùn, gần gian bàn thờ, im lặng rút chiếc liềm. Nhưng tiếng động nhỏ cũng đủ làm người vợ thức giấc. Chị hoảng hốt ngồi dậy hỏi to :

— Ai đó, ai cắt phen đó ?

Người chồng vội ghé tai nói thầm với vợ.

Chị ta lặng yên suy nghĩ. Nhưng chợt chị nắm chặt bàn tay khô khan, cứng rắn của người đàn ông đang mân mê rờ thử lưỡi liềm, nói thì thào :

— Thôi, ăn không đủ đời đâu, lại mang tai mang tiếng. Dem cắt đi rồi đi ngủ.



☆ Trét chai cho trơn

Tên thợ lợp-vò kia ngồi nơi trại một mình đang nấu chai để trét ghe. Chợt đâu một người ở rầy cỡi lừa đi ngang qua đấy, thấy lạ mới dừng lại nhảy xuống, bước vô xem và nói rằng :

— Anh nấu cái chi đó ?

— Chủ mầy không thấy nấu chai đó sao ?

— Nấu chai làm chi vậy anh ?

— Nấu chai trét ghe. Bộ chủ mầy thuở nay không thấy trét ghe hay sao ?

— Tôi ở trên rầy, ghe cộ đâu có mà thấy. À mà trét ghe làm chi vậy anh ?

— Khéo hỏi không ! Trét cho ghe trơn dặng nó đi mau.

— Vậy hả ! ... Tôi không có ghe mà có con lừa đấy, nó đi tợ rùa bò. Không biết ước chừng trét cho nó, nó có đi mau hơn trước hay không ?

— Mau lắm chứ !

— Ơ ! Ơ ! Vậy xin anh làm ơn trét cho nó một chút, được không ?

— Sao không được ? Đâu, chủ mầy vèn đuôi nó lên !

Chủ thợ múc một vá chai sôi tạt vào đuôi con lừa. Con vật bị nóng quá sức, nhảy nai, phóng riết... Ủa cớ khờ ! Thôi rồi, mau quá ! Anh có cách thật hay mà bây giờ làm sao theo bắt nó cho được ? Thôi, anh làm ơn trét cho tôi luôn thể, mà phải trét bằng hai, để tôi rượt theo kịp con lừa.

— Tùy ý.

Chủ thợ tạt cho y một vá chai sôi, anh ta nhào lăn, la lên:

— Trời ơi ! chết tôi ! chết tôi !...

TRẦN PHÚ MẦM (Định-Tường)

Đây lứa tuổi thiết thời trong thế kỷ
 Không hôm qua mà chẳng có ngày mai
 Sống bơ vơ như những ngón tay dài
 Của thi-sĩ lúc buông rời thực-tế
 Tôi không muốn làm thơ sầu kẻ lẻ
 Vì đời này cần lắm chuyện vui tươi
 Như nét môi tôi phải ánh nụ cười
 Như lứa tuổi đáng ra nhiều mộng tưởng
 Tôi không dám ôm lòng nhiều lý tưởng
 Vì đời này đâu có nghĩa cao sang
 Nên gót - chân - học - trò buồn bâng khuâng
 Nên nước-mắt-học-trò buồn không nhỏ
 Nên cả những mùa Xuân thành không có
 Với lớp người đang thành khăn Vải Biền
 Đang khát khao một chút sống dịu hiền
 — mà thế kỷ này đã làm sụp đổ —

Hôm nay giữa nẻo đường xa đất đỏ
 Chúng tôi đang cố gắng bước vào đời
 Ôm trong hồn nhiều viễn ảnh tương lai
 Tin Thượng Đế sẽ thiên dàng bỏ ngõ

LỮ - QUỲNH

(Huế)

KHÓC ĐÊM TRĂNG

Đêm trăng mình khóc không ai
 Trời cao cuội có thở dài mà thương ?
 Ngàn năm sáo nghẹn tim buồn
 Mình nghe đồng vọng cô đơn cuộc đời
 Thương mình cuội vẫy tay thôi
 Mình thêm một giấc lên ngôi trong trăng-

NGUYỄN-PHAN-THỊNH

(Đà-Nẵng)

chặ
 ng
 buồn
 thế
 kỷ

Ký
giả

thủ
trước

★ TẾ' XUYỀN

(Tiếp theo P.T. số 61)

Ký-giả chống việc duy trì Chế-độ Nam-kỳ

Trên đây, chúng tôi kể vài câu chuyện đề minh chứng sự khó khăn cho các ký giả trong thời Nhật-thuộc. Tuy vậy, các ký giả cũng không bỏ qua sứ mạng của mình trước những quyền lợi tối cao của Tộc-Quốc, nhứt là trước sự duy-trì chế-độ Nam-kỳ như cũ.

Thật vậy, khi Nhật đảo chánh Pháp xong rồi, thì hôm sau, tức là 11 tháng 3, đã có một người Nhật đi tới các văn phòng thuộc

chánh phủ thuộc địa Nam-kỳ và tự giới-thiệu :

— Tôi là Sato, phó Thống đốc, do Thiên-hoàng bổ-nhiệm. Còn vị Thống-dốc là ông Minoda sẽ đến trễ mất mấy ngày.

Ai cũng ngó ngàng, không hiểu ra sao và nghĩ đến cái họa « dịch chủ tái nô ». Quả nhiên, vài hôm sau có Thống đốc và có phó Thống đốc thật, chỉ khác là hai vị « tân quan » thiếu cái mũi cao, cặp mắt xanh, song cũng nói tiếng Tây rành rẽ với các công chức Pháp, Việt.

Ấy vậy mà chánh phủ TRẦN TRỌNG KIM đã lên cầm quyền và tuyên bố nước Việt-Nam độc-lập rồi đó !

Các ký-giả Việt-Nam lại càng căm tức hơn nữa là đã có bộ Thanh Niên trong chánh phủ Trần Trọng Kim, mà ở Sài-gòn còn có một Tổng Ủy-viên Thanh-Niên là Lãnh-sự JEIDA lên kế vị cho đại-tá Ducoroy của Pháp.

Vài báo đã viết bài nói đến vấn đề thống nhất xứ sở, chủ trương rằng Nam-kỳ thuộc lãnh-thờ quốc-gia.

Người Nhựt cũng làm thỉnh.

Chánh phủ TRẦN TRỌNG KIM cử ông bộ - trưởng kinh-tế NGUYỄN HỮU THÍ vào Nam; cáo báo quyết lợi-dụng cơ-hội này để nói lớn lên ý chí thống nhất xứ sở. Ông Thí không có uy-tín gì trong nhân - dân vì ông chỉ là một người giao thương với hãng Nhựt Mitsui có tiếng trong giới dầu-cơ. Mặc dầu vậy, ông cũng là người chánh thức bắc cầu dầu tiên giữa Trung Bắc với Nam-kỳ. Báo giới phải tiếp ông một cách xứng đáng, trọng thể.

Trong bữa tiệc đãi ông, có nhiều yếu nhơn Nhựt được mời tới dự, đại diện làng báo đã đọc một bài

diễn văn cương quyết nhấn mạnh :
« Chúng tôi nguyện rằng Nam-kỳ là lãnh thổ của tổ tiên chúng tôi, không có mãnh lực gì cắt khỏi lãnh-thờ quốc gia được. Đó là thịt trong thân - thề chúng tôi ; đó là máu trong huyết quản chúng tôi ».

Chưa đủ.. Trong bữa tiệc thứ nhì của Thanh-Niên khoản-dãi tại trụ sở ở đường Charner (Nguyễn Huệ) đại diện Thanh-Niên cũng chung một luận điệu với báo chí và nói lớn lên ý-nguyện thống nhất Quốc gia.

Báo *Điện-Tín* dưới bút quyền của ký giả VÂN TRINH, đã có can đảm đăng một bài phỏng vấn ông Bộ trưởng Thanh Niên, trong ấy có mấy câu sau này mà tôi nhớ mãi :

Hỏi. — Thưa ông bộ trưởng Thanh-niên, Tổng Ủy-viên Thanh-Niên ở Saigon có liên-hệ với quý bộ ra sao ?

— Tổng Ủy-viên nào ? Tôi đâu có biết.

— Chính là ông Lãnh sự Jeida.

— Tôi không hề biết ông ấy. Tất cả nhơn viên phụ trách về Thanh-niên đều do tôi bổ-nhiệm.

Sau này có người cho chúng tôi hay : ông Jeida căm tức bài phỏng vấn ấy lắm vì nó phủ nhận

quyền hành và chức vị của ông. Nếu đóng cửa được tờ *Điện Tín*, ông cũng dám làm.

Báo - giới cứu nạn đói năm Dậu

Hồi Nhựt thuộc, báo-chí Sài Gòn còn ghi một công-tác xã-hội nữa là cứu-tế đồng bào Bắc-Việt đang lâm nạn đói, bằng cách mỗi tuần đề dành ngày Chúa nhựt đề xuất bản tờ báo « *Cứu đói* ».

Ba tờ nhựt báo có nhà in đều nghỉ làm việc và luân phiên hiến mình cho ủy ban « cứu đói » : tuần này tờ *Dân Báo*, tuần sau tờ *Sài Gòn*, tuần sau nữa tờ *Điện Tín*. Một người trong ủy-ban nhẩy ra làm chủ bút, thầu tập bài vở tin tức đăng lên báo mà tòa soạn tờ báo liên-hệ không hay biết gì hết.

Lúc đầu ông Trần văn Hanh đòi quyền kiểm soát, song vô hiệu quả. Ông đành phải chịu « hạ bệ » ngày chúa nhựt.

Ông cũng lo nếu có ngày kia trên *Dân Báo* của ông lại có bài công kích ông thì nói sao. Sự lo xa của ông vô ích, vì ủy-ban cứu đói cũng tế nhị không vô ý thức đến thế.

Song cũng xảy ra một vụ đụng chạm nhỏ, phạm đến uy tín... nhà in của ông.

Nguyên là một buổi chiều chúa nhựt, ông đọc tờ *Dân Báo* « cứu đói » bỗng thấy mấy câu « Cáo lỗi bạn đọc » như sau này :

« *Sở Dân Báo Cứu tế Nạn Đói* kỳ trước sắp đặt hơi lộn-xộn, lại có nhiều lỗi, đó là tại ấn-công sơ-xuất. Chúng tôi xin sẽ bồi-khuyết từ số sau ».

Cái thói quen « trăm lỗi trút lên đầu ấn công » — cái gì cũng đổ thừa thợ sắp chữ đã thành như một thông lệ trong làng báo hồi trước. Nhưng ông Trần Văn Hanh, chủ-nhiệm *Dân Báo*, cho là phạm danh-giá ông vì tờ báo in tại nhà in của ông. Ông coi lời đính chánh kia là lời mắng ông gián tiếp.

Ông bèn viết một bài đính chánh lại như sau :

« Xin lỗi bạn đọc.

« *Sở Dân Báo cứu tế Nạn đói* ra kỳ trước, cũng như những số sẽ ra chúa nhựt sau, là hoàn toàn trách-nhiệm của cậu X, chủ bút... Tòa soạn của cậu lo bài vở, sửa mo-rát và làm mise ; chớ ấn công không biết gì tới.

Ký tên : Sếp ti - bô *Dân Báo* ».

Sở dĩ ông Hanh kêu ông « Chủ bút chúa nhật » ấy là cậu vì chủ bút này còn trẻ lắm, mới chừng 20 tuổi, mới lấy vợ và chưa làm báo bao giờ. Vợ của ông này lại là em gái ông Chủ tịch Ủy ban Cứu-dối, nên em rề theo gương anh vợ, xung-phong mỗi chúa nhật bỏ các cuộc tiêu khiển mà làm chủ bút một ngày chơi, cố nhiên là không ăn lương vì làm việc nghĩa.

« Chủ bút chúa nhật » sau khi đọc lời « tục đính chánh » của Chủ nhiệm Dân Báo, giận lắm, nhưng cũng không có lời qua tiếng lại gì giữa hai bên nữa. Sau này gặp nhau họ chỉ cười tình về cuộc bút chiến không tiền khoáng hậu đã gây ra : Dân Báo bút chiến với Dân Báo.

Khi gặp người quen biết, thì bên nào cũng có một luận-diệu bảo vệ lòng tự ái :

« Chủ bút chúa nhật » nói :

Mỏ không thềm trả lời *lủy* vì *lủy* núp sau lưng anh ấn công trường, không dám ra mặt.

Chủ nhiệm Dân Báo : Tôi không muốn nói với trẻ con. Tôi đề cho sếp ti-bô của tôi nói.

Hai nhơn vật của sở Thông Tuyên Báo...

Hồi Nhật - thuộc, các ký giả Việt - Nam hàng ngày vẫn phải lên sở Thông Tuyên Báo (Thông Tin, Tuyên Truyền và Báo chí) tức sở JPP cũ Pháp mà thảo luận với viên Chủ-sự Báo-chí về đề-tài cần phải viết, cần bình-luận, hay về tổng quát tờ báo phải trình bày ra sao. Một lối chỉ huy du-luận vậy !

Chủ-sự Báo-chí là một thanh-niên Nhật tên là Kozeki chừng 30 tuổi, còn đầy máu nóng... Khi Nhật đầu hàng, anh ta như người loạn óc có lẽ vì quá buồn phiền, tủi nhục. Anh đã lang thang ngoài đường suốt ngày, hoặc vào quán rượu uống la-ve hết chai nọ đến chai kia ; người Nhật có tiếng là uống la-ve « một cây » ; Kozeki thường ngồi với cả chục cái vỏ chai dề trên bàn, trước mặt.

Rồi một hôm vào tháng 9-1945, trong khi dân Sài-gòn sửa soạn tản cư, dân Nhật lần lượt bị giải giới và hồi hương, thì nghe tin Kozeki đã bắn một viên đạn súng sáu vào đầu, tự sát vì

quốc hận. Những vụ tự tử của người Nhật trong giờ bại trận xảy ra ở Saigon như cơm bữa, ít ai để ý đến. Tôi nghe tin Kozeki chết, thấy buồn man mác.

Trên Kozeki, tôi còn có dịp tiếp xúc với một nhơn vật báo-chí nữa của Nhật là đại-tá Hatakenaka, giám-đốc Sở Thông Tuyên Báo. Ông này đã có tuổi, nên điềm-dạm hơn, không hăng hái, bông bột như Kozeki. Ông có một căn-bản văn hóa khá rộng nên đối với các ký-giả, văn nhơn, ông tỏ một thái-độ nhã nhặn, lịch thiệp. Hồi Nhật chưa đầu hàng, nông dân miền Tây bỏ việc ruộng rẫy mà lo rèn đúc gươm giáo. Thống-đốc Nhật Minoda đâm lo, phải nhờ giáo chủ Huỳnh Phú Sổ đi khuyến nông vì nông dân miền Tây phần nhiều theo đạo Hòa-Hào. Đồng thời, đại-tá Hatakenaka cũng được vị Thống đốc cử làm đại-diện, đi các tỉnh miền Tây để tiếp xúc với các tầng lớp dân chúng. Cùng đi với ông có hai cộng sự viên người Việt của ông và một ký-giả duy-nhứt, đại diện cho làng báo Saigon hồi ấy gồm có 3 tờ nhật-báo : Điện-Tín,

Saigon, Dân Báo, và đầu 4 tờ tuần báo. Phương tiện giao thông bị giới hạn, xe hơi chỉ chạy bằng rượu và cả «phải đoàn» ấy chỉ được có một cái xe.

Đến tỉnh nào, ông Hatakenaka cũng đề nghị với tỉnh trưởng tổ chức hai cuộc tiếp xúc : một ở tòa hành chánh để ông nói chuyện với các nhơn sĩ địa phương và một ở nơi công cộng (rạp hát) để nói với dân-chúng.

Hatakenaka thật là người khôn khéo và chịu học. Ông đã biết tiếng Pháp và còn học tiếng Việt nữa. Trong một bữa tiệc long trọng mà các nhà thân-hào thiết đãi ông ở Cần-thơ, ông dành cho cái thành-phố có tiếng là « thủ-dô miền Tây » này một bài « đít cua » bằng tiếng Việt. Một bài « đít-cua » viết sẵn, lời lẽ văn-hoa, chắc là do một cộng sự viên của ông thảo. Ông đọc rành rẽ, làm cho nhiều người phải chằm chồ khen ngợi.

Khi tiếp xúc với dân chúng, các cộng sự viên của ông đưa ra tặng những hộp quẹt, xà bông, những xấp vải, mỗi xấp vải thước, gọi là quà của quân-dội Nhật.

Cuộc kinh lý miền Tây của vị đại diện Thống-dốc Nhựt chẳng biết có ảnh hưởng gì không vì hồi ấy đã là tháng bảy năm 1945, qua đến tháng tám thì Nhựt đã đầu hàng và bầu không khí chánh trị bắt đầu sôi nổi từ Nam chí Bắc: nước Việt Nam đang dở qua một trang sử mới, đánh dấu một giai đoạn tranh đấu để giành giật Tự-Do với bọn Thực-dân trở lại.

Viết báo thời Việt-Minh

Sau khi Nhựt bại trận, tình hình làng báo Sài-gòn ra sao ?

Đây tôi xin phác-họa lại bằng vài nét đan - thanh. dựa vào trí nhớ và cuốn nhựt ký sơ-sài của tôi

Hồi Nhựt, báo chí còn bị kiểm-duyet, cuối tháng 8 năm 1945 đúng vào ngày 25, Việt-Minh tổ chức một cuộc biểu tình nói là để «giành lại chánh-quyền» của ông Khâm-sai Nguyễn-văn-Sâm còn ở ngoài Huế chưa vào tới Saigon nhậm chức. Gọi là « giành » hay « cướp chánh quyền » hoặc « đảo chánh » cho lớn chuyện, chớ hồi đó cán bộ

V. M. đã len lỏi vào giữ các địa vị cốt yếu trong công sở và trong có một đêm họ đã thay đổi cờ và nắm hết quyền-bính.

Trần văn Giàu, chủ tịch Ủy-ban Nhơn dân, muốn tỏ ra rộng rãi, dân chủ, tuyên - bố tự do báo chí, bỏ chế độ kiểm duyệt, cho tự do xuất bản nữa. Đây chỉ là một thủ đoạn vì chế độ báo chí vẫn còn khắt khe, như tôi sẽ nói trong một đoạn sau.

Làng báo Sài-gòn mừng rỡ và ngạc nhiên nghe tin ở Hà-nội, bộ trưởng thông-tin Trần-Huy-Liệu còn duy-trì chế-độ kiểm-duyet. Nên biết rằng hồi cuối tháng 8 1945 ở Bắc Việt, các lực lượng quốc-gia khá mạnh và đương đầu với Cộng sản ; Việt-Minh ở Hà nội còn là một Mặt trận liên kết các đảng phái, chớ chưa bị cộng sản chi phối như ở trong Nam. Vì thế mà bộ trưởng Trần Huy Liệu (theo cộng) phải duy-trì chế độ cũ để dễ bề đối phó với các báo quốc gia chống Cộng.

Được tự do xuất bản, thôi thì báo chí Sài-gòn bay ra như ong vỡ tổ. Chỉ có một trở lực là vấn đề giấy. Ai khéo tìm ra

giấy, mua được giấy thì cứ ra báo. Những kho giấy còn lại mà nhà cầm quyền biết được, đã bị trưng dụng để phân phát cho các báo « có lập trường » và « đi đúng đường lối ».

Nực cười và mỉa mai là một tờ báo có tên « Lao Động » lại ra đời với một ông đại thương gia làm chủ nhiệm... và tờ báo ấy thành cơ quan của Tổng công Đoàn nữa. Cái ông phú thương khoác áo lao động kia có lẽ cũng là theo thời trang cho đúng « mốt » cũng như hồi Nhật thuộc ông có thể bận đồ « sọt » sơ mi và quần cụt may rộng thùng thình cho ra vẻ « nip-pông »... và thời còn Pháp chắc ông đã may một bộ Âu phục ở một tiệm may có tiếng tại đường Catinat !

Ba tờ báo sống từ đời Pháp

qua Nhật, vẫn còn với trào Việt-Minh.

Làm báo trong giai đoạn này thật là một môn thể thao, nếu không mạnh sức có thể bị đau nặng. Sớm mời đi nghe ủy-viên X. trong Ủy-ban Nhơn dân tuyên bố, trưa có cuộc hội báo ở phong Thông tin (bỏ cả ngủ trưa !) Chiều một cuộc nhóm họp chánh trị, tối một cuộc diễn thuyết giữa trời.

Bao nhiêu tin tức cần thông báo cho độc giả, từ chủ bút đến phóng viên ai cũng mệt nhoài. Chủ báo nào có sẵn giấy thì cứ in báo, in ra bao nhiêu bán hết bấy nhiêu. Dân chúng coi tờ báo như một món ăn sáng cần thiết như tô hủ tíu hay ly cà-phê.

(Còn nữa)



★ Danh ngôn

— *All's well that ends well.*

(Mọi việc đều tốt khi nó có kết quả tốt.)

SHAKESPEARE

GENÈVE

Năm Châu của Thế-giới là : Châu-Áu, Châu-
Á, Châu-Phi, Châu-Mỹ và . . . Genève

★ Calleyzand

MỘT trong mười thành phố đứng đầu hạng có tánh cách quốc tế, Genève lại là thành phố nhỏ hơn hết. Chỉ cần không hơn một tiếng đồng hồ đi bằng chân là đi từ đầu này đến đầu kia thành phố ấy. Với một diện tích 24 cây số vuông và một dân số khoảng gần 200.000 người, Genève tiêu biểu — đem đối chiếu với những thị trấn khác — một sức mạnh hoàn toàn không cân xứng với cái vóc vạc của nó chút nào hết.

Những thỏa hiệp có một tầm quốc tế, những điều ước, những hiệp-định, những quyết nghị, đã làm cho từ lâu nay chữ Genève thành đồng nghĩa với « quốc-tế ». Giờ đây, khi nghe kể đến

tên thành phố ấy là người ta nghĩ ngay đến những giai-đoạn khùng - hoảng, những hội-nghị tuyệt-đỉnh.

Những hội-nghị quốc-tế khởi đầu ở Genève là ngay vào năm 1864, khi ông Henri Dunant — một người dân thành Genève đầy lòng bác-ái — triệu tập đến đây những nước văn - minh để cố nhân-đạo-hóa những luật lệ chiến tranh. Từ cái đại hội đầu tiên ấy, phát sanh ra, một mặt, Hiệp-định Genève qui định săn sóc tất cả những thương binh không phân biệt sắc phục, và mặt khác, Hội Hồng-thập-tự quốc-tế. Về sau, Genève trở nên

★ TỪ - TRẦM - LẶ

trụ-sở của cái tổ chức hoạt động cho hòa bình thế-giới, gọi là Hội Quốc - Liên, và giờ đây, nó là thủ-đô Châu-Âu của Liên-Hiệp-Quốc, của tổ-chức y-tế thế-giới và của hàng mấy mươi cơ-quan chánh thức hoặc bán chánh thức khác nhằm mục đích giáo dục và hoàn thiện cuộc sanh sống xã-hội.

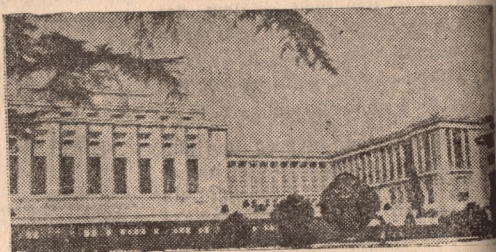
Phải cần cho các nước trên hoàn-cầu một mảnh đất trung lập mà nơi đó họ có thể cãi vã nhau thay vì tàn sát nhau, và những lý do khiến họ chọn Genève rất dễ hiểu, vì Genève nằm ở trung tâm Âu-châu, vì phi trường ở Genève đứng bậc nhất và hiếm khi có những buổi sa mù, vì nó thuộc cái xứ trung lập một cách cố-định. Đúng vậy, nước Thụy-sĩ, vốn ghê tởm tất cả mọi cuộc đồng minh, liên minh cũng không cả đến là hội-viên của Liên-Hiệp-Quốc.

Với một khí hậu trong sáng và có tác - năng hồi-sinh, nằm ở 375 thước trên mực nước biển, Genève như tán trợ cho tinh thần giữ hoặc lấy lại được sự điều độ và dễ thấm lấy lẽ phải. Một phần tư dân số ở Ge-

nève là người ngoại-quốc, và Đại học đương ở đây tính số sinh viên ngoại quốc nhiều hơn người Thụy-sĩ.

Không một thành phố nào khác có thể biết tổ chức được một cách hoàn mỹ một đại hội quốc tế, như Genève. Ở Điện-chư-Quốc (Palais des Nations), mỗi ghế đều có ống nghe, và có một ê-kíp thông ngôn có thể dịch bất cứ thứ tiếng nào. Đối với 1.000 hay 2.000 ký giả theo dõi những cuộc tranh luận, thì có một nhà Báo Chí với những văn phòng, những máy đánh chữ, những máy điện-thoại, những đường dây thép, những máy truyền-tin. Lại có những phòng cho vô tuyến-diện và vô tuyến truyền-hình, những phòng cho nhiếp ảnh viên, và một phòng rất rộng dành cho những cuộc họp báo.

Thêm vào còn có một lực-lượng cảnh sát 500 người mà



Hội-trường Liên-Hiệp-Quốc

sự can thiệp rất là kiến hiệu mỗi khi có một bất trắc nhỏ nhoi nào ở một cuộc họp. Lối 100 người trong bọn là những thanh - tra mặc thường phục canh giữ những phòng khách sạn, họ dự vào những cuộc hội họp và những bữa tiệc yến. Tất cả những người làm trong khách sạn đều phải qua một cuộc điều tra và nếu thuận hảo thì được cấp một tấm thẻ có dán ảnh và mang dấu tay của mình.

Đối với dân chúng thành Genève, sự hiện diện của một Wenauer hay một Khrouchtchev không có gì là đặc biệt cả. Tất cả những ông tai to mặt lớn ấy đều là những người quen biết cũ. Với một truyền thống hiếu khách người dân thành Genève có cái tài không bao giờ làm phiền nhiều những khách đến địa-phương họ. Vào hồi nghị hội năm 1955, khi Tổng thống Eisenhower ra phố mua đồ chơi cho đứa cháu bé của ông, không hề có sự dân chúng đồ xô đến tới tấp quanh ông để ngắm ông như thường xảy ra ở những nơi nào khác. Tuy vậy, cửa hàng mà ông đến mua ấy đã kỷ-niệm cái biển cổ ấy bằng một tấm bảng đem treo ở trước cửa tiệm mình mang mấy chữ tiếng Anh như

sau : The shop of the President (Cửa hàng của Tổng thống).

Genève nằm ở mút mé Tây hồ Lemman. Hồ này dài 72 cây số. Mặt nước hồ thường êm ả và có những con thiên nga mình trắng tuyết bơi lội vãn vơ. Về hè, đó là một nơi lý-tưởng để tắm, thả tàu bơi hoặc dẫn-dì hơn, ngồi ở một trong những nhà hàng dài theo bờ mà ngắm cảnh, vừa thưởng thức những món cá mới đánh ở hồ lên còn tươi rói. Khắp bốn bên, núi dựng sừng sững : đây là bức tường thẳng đứng của ngọn Salène, kia là những răng cưa của ngọn Jura, và cao hơn nữa mà ở nơi nào trong khắp thành phố cũng thấy được là cái mũ hề một sắc trắng tinh khiết của núi Blanc, đỉnh núi cao nhất Âu Châu.

Du-khách, khi đến Genève, đầu tiên là làm quen với cái khu rộn ràng của những cửa hàng, những ngân - hàng và những đại khách sạn. Cái vùng ấy lôi kéo được du khách, vì nhà cửa khá thấp, thế nên ở khắp nơi đó, hoặc hầu khắp, người ta có thể nhìn thấy giòng nước đỏ ào ạt của con sông Rhône, chảy ngang qua thị trấn, những chiếc cầu lấp lánh sáng và mặt hồ như tấm gương phớt

xanh và trắng bạc. Cũng thế như mỗi thành phố đều có một vật đặc-trưng, chẳng hạn Ba-Lê có tháp Eiffel, Luân-Đôn có đồng hồ Big Ben, thành phố Genève có cái vòi phun nước của nó. Đó là một chùm nước lên cao đến 130 thước, từ dưới hồ bắn lên với lượng độ 30.000 lít mỗi phút. Trong những đêm hè, lại được đèn rọi chiếu, chùm nước ấy bày ra một cảnh tượng vô cùng ngoạn mục.

Lịch-sử thành Genève khởi từ xa xưa còn hơn Ba Lê. Ngay năm 58 trước Chúa Giáng sinh, Jules César đã có nói đến nó và thuật rằng ông đi đến đó để thiêu hủy một cái cầu trên sông Rhône, hầu cản ngăn bộ lạc người Helvète (Thụy-sĩ xưa) xâm-lăng miền Nam nước Gaule (Pháp xưa). Nhưng niên - biểu trọng đại của lịch sử thành Genève là 1536, năm Jean Calvin đến ở Genève và biến nó thành cái thành trì Cải-cách, cái « La Mã tân giáo ». Genève tự lập thành cộng-hòa độc-lập, có cờ và huy-hiệu riêng. Năm 1815, Genève gia-nhập khối liên bang những quận, hợp thành hôm nay là nước Thụy-sĩ. Nhưng ở tất cả các giấy tờ chánh-thức, thành phố này luôn luôn tự xưng một cách kiêu hãnh « Cộng Hòa và Quận Genève. (République et Canton de Genève.)

Cái dấu vết to lớn đầu tiên mà Genève in lên những nước khác dính liền với sự bành trướng của đạo Tin-lành đã khai sanh ra những giáo-hội Tô-Cách-Lan, Hòa-Lan, và Bắc Ái-nhĩ Lan là những nước đam mê tự do một cách nồng nhiệt, và đã phóng xuất những « Đoàn Hành hương » sang Mỹ quốc. Ở khắp nơi, phong trào ấy gây nên những người bảo vệ cho tự do, sự tự do cầu Trời theo lối của mình. Ở khu Genève xưa vẫn còn cái nhà của nhà đại cải cách ấy và ngôi đền mà nơi đó ông thuyết giáo. Đi xuống những con đường hẹp của khu Genève cũ, người ta gặp những tường thành xưa, từ thế kỷ 15 và 16.

Những người Genève xưa, tất cả đều là tôn đồ của Calvin và họ vẫn theo sát những nguyên tắc khắc khổ của ông một cách chính thật. Và sống cạnh nách với số người này, là những đảng viên của một người Genève khác truyền bá một chủ nghĩa hoàn toàn chống đối. Người ấy là Jean-Jacques Rousseau. Rousseau đả-kích cái vô ích của sự đề nén và chủ trương sự trở lại tự nhiên. Thế nên, một mặt là những người Tôn giáo khắc khổ tuân hành một luân lý ngoan cố, công kích sự phù bạc, nông nổi, và bài xích sự phô-trương

dưới mọi hình thức, trong khi mặt kia là những người Genève lành khí vui vẻ chuộng ăn uống và giải trí.

Là ngã tư của Âu châu, Genève luôn luôn tiếp đón khách lạ một cách nồng hậu, và tấm lòng rộng rãi ấy đã được đền đáp tương xứng. Những người thợ theo Tân giáo từ Pháp và Ý đến trú ẩn đây vào thế kỷ 16 đã mang theo trong bọc hành lý của họ những tài năng của họ, như thợ đồng hồ, thợ làm vàng nguyên chất, thợ chạm trổ đồ sứ, thành thử cái thị trấn ấy đang lúc đó sắp phá sản đến nơi, trở nên một thành phố phồn thịnh và phát đạt một cách nhanh chóng. Cùng một lúc nó biến thành một trung tâm Tiuh-chế và Văn-hóa cao-dẳng vì một số những người đến gõ cửa xin tị-nạn là những nhà thông-thái và những nghệ-sĩ...

Một số những người khác, không phải là dân tị nạn, đem lòng yêu chuộng thành phố ấy và đến ở qua đây như Balzac, Voltaire, Stendhal, Dostoiewski, Goethe, Mitoh, Beethoven, và Lizt. Toàn là những kẻ trứ danh trong các bộ môn văn-ngệ. Lyron, Shelley, George Eliot và Longfellow đều tìm thấy ở đây một khí hậu làm nảy « yền sĩ phi lý thuần ».

Chính trong cuộc đại hội đầu tiên ở Genève, do đó phát sanh Hội Hồng-thập-tự quốc-tế, mà các nước trên thế-giới hiểu thấy rằng họ có ở đây một mảnh đất trung lập mà nơi đó họ có thể giải quyết một cách hòa bình những xung đột giữa họ. Mười-năm sau đó, năm 1876, một dịp mới nữa hiện đến cũng cố thêm cái địa vị trung gian điều giải của thành phố ấy.

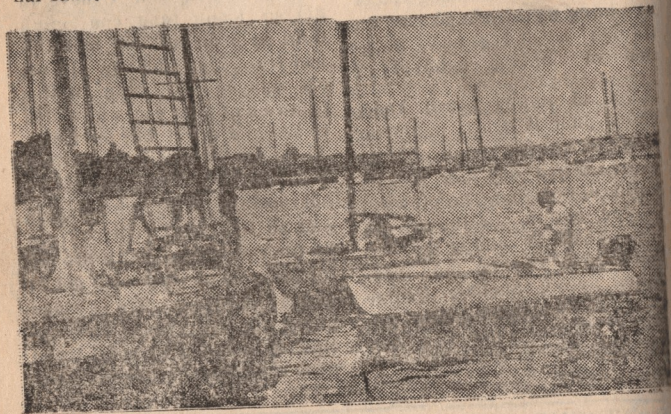
Năm ấy, Anh quốc và Hợp chúng quốc bất hòa với nhau về vụ chiếc tàu cướp biển Alabama nhờ sự trợ giúp của Anh quốc, đánh chìm 70 thương thuyền trong trận giặc Nam-Bắc phân tranh ở Hoa-Kỳ (Guerre de Sécession) Hai nước mới gặp nhau ở Tòa thị-sanh Genève và đặt sự tranh tụng của mình dưới sự phán xử của một Ủy-ban trung-lập, như vậy lập lên cái nguyên tắc rằng những tranh chấp giữa các nước đều có thể giải quyết bởi sự trọng-tài hơn là bởi chiến tranh. Anh quốc đã chánh thức xin lỗi và bồi thường cho Hợp-chúng-quốc một số tiền là 15 triệu rưỡi đô-la. Gian phòng mà hai nước ký thỏa-uớc ấy đến giờ vẫn gọi là phòng Alabama. Trong gian phòng ấy có trưng bày cái chuồng nhỏ mà, năm ấy, trong tiếng rung lên của nó, khai mạc

buổi nhóm họp đầu tiên của Hội Quốc-liên.

Năm 1945, thấy rằng Hội Quốc-liên không thể ngăn cản được trận Thế-chiến thứ nhì, những nhà lãnh đạo đồng minh mới, quyết định dựng lên một tổ-chức khác đặt ở một thành phố khác, như vậy có thể hợp hơn để bước đi bước mới. Genève phải nhường cho Nữ - Ước. Nhưng Điện-Chư-Quốc đã được dùng làm Tổng hành dinh lực lượng Âu-châu của Liên-hiệp-quốc. Và từ đó, nó vẫn được dùng cho hàng trăm cuộc hội nghị về y-tế công-cộng, về dân tị nạn, và hàng đôi mươi vấn đề khác không có tánh cách chánh trị. Tòa nhà ấy, trước kia Hội-quốc-liên cho là quá lớn, giờ thì Liên-hiệp quốc thấy nó là quá nhỏ nên đã cho cất thêm hai cánh.

Những tổ chức, chánh thức hay bán chánh thức, có trụ sở ở Genève, giờ đây lên đến con số 152, và gồm hầu hết tất cả những địa hạt về sự sinh hoạt của con người. Chẳng hạn như Văn phòng Lao động quốc tế, Hội đồng Giáo hội thế giới, Tổ-chức khí-tượng thế-giới, Văn phòng Giáo dục quốc tế, Liên-đoàn hiệp hội thanh nữ và thanh nam Công giáo quốc tế.

Có thể kết luận rằng Genève có được một thiên năng đặc-biệt không làm sao giải thích được cái thành phố tương đối bé nhỏ ấy lại có thể có được một tầm quan trọng như vậy ? Hay nói một cách khác Talleyrand, nhà ngoại giao tên tuổi trước đây của Pháp, đã có lý khi ông bảo : « Năm châu của thế giới là : Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ... và Genève ! »



Hồ Leman (Genève)

HAI

BÀI

THƠ

.....*DIỀU CỌT*
VUA TỰ - ĐỨC

NHÂN đọc một bài nói về giấc Chày vôi của ông Nguyễn Quang đăng trong Phổ Thông số 31, có một đoạn nói về những bí ẩn trong việc vua Tự-Đức được tôn lên ngôi. Tôi chợt nhớ đến một câu truyện và hai bài thơ có liên quan đến điều này, xin trình bày ra đây để góp thêm một chút tài liệu cho nghi vấn đó.

Vua Triệu-Trị mất vào tháng Chín năm Đinh-Vị (1847) lẽ

★ **MẶC-PHƯƠNG-ĐÌNH**

đáng ra người con cả là Hồng-Bảo được lên nối ngôi, nhưng theo di chiếu của Vua để lại, thì người con thứ hai là Hồng-Nhậm được truyền cho chiếc ngai vàng.

Các quan đại thần bấy giờ ở tại triều như Trương-Đăng-Quế, Lâm-Duy-Thiện, Nguyễn-Tri-Phương, Vũ-Trọng-Bình.. theo lệnh tổ chức lễ Đăng-quang ngay. Hồng-Nhậm lên nối ngôi

Cha, lấy hiệu là Tự-Đức. Vì cuộc lễ được diễn ra nhanh chóng quá, nên các quan lại ở Bắc - Hà không về dự kịp, mãi một tháng sau mới vâng chiếu chỉ về Kinh-Đô bệ kiến tân vương.

Như sử đã chép, thì vua Tự-Đức là một ông vua thông minh hiểu học, có tài văn chương thơ phú, thích ngâm vịnh. Sau này có lập hội Tao-Đàn Nhị-thập-bát-tú, cùng Mạc-Vân thi-xã của Tuy-Lý Vương và Tùng-Thiên-Vương, đua tài sánh điệu. Ngày các quan Đại khoa các nơi về chầu, Vua Tự-Đức liền ban yến và trong cuộc vui, tân vương phán truyền mỗi người phải dâng một bài thơ cho nhà vua thưởng làm.

Đề tài không có buộc, nên các quan tha hồ mà sáng tác, phần đông đều ca ngợi ân đức của nhà vua, hoặc những lời nguyện cầu, kính chúc nhà vua khang-an trường - thọ. Trong số những bài thơ nịnh bợ đó, có lẫn một bài tứ tuyệt như sau :

CON ONG

*Tai nghe trong bụi tiếng vù vù
Phúc úc trên đầu trán nổi u*

Giống ấy eo lưng mà rất độc

Đầu đầu không chích, chích đầu khu.

Câu thứ nhất và câu thứ hai bằng giọng điệu rất bình dân tả hình dáng và đặc điểm của con ong một cách quá rõ ràng, câu thứ ba tác giả có dùng chữ : *giống ấy eo lưng* vừa để nói đến hình dáng thực của con ong, vừa để hình dung được chữ Trương. Nếu hiểu được thâm ý như vậy, thì chính người làm bài thơ đã thành công trong việc châm chích riếu cọt vua Tự-Đức về giòng họ của ông.

Theo ngoại truyện thì Trương - Đấng - Quế lúc ở Quảng-Ngãi có nhờ một ông thầy địa lý người Tàu bốc mộ tổ tiên vào một địa huyệt rất quý. Ông thầy Tàu ấy đã bảo : *Huyệt này sẽ phát đến Bá đời công hầu, nhất đời vương*. (nghĩa là con cháu sẽ trăm đời làm quan, trong ấy có một đời làm nên vua chúa). Vậy ông Vua của giòng họ Trương, của Trương-đấng-Quế là ai, nếu không phải là vua Tự-Đức ?

Câu chót : *Đầu đầu không chích, chích đầu khu*, có ý ám chỉ

hành động mờ ám của Vua Tự-Đức, đối với việc truất bỏ Hồng-Bảo, để chiếm ngai vàng.

Nhà vua còn tìm thấy một bài thất ngôn bát cú khá sâu sắc như sau :

NƯỚC LỤT

Mưa kia từng trận gió từng hồi (1)

Gấm bầy giang sơn đã khuất rồi (2)

Lũ kiến bắt tài đèo ngọn cỏ (3)

Bầy rều đặt vận gặp ghe nổi (4)

Lao xao rừng rậm nghe chim
thốt (5)

Lôm xôm giường cao thấy chó
ngồi (6)

Sực nhớ non sông đã khuất lấp (7)

Nào ông Hạ Vũ ở đâu ôi. (8)

Đọc xong hai bài thơ châm biếm riêu cợt mình, vua Tự-Đức giận lắm, nhưng ngật vì mới lên ngôi, không lẽ lại đàn áp các quan ngay, làm người đời thêm dị nghị, nên nhà vua nén lòng, tỏ thái độ quân tử bằng cách trả lời bằng một bài thơ nhan đề là CON ĐIỀU GIẤY trong đó có hai câu thơ như thể này :

Giữa trời một mối nắm trong tay
Xao xuyến đông tây mặc sức bay

Chỉ hai câu thơ thôi, cũng đủ nói lên những sự tin tưởng tuyệt đối vào chế độ chuyên chế của vua chúa (một mối nắm trong tay) và sự hăm dọa của vua Tự-Đức với các quan lại trong triều (mặc sức bay xao xuyến). Tuy vậy như chúng ta đã thấy, sau đó liên tiếp trong mấy mươi năm biết bao nhiêu loạn lạc nổi lên trong nước, mãi cho đến lúc nước Việt Nam hoàn toàn lọt vào tay người Pháp.

(1) Gió mưa dồn dập như những tai họa đến dồn dập cho Hồng-Bảo.

(2) Trông ra cảnh vật bị nước ngập mênh mông không bờ bến, cả núi sông mờ ảo sau màn mưa, tác giả cảm hoài trước sự đảo lộn luân thường đạo lý (Phế con trưởng lập con thứ) mà ngậm ngùi nghĩ đến nước non hoa gấm mà ngày xưa Gia-Long đã khổ sở gây dựng.

(3) Hình ảnh những con kiến vô dụng còn bám víu với cuộc sống trên những lá cỏ, nhành cây, ẩn dấu niềm xót xa của tác giả, và

sự khinh bỉ kẻ bất lực tranh quyền.

(4) Nhờ gặp thời vận nên vua Tự-Đức đã tranh được ngôi báu, cũng như bầy rền gặp ghe nổi mà trôi, chứ thật không xứng đáng gì.

(5) Tiếng kêu xao xác của những con chim mất tổ trong rừng rậm, dưới trận bão lụt, cũng giống như những tiếng kêu kinh hoàng của những quan chức, trước sự thay đổi vị vua của triều đình. Họ lo sợ không biết rồi đây còn có những biến cố gì nữa sẽ xảy đến cho họ. Chữ thốt còn có nghĩa

ám chỉ đến những lời dùa nịnh của lũ nịnh thần..

(6) Một hình ảnh quen thuộc nhất, linh động nhất, nhưng cũng là một lời châm biếm sâu cay nhất với địa vị của một ông vua, nhất là ngay dưới thời phong kiến chuyên chế.

(7) Lại một niềm cảm hoài bàng khuâng.

(8) Sự mong ước của tác giả về những người hiền tài (như vua Võ đời nhà Hạ ngày xưa được vua Thuấn truyền ngôi cho) dựng lại nước non.



★ Mua đĩa hát

Trong một cửa tiệm bán đĩa hát, người bán hàng hỏi khách, một thiếu-phụ vừa ở tỉnh lên :

— Thưa bà, bà không nhớ đến đĩa hát, cũng không nhớ đến tên nhà sản xuất... Thế bà có nhớ tên soạn giả bài ca ấy không ?

Bà khách chậm rãi trả lời :

— Không... nhưng nếu ông cho tôi nghe qua thì nhận ra ngay. Tôi chỉ nhớ... giọng hát thôi.

Một giấc Mơ hoa



(Tiếp theo P. T. số 61)

★ DUYÊN HỒNG

★ Ngày 15-2.

● 8 giờ tối.

Tối nay cơm xong, Thầy nằm ghế xích-đu đọc báo, Mẹ ngồi bên cạnh đơm may nút áo sơ-mi cho Thầy. Chị Mai, chị Vân, cái nhau ẩm-ỉ dưới bếp về chuyện tiền đong họ thiếu đủ làm sao đó, Hồng chán, không muốn nghe. Hồng ra nhà ngoài, đứng tựa cửa sổ thấy đêm sáng giăng, cảnh-vật mơ-màng, đẹp quá. Hồng ra sân thơ-thần chơi một mình. Bỗng lòng buồn man-mác, hồn vẩn-vơ sâu, Hồng sức nhớ bài hát thôn-quê đã học thuộc lâu từ thuở bé :

*Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ...
Buồn trông con nhện dăng tơ...*

Tự nhiên, Hồng đòi lại hai câu đầu cho hợp với cảnh của Hồng và ngâm khế :

*Đêm nay ra đứng ngoài sân,
Mong gió gió lặn, mong giăng giăng mờ.
Buồn trông con nhện dăng tơ,
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai... ?*

Hồng bắt chước câu hát xưa, chứ trong sân Hồng chả có con nhện nào cả. Hồng tủm-tủm cười một mình, Hồng lại đòi nốt 2 câu cuối, ngâm đi ngâm lại hai ba lần « bài hát của Hồng » :

*Đêm nay ra đứng ngoài sân,
Mong gió gió lặn, mong giăng giăng mờ,
Duyên Hồng ruột ruột như tơ,
Duyên ơi, Duyên hỡi, Duyên chờ mối ai ?*

Hồng không nhin cười được, Hồng chợt cười to lên,..

Hồng vội-vàng bịt miệng lại, nhủ thầm : « Chết chửa ! Mình cười to thế, nhớ Thầy Me nghe thì sao nhỉ !. Vừa nghĩ thế, thì có tiếng Me gọi thật : « Hồng ơi ! » Thôi chết rồi !

— Dạ...

Hồng tủm-tủm cười, vào nhà :

— Thưa Me gọi con ạ ?

— Con cười với ai ngoài cổng ?

Hồng lại phì cười, Hồng cười ngặc-ngheo (bảo Hồng nín cười làm sao được cơ chứ !) :

— Thưa Me, con cười một mình con, chứ có ai đâu ạ.

— Tự-nhiên con cười à ?

— Thưa Me... tại vì con... nhớ... con... nhớ...

— Con nhớ ai ?

— Thưa Mẹ, con có nhớ ai đâu ạ.

— Thế sao con bảo con nhớ...

— Con nhớ... câu chuyện đời xưa do cô giáo kể cho tụi con nghe ban sáng đây ạ. Con tức cười quá !...

Hồng nhanh mồm, đặt chuyện nói dối Mẹ, Mẹ tin thật, làm thinh không hỏi nữa. Mẹ bảo Hồng đi vào học bài. Hồng : « vâng ạ » rồi đi thẳng vào buồng của Hồng, đóng kín cửa, lại bàn ngồi, lấy quyển Nhật Ký chép câu chuyện buồn cười này đây đã.

Nhật-ký cưng của Hồng ơi ! Nhật-ký yêu quý của Hồng có biết lúc này Hồng nhớ... nhớ... ai không ? Nhật - ký ơi, Hồng lại nhớ... nhớ... câu hát thôn-quê :

Con còn... còn bay lả... bay lả... lả bay lả...

Bay ra... ra cửa bể... bay về... về Đồng Đăng...

Mình ơi... Mình có nhớ... nhớ ta chăng ?

Ta về... về ta nhớ... nhớ hàm răng Mình cười !...

Hồng cảm thấy giờ phút này tâm hồn đang rạo-rực, rạo-rực vì đâu nhỉ ? Vì sao nhỉ ? Vì ai nhỉ ? Hồng chẳng biết, nhưng Hồng cảm hứng « quá xá », Hồng sửa luôn câu hát kia, chép luôn vào đây :

Chim Hồng... Hồng bay lả... bay lả... lả bay lả...

Bay ra... ra cái cồng... bay vào... vào cái sân...

Hồng ơi... Hồng có nhớ... nhớ ai chăng ?

Ta ngồi... ngồi ta nhớ... nhớ hàm răng... ai cười... !

Hồng đổ Nhật-ký cưng-yêu của Hồng... Hồng nhớ... nhớ... hàm răng của... ai... cười nào ?

Nhật-ký không biết, thì Hồng cũng chẳng nói đâu. Hồng giữ bí mật. Thôi, Hồng « tộp » nơi đây, để còn học bài... Học bài xong rồi Hồng hẳn nói cho nghe nhá !

● 11 giờ khuya

Hồng đang học bài *Algèbre*, thì có tiếng Mẹ ở nhà ngoài, gọi :

— Hồng, con học bài xong chưa ? Học xong rồi đi ngủ sớm.

dùng thức khuya con nhé. Đạo này Me thấy con hơi xanh, con nhớ uống thuốc bổ của Thầy con mua cho con đấy nhé.

— Vâng ạ.

Bực ! Sao Me cứ bắt Hồng học mãi, học mãi, học đến xanh xao cả người, thì uống thuốc bổ. Học, ăn, ngủ, uống thuốc bổ ! Toán, Lý, Hóa, uống thuốc bổ ! Sử, Địa, Sinh-ngữ, uống thuốc bổ ! Con gầy thuốc bổ lắm rồi, Me ơi ! Thình-thoảng Me may sắm áo đẹp cho Hồng, chiều thứ bảy Thầy Me dắt Hồng đi ăn cơm Tàu, cơm Tây, cơm Ấn-độ... Bắt Hồng học nhiều rồi bắt Hồng uống thuốc bổ!... Chứ tuyệt nhiên Thầy Me không quan-tâm đến những gì thay đổi trong Duyên-Hồng. Những gì Duyên-Hồng 16 tuổi của Thầy Me đang thắc mắc, tò-mò, muốn biết, muốn hiểu, thì chẳng ai giải thích cho Hồng nghe. Cứ bảo Hồng còn bé !.., Hồng còn bé ! phải học, phải học, phải uống thuốc bổ !...

Ngồi suy-nghĩ một lúc, lại thấy có điều lạ lạ, buồn cười : hiện hai tháng nay Hồng có một chuyện thay đổi bí-mật (gọi là «Bí mật» cho oai !), thế mà cả gia-đình có những 4 người nhớn, chẳng ai biết cả ! Chỉ biết cho Hồng uống thuốc bổ ! Trừ con bé Hồng này, vâng «em còn bé tý-teo !» — không còn ai đề-ý đến những biến đổi trong cử-chỉ, hành-dộng, ngôn-ngữ của con bé 16 tuổi ! Hồng đang ở vào tuổi «dậy thì». — người ta bảo thế — Hồng là đóa hoa Hồng vừa hé nụ, thế mà chẳng ai thêm nhìn vào Hoa, xem Hoa nở như thế nào. Ông bướm rập-rù, nằng nằng ấp-ủ, mà nào ai thấu rõ những xao-xuyến rạo-rực trong lòng Hoa ?

Hồng hãnh-diện sung-sướng được Thượng-đế ban cho một hương trinh ngào-ngạt trên cánh hoa. Nhưng Hồng cũng ghê sợ trường-tượng biết đâu có một con sâu đang nằm dưới lớp nhụy vàng, làm tan-tát duyên Hoa ?

Ồ ! Duyên ơi ! Hồng ơi ! Thầy Me đặt cho tên Duyên-Hồng đẹp thế, nhưng Thầy Me đâu có nghe rõ tiếng âm-thầm thồn-thức của hoa-duyên ?

★ Ngày 16 — 10 giờ đêm

Chiều nay Me sai Hồng mang quà biếu Bác Đốc. Ngẫu nhiên

Hồng gặp anh Hải đang đi với một người bạn trên đường Gia-Long. Hồng lỉnh quính, mắt cả tự-nhiên trong lúc Hải chào Hồng, miệng mỉm cười. Nụ cười khả ái lạ... Hồng cảm thấy đôi má nóng bừng. Tim đập liên hồi. Hai chân như dính vào nhau bước không vững nữa. Hồng cố trấn-tĩnh chào lại rồi cúi đầu đi thật nhanh... Như là Hồng muốn trốn Hải. Sao thế nhỉ ? Bây giờ Hồng lo quá. Không biết anh Hải nghĩ gì về mình ?

Anh có cười Hồng thiếu lịch sự xã giao không ?

Anh có chê Hồng đi như lính tây không ?

Anh có khen Hồng hôm nay đẹp hơn hôm Tết chẳng ? Hồng đi qua một đôi đường, lại muốn quay lại xem anh ấy có ngó theo Hồng không ? Nhưng Hồng sợ lắm, Hồng chả dám quay lại...

★ Ngày 17 — 9 giờ tối

Hôm nay nhà có giỗ. Hồng nghỉ học buổi sáng. Bác Đốc đến giúp Me làm cỗ. Hồng thích Bác Đốc lắm. Bác bảo với Me :

— Cháu Hồng càng nhớn càng xinh !

Me cười :

— Tuy thế nhưng cháu hãy còn trẻ-con lắm, Bác ạ. Cháu cứ hay hỏi vớ-vẩn cả ngày.

Hồng tức muốn phát khóc lên được. Tại sao Me cứ xem Hồng như trẻ con mà Bác Đốc nhận thấy Hồng đã nhớn rồi đấy. Anh Hải cũng thế. Hôm Tết, Anh đối đãi với Hồng như người nhớn, Hồng hãnh diện biết bao.

Đang giúp Me thái mực, Hồng muốn đứng lên chạy vào phòng soi gương xem Duyên-Hồng thật đã nhớn chưa và có thật đẹp như Bác Đốc khen hay không ?

Thừa lúc Me đi rửa tay, Hồng lẻn vào phòng, ngồi trước gương, vuốt nhẹ mái tóc, xoa nhẹ đôi má, cắn nhẹ đôi môi cho thắm hơn. Hồng cười nụ, nghiêng nghiêng mình. Duyên-Hồng đẹp đâu thua ai ? Đúng như lời Bác Đốc khen đấy chứ ! Hồng tự hào

sung sướng. Hồng đã nhón thật rồi. Nhưng bao giờ Thầy Me mới cho phép Duyên-Hồng trang-diềm như chị Mai, chị Vân ?

Hồng định bụng hôm nào Me đi khỏi, Hồng sẽ đánh cắp son phấn của Me, giày cao gót của chị Vân, diện như người nhón một phen xem sao.

Nhớ hôm nọ, đi xem ciné với Loan, Hồng lén mang giày cao gót của chị Vân, bị Me trông thấy, rầy dữ.

Có lần Hồng hỏi Me tại sao con gái nhỏ tuổi chưa được mang giày cao gót, Me cho một bài học “ Nữ huấn ca » như cụ Nguyễn Trãi tân-thời :

— Giày cao-gót, xu-chiêng, găng tay, son, phấn, nước hoa, là đồ người trưởng-thành dùng. Con gái còn đi học, hoặc còn nhỏ tuổi, dùng các món đó là làm rởm. Làm dáng, nhố-nhăng, con hiểu chưa ? Con xem các thiếu-nữ ngoại-quốc ở Sài-gòn, con cũng thấy đấy chứ ?

Hồng liền hỏi Me :

— Thưa Me, thế sao con Loan nó cũng 16 tuổi như con, mà lúc nào nó cũng mang giày cao-gót, và độn ngực ?

— Con không nên bắt-chước các lối ăn mặc thiếu thanh-nhã, kém lịch-sự, không đúng một văn-minh. Thời buổi văn-minh, phụ-nữ cũng cần trang-diềm văn-minh, nhưng không nên văn-minh rởm, người lịch-sự sẽ cười mình.

Thầy lại bảo :

— Cũng như con giai 16, 17 tuổi, còn đi học không nên đeo cà-vạt.

Hồng nghe lời Thầy Me. Nhưng nhất định hôm nào Hồng cũng lén đánh môi son, thoa phấn, kẻ lông mày, mang giày cao-gót, xem Hồng đẹp như thế nào. Có vẻ người nhón thật sự chưa ?

★ **Chúa Nhật**

● **3 giờ chiều**

Sáng nay Mỹ-Thanh đến chơi. Nghe tiếng Thanh, Duyên-

Hồng hy-vọng có Anh Hải. Nhưng, Mỹ-Thanh đi một mình. Có lẽ Anh Hải sợ Thầy Me, không dám đến nhà Hồng.

Dù sao có Mỹ-Thanh là Duyên-Hồng tưởng-tượng như có Hải. Mỹ-Thanh hôm nay mặc áo màu xanh nhạt, đẹp dịu-dàng. Hồng khen Mỹ-Thanh chọn màu khéo.

Thanh cười:

— Anh Hải chọn hộ đấy. Mỹ-Thanh chọn sao bằng Anh Hải được. Anh Hải cũng là họa-sĩ mà, Hồng không biết à ?

Hồng cười, đỏ bừng đôi má. Hồng muốn nghe Mỹ-Thanh nói nhiều về anh Hải, thật nhiều... thật nhiều... Hải là sinh-viên Đại-học, Hải còn là họa sĩ nữa kìa ! Hải thật đúng là một nghệ-sĩ tài-hoa. Thanh bảo lúc trông thấy Thanh mặc chiếc áo này, Anh hỏi Thanh diện keng đề đi đâu thế ? Thanh bảo đến Duyên-Hồng mượn quyển «L'art de Conjuguer». Anh nhờ Thanh nói hộ : Chúc Duyên-Hồng vui-vẻ, mạnh-khoẻ luôn. Và rủ Duyên-Hồng đến nhà chơi.

Hồng nghe tim đập mạnh. Hồng phải nói gì lại bây giờ đề đáp sự nhả-nhận của Hải ? Duyên-Hồng xin cảm ơn Anh Hải, Hồng cũng muốn đến chơi nhà Thanh, nhưng sợ Thầy Me không cho. Hồng sẽ thử xin phép xem. Hồng hỏi thăm sức khỏe của Ba Má Thanh, rồi hỏi đến Hải, Thanh cười bảo :

— Anh Hải thì khỏe không ai bằng. Anh thường đi bơi ở « piscine ». Anh bảo bơi lội là một môn thể-thao rất hữu-ích, giúp thân-thể khỏe-mạnh nở-nang. Thanh muốn rủ Duyên-Hồng cũng đi bơi một chuyến xem sao.

— Hai Bác có bằng lòng cho Mỹ-Thanh đi không ? Hồng thì chắc-chắn Thầy Me không bằng lòng rồi đó.

— Thanh chưa xin, Thanh rủ Duyên-Hồng trước đã.

— Đề hôm nào Hồng thử hỏi ý-kiến của Me Hồng xem nhé.

● 10 giờ đêm

Đêm nay Hồng thao-thức không ngủ được. Việc Mỹ-Thanh

rủ đi bơi ở Hồ Tắm và cầu anh Hải chúc Duyên-Hồng cứ âm-ảnh Hồng mãi.

Hồng bâng-khuâng, sung-sướng, vì câu Hải chúc. Hồng lo sợ Thầy Me mắng nếu Hồng liêu-linh xin phép đi tập bơi với Mỹ-Thanh.

Hồng tưởng-tượng : Hồng mặc áo may-dô mà có anh Hải ở đấy thì « mắc-cở » chết đi được. Chắc Hồng sẽ hụp xuống nước luôn, biết có dám trời dẫu lên ! Ha-ha ! !

Hồng chẳng biết tại sao trong xi-nê các cô gái Âu-Mỹ đi đứng, nói năng, giao-thiệp với bạn trai rất tự-nhiên. Họ còn cặp tay nhau đi dạo phố, xem xi-nê. Họ chỉ là đôi bạn cùng học một trường, ở cùng một chỗ trọ, hoặc quen biết nhau như Hồng với Anh Hải.

Họ mặc những chiếc áo tắm hở hang, biểu diễn trước mắt mọi người rất tự nhiên, tự nhiên như Hồng mặc áo cánh ở trong nhà vậy.

Họ phần đông cũng ở vào lứa tuổi của Hồng.

Sao họ vui tươi thảng thẩn mà không sợ ai cười. Hồng chẳng thấy họ mắc cỡ tí nào.

Hôm nọ Hồng xem phim Nhật với Me. Về nhà Me nói với Thầy :

— Phụ nữ Nhật sau này tiến bộ nhiều phương diện. Cũng hay.

Me khen, sao Me không cho chị Mai, chị Vân và Duyên-Hồng này « tiến bộ » xem sao ?

Giờ này Thầy Me đã nghỉ. Thầy Me cứ yên trí : bé Hồng của Thầy Me, ăn xong lo làm bài, học bài rồi ngủ say-sưa. Bé Hồng sống trong cái khung cảnh của Thầy Me đóng sẵn, khỏi lo, khỏi nghĩ. Nhón dần sẽ hiểu cuộc đời.

Thầy Me đâu có ngờ « bé Hồng » của Thầy Me là « một mùa Xuân diễm-tuyệt » của một sinh-viên Đại-học ! Bé Hồng yêu quý của Thầy Me là một con chim Hồng... Hồng bay lả... lả bay la... Bay ra... ra cái cồng... bay vào... vào... cái sân... Hồng ơi... Hồng có nhớ... nhớ ai chăng ?.. Ta ngồi... ngồi ta nhớ... nhớ hàm răng... ai cười !

Hoan hô ! ! Hoan hô Bé Duyên-Hồng... « một mùa Xuân diễm-tuyệt ! » Hoan hô !..
(Còn nữa)

NHÂN-VẬT



NHỮNG KỂ

CAN VUA

★ THIẾU-SƠN

Hai vua nước Túc và nước Thái đều cưới con gái của vua Trần, Thái-hầu cưới người chị. Túc-hầu cưới người em. Bà

Luận Thư ...

NƯỚC SỞ là một nước lớn ở phương Nam, tiềm xưng vương-hiệu không thần phục nhà Châu và thường tranh ngôi bá-chủ với những nước Tề, Tống, Tần, Tấn. Những lân-bang nhỏ yếu, sống trong vùng ảnh-hưởng của Sở lại hay ỷ thế Sở mà hiệp đáp lẫn nhau.

này là một tuyệt sắc giai nhân.

Có lần Túc phu-nhân về Trần thăm cha mẹ đi ngang qua Thái được Thái-hầu rước vào cung đãi tiệc nhưng lại tỏ ra xuông xả đối với em vợ của mình.

Túc-hầu hay chuyện đó nhứt định trả thù. Ông cho Sứ qua tấn-công Sở. Văn-Vương rời nghị kể với Sở chinh phục nước Thái.

Kế-hoạch như sau : Sở sẽ kéo binh qua làm bộ xâm lấn nước Túc. Túc cầu cứu Thái và chờ cho Thái kéo viện binh qua thì hiệp với binh Sở mà tiêu diệt kẻ đến cứu mình.

Quả nhiên Thái-hầu bị mắc độc kế và bị Sở bắt cầm tù.

Sở-văn-Vương muốn làm thịt Thái-hầu mà tế nhà Thái-Miếu. Một trung thần là Dục-quyền vội vàng can vua Sở. Ông nói : « Đại-vương có ý muốn lấn Trung-nguyên, nếu giết Thái hầu thì tất cả các chư hầu khác đều sợ mà không dám theo ta. Vậy xin tha để lấy tiếng ». Sở-văn-vương không nghe. Dục-Quyền can gián đôi ba phen mà Sở-Vương cũng cứ không nghe. Dục-Quyền nổi giận tay tả thì nắm áo Sở-Vương, tay hữu thì rút dao mà nói rằng : « Thà tôi liều thác với Đại-vương một lượt, chớ không nỡ ngồi mà xem Đại-vương làm như vậy ». Sở-vương thất kinh bèn nói lia lịa rằng : « Thôi, để ta nghe lời, làm gì dữ vậy ? » Rồi Sở-vương tha Thái-hầu. Dục-Quyền thưa : « Đại-vương nghe theo lời tôi là phước lớn của Sở. Nhưng tội tôi

vô lễ thật đáng muốn thác. Tôi xin tự xử ». Sở-vương nói : « Khanh là người trung, ta không làm tội đâu ».

Dục-Quyền nói : « Tuy Chúa Công tha tội cho tôi. Song tôi dầu dám tha mình ». Nói rồi Dục-Quyền bèn lấy dao chặt chừa mình rồi nói lớn rằng : « Có ai làm tôi mà vô lễ với Chúa thì coi chừa này làm gương ». Sở-vương than thở khôn cùng, rồi kêu nội-thị mà nói : « Hãy cắt chừa ấy trong đại-phủ cho nhớ cái lỗi của ta không biết nghe can ». Sở-vương còn khiến ngự y điều-trị cho Dục-Quyền. Vết thương lành nhưng Dục-Quyền phải mang tật. Sở-vương phong cho làm chức Đại-hôn, nghĩa là người làm đầu Sở giữ cửa thành gọi là Thái-bá.

Thái-hầu biết được âm mưu của Túc hầu muốn hại mình bèn tâu với Sở-vương rằng : Túc-hầu có người vợ đẹp lắm và xúi Sở-vương đem binh qua chiếm lấy mà dùng.

Sở-vương nghe theo và Túc-hầu mất vợ.



Một lần khác, Sở Vương đem binh đi đánh nước Ba, rồi bị thương kéo quân chạy về lúc nửa đêm. Dục Quyền ở trong hỏi ra : « Chúa-Công thắng trận về đó phải không ? » Sở-Vương đáp : « Bị thua ». Dục Quyền nói : « *Tiến quân xưa kia đánh trận nào cũng thắng. Nay Chúa công bốn thân cầm quân ra đánh nước Ba là một nước nhỏ xíu mà lại bị thua thì sao khỏi bị thiên-hạ chế cười. Nay có nước Huỳnh đã lâu không chịu chầu Sở. Nếu Chúa công đánh thắng Huỳnh thì mới rửa được hổ hóm nay.* »

Nói rồi Dục Quyền như định không mở cửa.

Sở-Vương kéo binh qua đánh Huỳnh và thắng. Nhưng vết thương cũ làm độc và Sở Vương chết trước khi về tới nước nhà. Dục-Quyền rước linh-cữu về chôn rồi tôn con lớn Văn-Vương là Hùng-Hi lên nối ngôi.

Công-việc xong xuôi rồi Dục-Quyền mới nói với người trong nhà rằng : « Ta vô-lẽ với vua đã hai lần. Tuy vua rộng lòng không làm tội, xong ta cũng phải xử mình. Bây giờ ta

quyết theo vua xuống tuyền-đài. Sau khi ta chết rồi phải chôn ta ở nơi cửa thành đặt cho con cháu ta nhớ rằng ta là người giữ cửa. » Nói rồi tự vận mà chết.

Vua mới cho con cháu Dục-Quyền kế tiếp làm chức Đại-hôn.



Trải qua nhiều đời vua, đến đời Sở-trang-Vương thì ông này lại tỏ ra kỳ-cục hơn ai hết, suốt trong 3 năm đầu ông bỏ phế việc triều-chánh, hết đi săn bắn thì lại ở lý trong cung, uống rượu và giỡn với đàn bà. Ông còn ra lệnh ở cửa triều hễ ai can thì giết.

Có quan đại-phu là Thân Vô Úy xin vào yết-kiến trong khi vua đang uống rượu và đùa nghịch với cung-phi. Vua hỏi : « Đại phu đến đây muốn uống rượu, muốn nghe nhạc hay muốn nói chuyện chi ? » Thân Vô Úy tâu : « Tôi chẳng uống rượu, chẳng nghe nhạc, nhưng có điều tôi không biết nên đến nhờ Chúa-công giải giùm cho ».

Trang - Công nói : « Đâu nói cho ta nghe thử ? » Thân Vô Úy nói : « Có con chim lớn

mình năm sắc đậu nơi gò cao nước Sở ba năm không thấy bay mà cũng chẳng nghe kêu, vậy xin Chúa công cho biết chim đó là chim gì ? » Trang-vương biết Thân Vô Úy trách mình liền đáp : « Ta biết nó rồi đó. Nó không phải chim thường đâu. Ba năm không bay mà hễ bay thì tốt trời. Ba năm không kêu, mà hễ kêu thì thiên hạ hết vía ». Thân Vô Úy lạy hai lạy rồi lui ra. Trang Công vẫn cứ y như cũ.

Ít ngày sau quan đại phu Tô-Tùng xin ra mắt, vừa thấy mặt Trang vương thì khóc rống lên. Trang vương ngạc nhiên hỏi : « Tô-Khanh làm gì mà khóc dữ vậy ? » Tô-Tùng tâu : « Tôi khóc thân tôi chết mà nước Sở không còn ! » Trang Công hỏi : « Khanh sao mà chết, nước Sở sao mà không còn ? » Tô-Tùng nói : « Tôi can chúa không nghe thì chúa giết tôi chết. Tôi chết rồi không ai dám can thì chúa lại càng thêm dâm-dục, át nước Sở mất liền chứ gì ? »

Trang Công nổi giận mà rằng :

« Ta có ra liệh, ai gián-can thì chết, người đã biết chết sao còn vào gián có phải là ngu không ? » Tô-Tùng nói : « Tôi ngu mà ít hơn chúa, chúa mới ngu hơn tôi nhiều. » Trang Công càng giận thêm hỏi gặng : « Ta ngu làm sao ? »

Tô-Tùng tâu : « Chúa công sang cả muôn xe, giàu có ngàn dặm, tướng mạnh, lương rủng, chư hầu đều phục, bốn mùa thiên hạ cống lễ đầy sân có phải là muôn đời hưởng lợi lớn chẳng ? Nay chúa công mê tửu-sắc, đắm dờn ca chẳng lo triều chánh, chẳng gần hiền tài, nước lớn lấn bên ngoài, nước nhỏ phản bên trong.

Vui trước mắt lo về sau, vui nhứt thời mà bỏ lại muôn thuở, chẳng phải ngu còn sao nữa ? Ngu của tôi bất quá một thân mà đời sau còn kêu là trung thần. Sánh với Long Phụng, Ti-Can tôi cũng chẳng mấy ngu. Tôi nói rồi xin Chúa Công cho mượn cây gươm để tôi chết trước mặt Chúa Công dâng làm sáng tỏ nghiêm lệnh. » Trang Công phớn-phở đứng dậy mà rằng : « Thôi, thôi, lời

đại-phu nói đó thật là tận trung ta không dám cãi. »

Nói rồi Trang - Công bèn truyền lệnh bãi yến tiệc, đuổi cung phi. Lập Phàn-Cơ làm phụ-nhơn và chăm lo việc triều chính.



Phàn-Cơ đã nhiều lần khuyên can Trang-Vương bớt săn-bắn, giảm nữ-sắc để lo tới bốn-phận một ông vua. Vì thế mà Phàn-Cơ được Trang - Vương lựa chọn. Một hôm, Trang-Vương vào cung trễ. Phàn-Cơ hỏi thì ông nói : « Ta mắc luận việc quốc-chánh với Ngu-Kỳ nên về-trễ. » Phàn-Cơ hỏi : « Ngu-Kỳ là người thế nào ? » Vua trả lời : « Người hiền. » Phàn Cơ nói : « Thiếp coi Ngu-Kỳ chưa hẳn là người hiền. »

Trang - Công hỏi : « Sao khanh biết ? » Phàn-Cơ nói : « Tôi thờ chúa như đàn-bà thờ chồng. Thiếp cai-quản trong cung, có nàng xinh đẹp tất phải dâng cho chúa. Ngu-Kỳ luận chánh với chúa công sao không dưng ai hết. Phàm sự khôn của một người có chừng, sao bằng sự khôn cả nước. Ngu-kỳ muốn lấy cái trí

của mình mà che hết cả nước, chắc như vậy là hiền đâu ».

Lời nói của Phàn-Cơ làm cho Trang-vương tỉnh ngộ. Trang-vương đem lời đó thuật lại với Ngu-kỳ làm Ngu-kỳ cũng tỉnh ngộ luôn và từ đó mới chịu dò hỏi tìm hiểm và thâu nạp hiền tài trong nước để giúp Trang-Vương xây-dựng bá-nghiệp và Sở-Trang-Vương là một trong Ngũ-bá của thời Xuân Thu, danh tiếng lừng lẫy ngang với Tề Hoàn-Công, Tấn-văn-Công, Tần Mục-Công. Con chim ngũ sắc bay bổng tuyệt vời và tiếng kêu của nó đã làm cho thiên hạ phải giật mình kinh ngạc.



Đồng-Lai tiên - sinh bàn về thuật can vua như sau :

« Kẻ thần-tử nên lo can chưa khéo, chẳng nên lo nhà vua không nghe theo lời. Thuật can Vua cũng khó vậy thay ! Thành-thật không trọn vẹn cũng chưa khéo. Từ ngữ không minh-bạch cũng chưa khéo. Khí-sắc không hòa-nhĩ cũng chưa khéo. Tiết-hạnh không đủ cho vua kính-mến cũng chưa khéo. Ngôn-ngữ không đủ cho nhà vua tin cậy cũng chưa khéo. Đáng lo là không tròn thuật can của mình

chớ lo gì bề trên không cùng theo».

Đề ra thuật can vua như trên, tiên-sinh chê Dục-Quyền vụng-về, lúng-túng, nóng nảy, bôn chôn, vì không thuyết-phục được nên phải ép - buộc và cưỡng-bức. Nếu gặp ông vua ngoan-cổ bắt tội và giết đi thì cái chết của Dục-Quyền có ích-lợi gì đâu? Sau khi đã bức hiếp vua theo mình, Dục-Quyền lại tự cắt chùn mình để tạ-tội vô-lẽ với nhà vua, tuy chứng tỏ được lòng trung thành nhưng lại nêu một tấm gương cho người sau khó bắt chước. Dục-Quyền như muốn bảo rằng :

• Đời sau muốn bắt chước như ta dùng binh khí can vua thì phải bắt chước luôn sự cắt chùn của ta. Không theo được gương cắt chùn chớ noi gương can vua bằng binh-khí .

Sự thành-công lần thứ nhứt đã khuyến-khích Dục-Quyền làm lộng lần thứ hai là không chịu mở cửa cho vua vào thành vì vua đã thất-trận. Nhơn-danh tiên-quân, Dục-Quyền ra lệnh cho Vua Sở phải gây một chiến-công để chuộc

tội thất trận. Đành rằng, Văn-Vương không phải do trận đánh Huỳnh mà chết nhưng ông không kịp về nước để chết ở trong cung thì tội của Dục-Quyền không thể nào tha thứ được. Ông đã tự xử bằng cái chết của ông và cũng đã tỏ được hết lòng yêu nước, thương vua.

Ông có vụng về nóng nảy, nhưng ít nào ông cũng hơn được Thân Vô-Úy chỉ mượn lời nói xa gần để làm động lòng Trang-vương trong khoảnh khắc mà chẳng dám thúc đẩy thêm nữa cho nhà vua hoàn toàn thức tỉnh.

Đông-Lai tiên-sinh nói : «Kể thần tử nên lo can chưa khéo, chẳng nên lo nhà vua không nghe theo lời ».

Can như Thân Vô - Úy thì cũng kể là can khéo. Nhưng khéo mà chưa trọn vẹn. Hơn nữa, ông chẳng cần lo vua không nghe theo lời.

Mỗi lo này, Dục-Quyền có và Tô-Tùng cũng có. Tô-Tùng dám dùng những lời nói nặng của Trang-Vương mà trả cho Trang-Vương.

Vua mắng ông ngu, ông bảo

vua ngu, ông bảo vua còn ngu hơn ông và như thế là nặng lắm. Nhưng ông đã cắt nghĩa rành mạch, đã nói hết lời và ở hết lòng với nhà vua. Nếu ông không sợ nhà vua không nghe theo lời ông thì ông sẽ dè-dặt hơn, cẩn-thận hơn, tế nhị hơn và có thể cũng chỉ bóng gió, xa gần và hời hợt như Thân Vô Úy.

Chính vì ông sợ nhà vua không nghe theo ông nên ông mới bành gan, móc ruột và liều chết để can vua. Đối với một người ngu say, không lay mạnh làm sao đánh thức được?

Tô-Tùng hơn cả Thân Vô Úy và hơn cả Dục-Quyền. Nhưng có người hơn ông mà người đó lại là phu-nhơn Phàn-Cơ. Ông đã kêu gọi Trang-Công trở về

với bốn phạm nhưng chính bà Phàn-Cơ đã chỉ cho vua phải làm bốn phạm như thế nào. Bà dám chê một vị lão thần đã lấy mình che lấp cả nước, không chịu thăm dò và tiến dẫn hiền tài. Chính nhờ một lời nói của bà mà biết bao nhiêu thông minh tài trí đã được tuyển dụng để xây dựng nước Sở và xây dựng bá nghiệp cho Trang-vương.

Trong thời quân-chủ chuyên chế, chính hạng gián thần là những người có công giữ nước vì họ đã giúp cho nhà vua tránh được nhiều tội lỗi vì chủ-quan, độc đoán hay vì những thói hư tật xấu có sẵn ở mỗi người.

Nhưng can vua cần phải có nghệ thuật và thứ nhất là cần phải hết lòng.

THIỆU-SƠN



✱ Danh ngôn

— *We know what we are, but we know not what we may be.*

(Chúng ta biết hiện chúng ta là thế nào, chớ không biết được sẽ thành như thế nào).

SHAKESPEARE

13.- Những người yêu của NAPOLÉON I



IV. MARIE LOUISE

NAPOLÉON, sau trận đại thắng vẻ vang diệt quân Autriche ở Wagram, (6-7-1809) đã thành vị Chúa-tể tối cao của toàn - thê Âu-Châu. Hai địch-thủ ghê-gớm nhất đã bị đại bại, Hoàng-Đế Alexandre của Russie đầu hàng ở Tilsitt và Hoàng-Đế François của Autriche ký hiệp - ước nhượng - bộ ở Vienne, cả lục - địa Âu - Châu

*«Tôi nhất-định
sẽ không bao
giờ lấy hãn»*



không còn ai dám đương đầu với ông nữa.

Trở về Paris, vị Hoàng - Đế hiền-hách của nước Pháp mới bắt đầu tổ-chức hệ-thống hòa-bình trên lục-địa, và củng-cố triều

dại Napoléon Toàn dân nước Pháp đều mong-mỏi hoàng-đế có con trai để đảm-bảo ngai vàng. Hoàng-hậu Joséphine vì không sinh-sản được nữa, nên bị vua ly-dị, và Nữ bá tước Marie Walewska, cô vợ trẻ đẹp xứ Ba-Lan, rất được Hoàng-đế yêu chuộng nhưng nàng sẽ chỉ là người yêu vĩnh-viễn của Napoléon mà thôi. Tình thế chính trị của nước Pháp và của Âu-Châu lúc bấy giờ xúi-dục Napoléon phải cưới hoặc một công-chúa của Hoàng-đế Nga hoặc một công-chúa của Hoàng-đế Autriche.

Vì lẽ đường-sá quá xa-xôi và Nga-Hoàng chậm trả lời, nên Napoléon quyết định kết-hôn với Nữ Quận-Công Marie Louise, công-chúa của Autriche, con gái của Hoàng-đế François. Cũng như Quang-Trung ở Việt-Nam trước đó mười mấy năm đã đòi cưới con gái của Hoàng-Đế Càn-Long vậy.

Đám cưới chính trị và ngoại-giao này lại xảy ra không khác nào một tiểu-thuyết ái tình ly kỳ, gay-cấn lạ. Vì mục đích cưới vợ lần này là kiếm một đứa con trai, nên Napoléon đã thốt ra một câu rất lý thú :

« *Ta sẽ cưới một cái bụng* ».

Con trai ? Thì Napoléon đã có hai đứa con ngoại tình : của nàng cung nữ Denuelle, và của cô vợ Ba-lan, Marie Walewska. Nhưng Napoléon muốn có một hoàng-nam với một Hoàng-hậu chính thức, xứng đáng với ngôi Hoàng-đế của ông. Bên Autriche, vua và triều đình cũng vội vàng ưng thuận gả công-chúa Marie Louise cho Napoléon để nhờ đó mà xin xỏ được đôi phần êm dịu bớt trong hiệp-ước Vienne vừa ký sau trận đại chiến ở Wagram.

Thực ra Napoléon chưa biết mặt Marie Louise lần nào. Ông chỉ nghe nói rằng công chúa nước Autriche không đẹp bằng Joséphine nhưng duyên-dáng. Ông hỏi ý-kiến Hội đồng gia tộc, và cả Triều đình, ai nấy đều tán thành, rồi ông phái người con ghê của ông là con trai của Joséphine, Eugène de Beauharnais, sang cầu hôn chính thức công chúa Marie Louise. Còn Marie Louise thì nghe đến cái tên của Napoléon nàng đã nhún vai, trề môi, xoay tròn đôi mắt to tướng, nói với các cung nữ :

« *Người ta đồn rùm lên là hăm* »

muốn cưới ta, nhưng ta không lo ngại. Ta chỉ thương-hại nàng công-chúa nào bị hấn lựa chọn làm nạn nhân cho chính trị của hấn. Chứ ta thì ta nhất định không đời nào lấy hấn ! »

Marie Louise cứ tưởng tượng Napoléon Bonaparte là một ông Ba-bị ghê iớm, dữ tợn, một hung thần đáng ghét. Lúc bấy giờ Napoléon 40 tuổi, Marie Louise 18 tuổi. Nàng là con gái lớn của Hoàng-đế François. Nàng không đẹp lắm, vóc người dầy-dà cao lớn, bộ ngực thật to, nhưng hai cánh tay nhỏ, hai bàn tay mũm-mĩm, cặp mắt lồi, đôi môi dày như thêm-thường khao-khát vật-dục. Kề về toàn diện, công chúa Marie Louise thua xa Nữ bá tước Marie Walewska, và cũng không ăn đứt được cựu hoàng-hậu Joséphine.

Về khả năng thì nàng có học 6 thứ tiếng ngoại-ngữ, đánh dương cầm nghe được, vẽ không đến nổi tệ, trí óc thông minh vừa-vừa thôi. Từ nhỏ đến lớn, Công-chúa ở luôn trong cung-diện, ít được cơ-hội giao-du rộng rãi. Tính tình mềm yếu, non dạ, không cương-quyết, thích chơi bời, đầu- óc không có lý-tưởng.

Công-chúa không thích nước Pháp, và thù Napoléon, vì Ông đã đánh bại nước Autriche ba lần, và đã hai lần đuổi thân-phụ của nàng, là Hoàng-đế François, ra khỏi kinh-thành Vienne.

Nhưng chính vì bại - trận, và sợ-sệt Napoléon, nên Hoàng-đế nước Autriche đã nhất - định dùng cô con gái lớn làm vật hy-sinh, dâng nàng cho vị Chúa-tể của nước Pháp và của Âu-châu, để cầu xin chút lượng khoan - hồng, giữ vững địa-vị, nuôi chi phục-thù để rửa hận mai sau.

Nhưng không dám ép duyên con gái, Hoàng-đế François sai vị Tể - tướng Metternich đến thuyết - phục nàng. Công chúa Marie Louise trả lời :

— Nếu vì quyền lợi của Phụ hoàng ta, thì Phụ-hoàng ta muốn sao, ta cũng chịu theo ý ngài.

Nói như vậy, tức là chịu rồi, vì công-chúa đã biết rõ ý-dịnh của vua Cha. Và lại, tất cả Hoàng-gia Autriche và toàn-thể Chính - phủ đều đồng - thanh khuyến-nhủ Công-chúa nhận lời làm vợ Napoléon, làm Hoàng-hậu nước Pháp. Marie-Louise tuy hồi đầu tỏ ý phản-đối, khinh-bĩ, nhưng

rồi vì thích được vinh - dự làm Hoàng - hậu nước Pháp, sắp bóng một vị César của châu Âu, nên nàng hăng hái nhận lời ngay.

Cuộc hôn - nhân của Napoléon với Marie Louise như thế không phải là một cuộc hôn-nhân vì ái-tình, nhưng cũng không phải là một cuộc hôn-nhân găng-gượng.

Nó vẫn thích-ứng với uhu-câu lịch-sử thời bấy giờ, hợp với quyền lợi của hai nước Pháp và Autriche. Nó cũng hợp với tâm lý và tham-vọng của Công-chúa Marie Louise muốn toạ - hưởng hạnh-phúc tột-bực của một địa-vị cao-sang nhất, vẻ-vang nhất, oai-nghi nhất, trên tất cả các ngai vàng Âu-châu.

Napoléon có quyền kiêu-hãnh. Từ một viên Trung-Úy Pháo-binh năm 1795, mới 14 năm qua, bây giờ đã trở thành Hoàng-đế của nước Pháp, sắp cưới công-chúa của một Hoàng-gia danh-tiếng nhất châu Âu, Napoléon ngày đêm mong đợi công-chúa Marie Louise mau mau qua Paris làm vợ mình.

Được tin công-chúa đã nhận lời đính-hôn, Napoléon vui mừng viết thư cảm ơn nàng. Rồi ông

sai Thống-chế Berthier làm Đặc-Sứ sang Vienne, thủ-đô Autriche, đề đại-diện Hoàng-đế nước Pháp làm lễ rước dâu. Em gái của ông, Công-chúa Caroline, cũng được ông cho sang Vienne, đem lễ-vật và đồ nữ-trang quý báu để tặng Marie-Louise và sẽ cùng ngồi một chiếc xe tứ-mã với nàng trên đường về Pháp.

Trong lúc chờ đợi, ông hỏi viên y-sĩ Corvisart :

— Thí-dụ một người đàn-ông 60 tuổi lấy vợ, còn có thể có con được nữa không ?

— Tâu Bệ-Hạ, có thể được ạ.

— 70 tuổi ?

— Tâu Bệ-Hạ, 70 tuổi cũng còn có con.

— Như thế thì Trẫm mới 40 tuổi, công-chúa Marie - Louise 18 tuổi, chắc có nhiều con lắm há ?

— Muôn tâu Hoàng-Thượng, trong 10 năm nữa Ngài có thể đặt một Hoàng-tử trên mỗi ngai vàng của Âu-Châu.

Nóng ruột muốn biết rõ Marie Louise đẹp như thế nào, ông hỏi Lejeune, viên quan hầu của Thống chế Berthier, ở Vienne vừa đem

về một tấm ảnh của Marie-Louise gửi tặng Hoàng-Đế :

— Xem ảnh không biết rõ được người. Mi phải nói thật cho ta nghe, theo mi nhận xét thì Công-chúa Marie Louise có đẹp không ?

— Tàu Hoàng-Thượng, công-chúa xinh lắm.

— Xinh lắm, nghĩa là thế nào ? Công-chúa có cao không ?

— Tàu Ngài, Công-chúa cao như Hoàng-hậu xứ Hollande.

(Hoàng-hậu xứ Hollande, tức là cô Hortense de Beauharnais, con gái riêng của Joséphine, con nuôi của Napoléon, đẹp lộng lẫy, được Napoléon rất yêu chuộng, và gả cho Louis Bonaparte, em ruột của ông, được ông cho làm Vua và Hoàng-hậu xứ Hollande).

— Tóc của nàng màu gì ?

— Tàu Ngài, tóc của công-chúa cũng như tóc của hoàng hậu xứ Hollande.

— Nước da như thế nào ?

— Tàu Ngài, giống như nước da của Hoàng-hậu xứ Hollande.

— Thế thì nàng giống hệt Hoàng-hậu xứ Hollande à ?

— Tàu Hoàng - Thượng, tất cả những điều Ngài hỏi, con trả lời đúng theo sự thật.

Napoléon đuổi Lejeune ra ngoài rồi quây lại than-phiền với quan Thị-vệ Đại-thần Talleyrand :

— Trầm khó mà biết được sự thật, chúng nó chỉ nói nịnh thôi. Xem ảnh, Trầm biết rằng Marie Louise chả đẹp tí nào. Nhưng Trầm không cần : miễn là nàng hiền-lành và dễ cho Trầm một bảy con trai kháu-khỉnh, mập thù-lu như thế này, thì Trầm sẽ yêu nàng như yêu người đàn-bà đẹp nhất Thế-giới vậy.

Marie Louise có gửi qua Paris một chiếc giày của nàng dùng làm kiểu cho thợ giày ở Paris đóng một đôi giày đẹp để nàng mang hôm lễ cưới. Chiếc giày kiểu của công-chúa hình thức nhỏ-nhắn xinh-xắn, trông dễ thương. Napoléon cầm lên ngắm-nghía, khen :
“ Xem một chiếc giày này, Trầm cũng đã mê công-chúa rồi đó ! Có ai có được bàn chân bé nhỏ như thế này đâu ! ”

Trong lúc Napoléon sốt ruột muốn gặp vị-hôn-thê ngay lập tức, thì Marie-Louise cũng đã được lệnh vội-vã từ già Vienne, đề sang Paris. Đường mây thăm-thăm, dặm liễu xa xôi, đoàn xe tứ-mã cầm hiệu-kỳ chữ N, ngày đêm không nghỉ-ngơi, chạy vùn-vụt, lên dèo, xuống ải, vượt núi,

bằng sông, đưa công-chúa về mau mau nơi lầu-dài hoa-lệ mà Hoàng-đế, hai tay chấp sau lưng, đi lại đi qua, hồi hộp đợi chờ...

Rất nịnh-dâm, và dễ tỏ lòng ân-cần tha-thiết, ngày nào Napoléon cũng gởi đến tận tay vị-hôn-thê một bó hoa quý và một bức thư âu-yếm, dễ dàng đọc dọc đường.

Công-chúa cũng hồi-âm mỗi ngày bằng những mảnh giấy xanh xanh, nhưng câu văn khách-sáo, lời thư vô - vị mà Napoléon vẫn đọc say mê.

Ngày 27 tháng 3 được tin đoàn xe rước Marie-Louise đang tiến gần đến Soissons, cách Paris gần 150 kí-lô-mét, Napoléon không nhẫn-nại đợi-chờ được nữa, truyền lệnh sửa-soạn gấp rút một chiếc xe song-mã để ông thân-hành đi Soissons đón Công-chúa. Ông muốn có cuộc gặp gỡ đột-ngột, để cho Marie Louise ngạc-nhiên chori. Thống - chế Murat cũng được phép đi theo Hoàng-đế để đón vợ ông là công - chúa Caroline. Trời mưa như thác đổ. Chiếc xe song mã được lệnh chạy hết tốc-độ để kịp đến Soissons gặp đoàn xe của Marie Louise. Trời đã gần tối, Napoléon đến làng Courcelles, gặp chiếc xe trạm đi

tiên phong trong đoàn xe Công-chúa. Trời vẫn mưa ào - ào. Napoléon xuống xe, chạy vào đụt mưa trước cửa nhà Thờ. Một lúc sau, đoàn xe Marie Louise đến nơi. Napoléon phóng ra đường cái, đón chiếc xe của vị-hôn-thê,

Người đánh xe vừa trông thấy ông, liền ghim giây cương ngựa, cho xe ngừng. Y nhảy xuống đường, đứng chào và hô to lên :

— Hoàng-Đế !

Napoléon mỉm cười làm dấu-hiệu bảo y đừng la to như thế, rồi không cần theo nghi lễ nào cả ông vội vàng mở cửa xe Công-chúa, thót vào xe ngồi kề nàng, ôm lấy nàng, hôn lấy hôn để... Marie Louise vừa ngạc-nhiên vừa kinh-hoảng, trong giây phút say-sưa bắt-thần nàng không nói được một lời. Napoléon nắm bàn tay vợ, âu-yếm hỏi-han, cười đùa vui vẻ, dấn cọt ngậy thơ, y như một chàng thanh-niên si-tình, 20 tuổi.

Ông truyền lệnh cho xe tiếp-tục chạy, không ngừng,

Ông thấy nàng đẹp, đẹp hơn ông tưởng tượng. Và dù sao nàng cũng là một vị Nữ-Quận-Chúa, điệu-bộ, cử-chỉ, ngôn-ngữ

có vẻ quý-phái, nhưng vẫn là ngây-thơ, dụt-dè, e-lệ, khiến ông yêu ngay. Marie Louise qua phút kinh-ngạc vừa rồi, cũng cảm-mê ông liền. Trước kia nàng tưởng ông dữ tợn lắm, không dè nàng gặp một vị Hoàng-đế còn trai trẻ với cặp mắt nhìn nàng rất âu-yếm, nụ cười chân-thật, dịu-hiền. Rồi hai bên truyện-trò, thân-mật nhau ngay. Nàng không còn giữ-gìn, e-lệ nữa.

Đến thành phố Compiègne, cách Paris còn trên 120 kí-lô-mét, trời hãy còn mưa, và tối đen như mực. Napoléon muốn nghỉ đêm tại đây. Hoàng-đế miễn lễ-nghi cho tất cả các nhân-vật cao-cấp và các phái đoàn dân-chúng đến chào mừng. Ngài chỉ muốn dùng bữa riêng với Marie Louise trong

căn phòng vắng-vẻ, không ai được quấy rầy. Và Ngài muốn Marie Louise làm vợ của Ngài ngay đêm nay. Ngài hỏi Công-chúa :

— Trước khi em ra đi, Thầy Mẹ của Em bảo Em như thế nào ?

Công-chúa mỉm-cười, âu-yếm đáp :

— Thầy Mẹ em bảo em là hoàn-toàn thuộc về Anh, và tuân lời Anh về mọi việc.

Tuy chưa về đến Paris để làm lễ cưới, và cũng chưa chính-thức là Hoàng-hậu của nước Pháp, nhưng đêm nay Marie Louise đã hoàn-toàn thuộc về vị Hoàng-đế yêu-quý của nàng...

(Kỳ sau tiếp)

● **TÂN-PHONG**



★ **DANH NGÔN**

Ta cố gắng làm việc tầm thường để trở nên phi-thường.

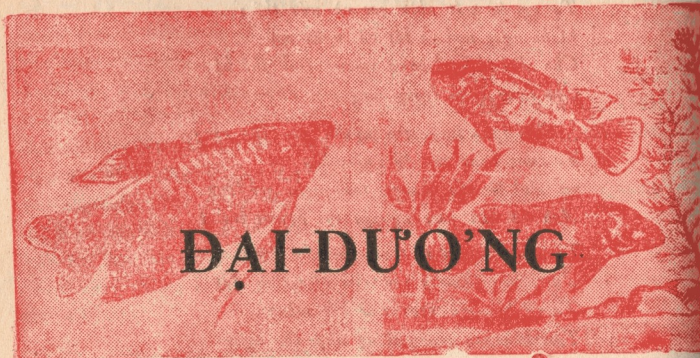
Nữ tu-sĩ ROSALIE

Tình thề hệ

Ta ngược mắt nhìn sao và ước thế :
« Cho ngày mai và tất cả ngày mai
Cho đời thắm hương vương tình thế hệ
Cho ngày xanh trong sáng một đường dài »
... Rồi lặng bước tìm nguồn yêu lớn rộng
Ta cung vòng tay lại nắm bàn tay
— Anh từ bốn phương trời nghe gió lộng
Anh về hòa ước nguyện với người trai ?
Ta nhìn sông lưng trời nghe sấm động
Cười yêu thương vào trọn tấm tình đầy
Ta về hát bên trời thơ kết mộng
Tâm hồn hòa trong tiếng nhạc thơ ngây
— Anh là gió phương nào anh mới lại
Thấy mây giăng vương động ánh trăng đầy ?
Trăng là của muôn tình xa diện vơi
Kết hiền hòa và ấm ngọt hôm mai
Ta nhìn núi trong rừng xanh chuyển dịch
Nghe đồi cao hứng nhẹ đám mưa rơi
Mưa là của hương tình trong tiếng địch
Thương vương gieo tiếng vọng của khung trời
Nghe luồng gió yêu thương chiều lắng đọng
Ta giết mình không nhấp rượu mà say
Nghe lời nói êm êm mà lớn rộng
Ta cùng cười, âm ấm một tình Trai
Kìa là mối dây đời giăng hương lạ
Anh còn đây mời hãy nắm đầu dây
Kìa ánh sáng rung rinh đường sáng tỏ
Nối dây anh, cùng nối trọn tình đây !...

ANH-TUẤN

(Vũng Tàu)



ĐẠI-DƯƠNG

(Tiếp theo P.T. số 61)

IV

MÀU SẮC CỦA LOÀI CÁ

NHỮNG con cá *Nganh* (1) đực, ngày thường chỉ có 2 màu : xanh xám trên lưng và ánh bạc phía dưới bụng, nhưng tới mùa ái ân thì khắp toàn thân nổi bật lên một màu đỏ thắm điểm thêm những nét thật đậm, óng ánh lung linh.

Những màu sắc này chỉ có khi

★ ANH - VŨ

cá tới tuổi dậy thì và đúng vào mùa yêu đương ân ái. Chú rề tương lai đã có một bộ cánh tuyệt đẹp để sửa soạn đón rước cô dâu về xây tổ ấm.

Đặc biệt là loại cá *Hôi* (2) lúc nhỏ ở nơi biển cả, tới thời kỳ có trứng lại tìm tới các cửa sông lên tận ngọn nguồn để sinh nở. Một chuyến ngược dòng phiêu-lưu này cũng mất mấy tháng

(1) (2) *épinoche*

trời và màu sắc cũng thay đổi khác thường.

Lúc con cá Hồi rời nơi biển cả thì béo tốt mỡ màng, màu xanh lục dọc theo chiều lưng 2 bên sườn và dưới bụng lấp lánh màu ánh bạc nổi bật lên những đốm nhỏ nhỏ dăm dĩa. Nhưng càng ngược dòng sông, bao nhiêu sức lực tiềm tàng đều dùng vào việc nuôi dưỡng một khối trứng mỗi ngày một lớn, hình dạng và màu sắc cũng thay đổi rất nhiều, trong lúc con cá đục cố-gắng bơi theo bên cạnh, không còn nghĩ tới chuyện diệu võ dương oai, phô trương bộ mã đẹp đẽ trong những cuộc tranh hùng với những chàng "trai tơ" đang độ xuân thì nữa.

Cả đôi vợ chồng đều lo lắng ngược dòng sông lớn, lên càng xa biên chừng nào càng tốt chừng đó. Chúng không nghĩ tới sự vất vả và trong một cuộc hành trình dài đằng-dẵng hàng mấy tháng trời đầy gian lao mệt mỏi mà chỉ lo cho việc sinh nở sắp tới. Trong khi con cá cái mang nặng đẻ đau thì con cá đực cũng dần dần mất bộ mã « yên hùng » ngàn sắc xinh tươi; cả toàn thân ngả màu vàng nhợt hay màu trắng

đục, những chấm màu huyết dụ nổi lên trước thì lura thưa sau dày đặc, triệu chứng của sự kiệt sức.

Càng ngược dòng sông, màu sắc càng thay đổi. Cuối cùng tới ngày tới tháng cá Hồi cái đã lấy hết hơi tàn của mình để thay đổi màu sắc một lần chót trước khi cả hàng vạn chiếc trứng nhỏ nhỏ rời khỏi bụng cá và cùng lúc ấy thì cá Hồi đực cũng vận dụng toàn lực để tiết ra một chất nước trắng trắng rưới khắp những chiếc trứng cá trôi nổi bênh bồng trên dòng nước, hoàn thành một sứ mạng thiêng liêng, một nhiệm-vụ sáng tạo cao cả để rồi cả đôi vợ chồng đó hơi tàn lực kiệt gượng bám vào một cành lá chìm lững lơ dưới nước, hay ẩn bên một gành đá tổ ong, chờ cho dòng nước cuốn băng đi hoặc sẽ làm mồi cho những giống cá lớn khác mà không còn đủ sức kháng cự lại.

Trong những giờ phút đó, những màu sắc trên thân hình cá Hồi đực không còn là chiếc áo cưới mỹ miều làm đẹp lòng cô dâu mới mà nó đã thay đổi với thời-gian. Sự thay đổi khác thường về màu sắc báo hiệu một

tinh-thần hy-sinh vô bờ bến, một công cuộc sáng tạo đến kiệt sức cho một thế hệ tương-lai khác bảo-đảm cho giống nòi khỏi bị tiêu-diệt.

Nghe tới đây, Anh-Đào và Hùng-Linh đều vô cùng cảm động về mối tình thiên-nhiên cao quý của phụ tử, mẹ con, và cái nghĩa vợ chồng mặn nồng, đồng cam công khổ trong một kiếp sống phù du ngắn ngủi của loài cá Hôi.

Anh-Đào bỏ cần câu xuống. Những màu sắc biến đổi của loài cá giờ đây lại hiện lên trong tâm trí nàng. Nàng quay sang phía Vũ-Nguyên :

— Có lẽ tại lớp vảy ngoài nên màu sắc của loài cá mới có nhiều điểm dị kỳ đến thế phải không anh ?

Hùng-Linh ngồi chờ mãi mà chiếc phao vẫn nổi bênh bênh trên mặt nước cũng vội xen vào câu chuyện để tỏ cho Anh-Đào và Vũ-Nguyên biết chàng cũng hiểu ít nhiều về cá.

— Chị đừng tưởng loại cá nào cũng có vảy đều nhé. Có nhiều giống mình tròn thui lụi trông nhẵn bóng như cây lĩnh

ngân sơn Bình-dịnh, có loại vảy nhỏ li ti phải nhìn vào kính hiển-vi mới trông thấy rõ được.

Anh-Đào nhất định cãi cho bằng được :

— Nếu không vì lớp vảy ngoài như lớp lông phủ mình giống chim, lại nhờ ánh sáng mặt trời chiếu dội vào thì làm sao màu sắc của loài cá có những đặc tính kỳ diệu như vậy ?

Tôi nhất định đánh cuộc với anh không có lớp vảy ngoài thì cá cũng không còn màu sắc nữa ; chúng sẽ mất hết vẻ đẹp cũng như con chim Hoàng-Anh nếu đem nhốt hết lông đi thì ại mà muốn nhìn nữa ?

Vũ-Nguyên phì cười :

— Sao Anh-Đào lại ví cá với chim, một con vật ở trên đất liền và một con lại ở miền thủy giới ?

Trên lớp vảy ngoài của loài cá có những hiện tượng giao thoa và phản xạ của ánh sáng mặt trời, chính những hiện tượng đó đã làm cho màu sắc của loài cá óng ánh và tươi thắm thêm.

— Đó, em nói có sai đâu !

Vũ-Nguyên nói tiếp :

— Những sự thay đổi màu sắc của loài cá một phần chính do

những chất Sắc-Tổ màu đỏ da cam (1) màu đen (2) hay trắng bạc (3) sẵn có trong các tế-bào li-ti gọi là *chronatophores* ở dưới làn da mỏng của loài cá.

Nếu đem soi vào kính hiển-vi người ta sẽ thấy có muôn ngàn chấm li-ti tròn tròn chiếu ra từ phía những tia sáng muôn vẻ muôn màu. Những tế bào có chứa chất sắc tố ấy có thể co giãn tùy theo sự kích động của loài cá hay tùy theo màu sắc của khung cảnh môi trường xung quanh, khi giãn dài ra thì màu sắc cũng ánh lên rực - rỡ khi co hẹp lại thì màu sắc lại phai nhạt hơn nhiều. Cơ thể của loài cá đã sẵn có những đức tính thiên phú để tự thay đổi, tô đậm hay làm giảm bớt những màu sắc trên thân mình nó. Lớp vảy ngoài chỉ dự một phần phụ như tấm kính trong hay mờ đặt trên các màu sắc đã sẵn có mà thôi.

V

Lớp vảy trên mình cá còn có một tác dụng hữu ích giúp cho loài cá tự-vệ. Nó giống như chiếc áo giáp phủ ngoài của người chiến sĩ. Nếu loài động vật có vú có lông mao, loài chim có

lông vũ thì loài cá cũng có lớp vảy ngoài, thật đặc-biệt.

Tạo-hóa đã phú cho tùy từng loại những lớp vảy khác nhau. Những loại cá mập và cá đuối có vảy cứng giống những chiếc răng mọc trên làn da ; chính giữa mỗi vảy có túy răng xung quanh là ngà, phía trên có cả lớp men dày bao bọc. Đa số giống cá khác lại có vảy mềm, (4) tròn, hoặc tua tua lên những gai nhọn (5). Chính nhờ những lớp vảy xếp theo kiểu ngói lợp đã làm cho nước chảy xuôi chiều mà việc di-chuyển của loài cá trong lòng đại-dương không gặp sức cản trở khó khăn.

Nếu những cô thôn nữ Việt-Nam thường hay hát ví, hỏi đám trai làng về Tuổi của Trăng của Núi trong những vần ca-dao tình tứ :

« Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non ? »

-
- (1) *caroténoides*
 - (2) *mélanines*
 - (3) *guanines*
 - (1) *écailles cycloïdes*
 - (2) — *cyténoides*.

Nếu Lương-khai-Siêu thường hay bận tâm về Nước già hay trẻ thì cũng có nhiều người muốn biết về tuổi của loài Cá. Chính nhờ những lớp vảy ngoài này mà các nhà bác học trên thế-giới đã định được con cá sống được bao nhiêu năm rồi.

Hàng năm cứ tới mùa hè là sự tăng trưởng của loài cá phát triển đến cao độ rồi chậm dần và hầu như ngừng lại với mùa Đông u buồn lạnh lẽo.

Cùng với các bộ phận khác, lớp vảy ngoài cũng nảy nở tùy theo mùa nóng, lạnh. Đối với những nhà nuôi cá chuyên môn, mỗi độ hè về là lòng họ thêm phần khởi vì cá sắp bán được tiền, nhưng các nhà khảo-cứu lại có một niềm vui khác ; họ đã tìm tòi nghiên-cứu lớp vảy ngoài để biết được mấy độ hè về và mấy mùa Đông đã trôi qua. Trên dòng thời-gian lặng lẽ, vảy cá đã ghi lại những cái gì thay đổi của 2 mùa Đông, Hạ. Trên mỗi chiếc vảy ấy, người ta thấy những vòng tăng trưởng khác nhau : về mùa Đông, thì mờ và hẹp, về mùa Hè thì rõ ràng và rộng lớn hơn nhiều. Cứ đếm bao nhiêu

khoảng dài, ngắn, rộng, hẹp, rõ mờ đó thì biết cá sống mấy độ hè về. Người ta không nói loài cá sống được bao nhiêu năm hay bao nhiêu tuổi mà người Việt-Nam thường hỏi : Cá sống được mấy mùa rồi, người Pháp lại nhấn mạnh tới mùa Hè là mùa tăng trưởng các bộ phận trong cơ thể cũng như lớp vảy ngoài khi bàn tới các loại cá Gáy nuôi ở trong đĩa, hay những loại cá « viển du » đem tải bơi thần tốc vượt các đại-dương : Con cá Gáy 3 mùa hè, (1) hay con Cá Thu bốn mùa hạ.

Tới đây thì Anh-Đào lại reo lên vì vừa giết thêm được một con cá Hồng tuyệt sắc.

Lần này thì Hùng-Linh nhanh chân chạy tới trước :

— Phải gỡ con cá này để có chút hên, xả xui bóng cô lảng giềng ra cửa sổ khi tôi xách cần câu tới nhà anh chị. Cả ba lại cười vang lên, cái cười hồn nhiên của những con người đang sống ngoài vòng danh lợi.

Hùng-Linh đề con cá nằm trên thảm cỏ xanh. Nó uốn mình,

(1) une carpe de 3 étés.

vặn vẹo, mang há rộng ra đường như bị nghiền thở ở nơi môi trường xa lạ. Nó vùng vẫy có vẻ đau đớn mà không một tiếng kêu van.

Chàng nhìn những màu sắc của nó đổi thay liên tiếp : từ đỏ xăm sang màu hồng đậm, màu tím hường sang màu nâu rồi màu xanh vằn đục, theo từng giờ khắc ngoắc ngoãi tới lúc sức lực kiệt tàn từ già miến nhân thế. Bất giác chàng cảm thấy một mối buồn vẩn vơ. Đưa mắt qua phía vợ và bạn : cả 2 người cùng đang trầm ngâm nhìn con cá hồng tuyệt sắc quần quại trong giờ hấp hối. Vũ-Nguyên cất tiếng :

— Tại sao người Romaines trong thời cực thịnh lại có lối giải-trí quá phũ-phàng : uống rượu với cái thú thật là kỳ dị : ngấm loại cá hồng thay đổi màu sắc cho tới khi nó chết ? Biết bao người đã đổ xô vào việc đi bắt cá Hồng và mua cá Hồng với một giá quá đắt để làm thỏa-mãn những cảm-giác vô luân ?

Anh - Đào nhanh nhẩu trả lời chổng :

— Theo ý em thì chỉ tại loại cá Hồng đẹp, nó có những màu sắc tuyệt trần, nên loài Người

mới thích và cố bắt cho kỳ được để một hạng người trưởng-già, cao sang, thừa tiền thừa của làm giàu làm có trên mồ hôi nước mắt của đám dân cùng, vô công rồi nghề mới nghĩ ra cái «thú» khác đời ấy.

Sắc đẹp có thể khuynh quốc khuynh thành những hồng nhan lại thường hay mệnh bạc.

Hùng-Linh cũng xen vào :

— Có phải người Romaines thuở trước mới thích cái «trò» ấy đâu ! Chính chúng ta đây cũng đang là người trong cuộc nhìn con cá Hồng quần quại thay đổi màu sắc như ai.

Anh-Đào phản đối :

— Tại con cá Hồng này tham mồi mới mắc lưới câu nên chúng ta phải chứng kiến cái cảnh nào lòng này chứ ! Anh cũng như tôi, chúng ta nào có thích gì cái vui trên sự đau khổ của người khác.

Hùng-Linh không phải tay vừa :

— Đồng ý với chị là cùng trong một cảnh mỗi người có những cảm nghĩ khác nhau. Ta xem con cá Hồng quần quại,

biến đổi màu sắc trong giờ hấp hối không cảm thấy thú như người Romaines thuở trước. Nhưng nói rằng vì cá tham mỗi mắc phải lưới câu thì e rằng không đúng.

Lã-dông-Lai một nhà triết-gia Trung-hoa có nói :

« Chính con người đem cái mồi tới để như con cá đào bẫm để lừa bắt thú-vật rồi khi cá mắc mồi, thú bị sa vào bẫy lại đồ lỗi cho loài thú và loài cá quá tham ! » Câu nói đó bà chỉ nghe có hợp lý không ?

Mặt trời đã lên cao, ánh nắng chiếu xuống rất cả làn da, câu chuyện cũng đi vào khúc quanh của triết-lý gay go, Vũ-Nguyên vội đứng lên dục dã :

— Thôi, chúng ta về chứ !

Chàng vừa thu xếp cần câu vừa nhớ lại câu nói của Shakespeare :

« Biết bao nhiêu bí ẩn còn tiềm tàng giữa khoảng trời đất và vòm trời, từ mặt nước tới tận đáy sâu mà Khoa-học và Triết-lý chưa biết tới ! » (1)

Cả một thế-giới bí-ẩn nơi đại-dương kỳ diệu ấy, con người đã, đang và sẽ tìm phương tiện, từ thể hệ này qua thể-hệ khác để khám phá thêm những sự mới mẻ lạ lùng.

(1) *Il y a plus de choses entre la terre et le ciel, entre la surface des eaux et le fond où elles reposent que n'en savent encore la science et la philosophie.*



★ DANH NGÔN

Người ta đều biết phòng hỏa hoạn, ít người biết làm cho hỏa hoạn đừng sinh ra.

LÃO-TỬ

LỜI TÒA-SOẠN.— Đề các bạn hiểu biết phần nào về Văn-chương của Hemingway vừa mới tạ thế, chúng tôi xin tạm trích-dịch một đoạn văn lý-thú nhất trong quyển « *Le vieil homme et la mer* », giải thưởng Nobel 1954, quyển truyện hay nhất của ông.

LÃO NGƯ ÔNG

và BIỂN-CẢ

★ Ernest Hemingway
● HOÀNG - THẮNG trích dịch

ĐỪNG vào thời kỳ nào ông già bắt đầu nói chuyện một mình? Ông lão cũng không nhớ rõ nữa. Trước kia ông thường hay hát trong lúc theo tàu đi đánh cá những lúc đêm về. Cũng có thể từ khi cậu bé rời ông không cùng theo đi câu cá nữa, ông mới nói chuyện một mình. Nhưng chuyện đó cũng không

chắc chắn lắm.

Vào thời kỳ mà chú nhỏ cùng ông thường đi câu cá chung, hai người chỉ nói chuyện với nhau khi nào thấy là cần thiết. Ở ngoài biển cả, không nên nói những lời vô ích. Ông già vẫn luôn luôn nghĩ như vậy nên ông giữ im lặng. Nhưng giờ đây, ông thường hay nói những khi,

nghe dồn dập tới. Vả lại, cũng không có ai ở đây để họ bị phiền lòng vì những lời nói của ông.

— Nếu mọi người nghe ta nói chuyện một mình như vậy, chắc họ tưởng ta là một kẻ lập dị, ông lão nói lớn, nhưng tự ta, ta cho rằng ta không lập dị. Không kể những người giàu có, họ có máy T. S. F. trong tàu, để liên lạc với nhau và kể cho nhau nghe môn cầu « base-ball ».

— Không phải lúc để mà nghĩ tới chuyện base-ball, ông lão nghĩ thầm. Bây giờ là lúc phải nghĩ tới một chuyện khác. Chỉ một chuyện thôi.

Ngay lúc đó, dưới biển sâu, độ 100 bộ, một con cá lớn đang ăn mồi của ông lão chài. Ông lão, tay cầm nhẹ giây câu để nếu con cá có lời mồi đi, nó vẫn không biết là bị mắc lưỡi câu.

— Hãy ăn đi, cứ tự nhiên mà, ông lão nói lớn. Đừng có sợ con ời. Ăn đi !

Ông lão đợi chờ, giây câu nằm giữa ngón tay cái và ngón tay chỏ. Không cứ phải nhìn chiếc giây đó mà còn phải nhìn những chiếc giây khác bởi con cá có thể thay đổi món mồi dử nó. Lại một sự rung chuyển nhẹ nữa.

— Nó tới, ông lão nói lớn. Lay Chúa phù hộ cho-nó cắn mồi.

Nhưng con cá không cắn mồi. Nó đi thẳng.

— Không thể được, ông già nói. Thượng-Đế không có cho phép nó đi mà. Nó phải trở lại. Rất có thể nó biết có lưỡi câu mắc ở trong miếng mồi ?

Lại một lần động nhẹ nữa.

— A, nó chỉ lượn quanh có một lần thôi, ông già sung sướng reo lên. Nó cắn mồi đấy.

Chợt ông lão thấy nặng trĩu nơi tay : đúng là con cá đã cắn phải mồi. Ông già thả cho giây câu soãi ra, soãi nữa, soãi thêm nữa. Làn giây chìm sâu xuống biển.

— Đúng là một con cá lớn, ông già nói.

Bất chợt con cá không động dậy nữa, nhưng sức nặng vẫn trĩu xuống bên kia đầu giây.

— Nó đã mắc câu rồi, ông nói. Bây giờ làm sao nó phải nuốt, nuốt cho thật sâu. Mau lên, ăn đi, ăn nữa đi, chú cá ời ! Ăn cho tới khi nào đầu nhọn của lưỡi câu đâm sâu vào trái tim mi và làm vỡ nát.

— A ! ông lão kêu lên khi kéo sợi giây câu về phía mình độ một thước.

Con cá vẫn lòi đi và ông lão

không thể nào kéo giây lại được dù chỉ là 1 phân tây mà thôi.

Ta sẽ làm sao bây giờ nếu nó chui đầu xuống đáy biển? Ta tự hỏi như vậy. Ta sẽ làm sao nếu nó chìm? Hừ, mình cũng chẳng hiểu nữa. Mọi điều mà ta biết, là ta phải làm một việc gì.

Con thuyền vẫn lướt nhẹ về phía Đông-Bắc.

Bốn giờ sau, con cá vẫn bơi hoà, lòi theo chiếc thuyền và ông lão vẫn phải ráng sức giữ thẳng giây câu.

Ông già quay lại nhìn phía sau lưng. Không còn thấy đất liền đâu cả. Điều đó không có chi làm ta phiền lòng, ông già nghĩ. Muốn trở lại mình vẫn có những ánh sáng của miền La Havane làm đích. Ta bây giờ còn hai giờ nữa trước khi mặt trời lặn, nếu nó không trời lên đúng lúc này, nó sẽ trời lên khi trăng mọc. Nếu trăng mọc rồi mà nó không trời lên, nó sẽ lên trên mặt nước vào sớm mai. Tay ta không có bị chuột rút. Ta khoẻ mạnh, to con. Chính nó đã bị mắc lưới câu trong miệng, chứ không phải ta...

... Đêm trở về, con cá vẫn cứ bơi hoà. Sau khi mặt trời lặn, gió thổi mát dịu. Mồ hôi đượm

trên lưng ông lão, trên cánh tay, trên đùi già yếu đã thấm lạnh.

— Nếu nó cứ tiếp tục bơi như thế này, ông già nghĩ thầm, ta không thể làm gì nó được và nó cũng chẳng giúp ta gì được. Người ta không tuột ở một mình được trong lúc già. Nhưng cũng không thể tránh được.

Điều cần nhất là mình không được quên việc ăn con cá. thông» trước khi nó tươn. Như vậy mình mới còn sức được. Lão già ơi! mi hãy tự nghĩ rằng, nếu mi không đói, thì sáng mai mi cũng phải ăn, mi hãy nhớ thế, ô g già tự nhắc mình như vậy...

... — Cá ơi, ông già dịu dàng nói, cá ơi! Ta sẽ ở với người cho tới khi ta chết.

Nó cũng vậy, nó ở với mình, ông lão nghĩ.

Ông già chờ đợi ánh dương trở lại. Bình minh ló dạng. Trời lạnh, mặt trời ló mình nơi chân giờ. Con cá vẫn chưa tỏ ra mình đã thấm mệt.

— Chúa ơi, hãy bắt nó nhảy lên đi, ông lão nói.

Hỡi con cá kia, tao yêu mày lắm. Tao kính trọng mày nữa. Nhưng tao phải có tấm da của mày trước khi ngày tắt nắng.

Một con chim nhỏ từ hướng

Bắc bay tới chiếc thuyền câu. Ông lão nghĩ con chim này đã mỗi canh.

Con chim nhỏ đậu phía sau mũi thuyền một vài giây rồi đảo lượn quanh đầu ông lão và đỗ xuống chiếc gậy câu phía trước mặt.

— Mày đã bao tuổi, ông lão hỏi. Có phải đây là lần đầu tiên mày vượt biển hả ?

Trong khi ông lão nói, con chim lặng lẽ nhìn ông già. Nó có vẻ mệt mỏi, con chim nhỏ !

— Cứ đậu ở đó để nghỉ ngơi đi, con chim nhỏ kia. Rồi hãy trở về đất liền, mi có sự hên của mi. Tất cả đều có sự hên của họ : người, chim, cá.

Hãy cứ ở lại đây nếu mày muốn, chim nhỏ ạ. Tao sẽ căng buồm đưa mày vào đất liền khi trời nổi gió.

Trong lúc ông lão nói chuyện với chim, con cá quẫy mạnh làm ông già ngã chúi về phía trước. Con chim như cũng giật mình đập cánh bay thẳng. Ông già không cả nhìn thấy khi nó bay đi.

— A, nó trời lên kia, ông lão kêu lên : Lên đi, lên đi !

Chậm chậm, đều đều, gậy câu lên cao dần. Bất chợt con

cá xuất hiện. Nước chảy mạnh hai bên sườn con vật. Đầu và lưng nó màu tím sẫm. Con cá nổi hẳn trên mặt nước nhưng rồi nó lại lặn xuống biển.

— Nó còn dài hơn thuyền của mình tới 2 bộ, ông lão nói

Đêm đã về. Vào tháng chín, màn đêm buông xuống liền khi mặt trời vừa lặn. Ông già tựa người vào mảnh ván lư bên mạn thuyền để nghỉ ngơi một chút. Những ngôi sao đầu tiên đã hiện ra trên nền trời.

— Con cá cũng là bạn của ta, ông lão nói lớn giọng. Ta chưa hề nhìn thấy một con cá như vậy. Ta chưa hề nghe nói tới con cá như vậy. Vậy mà ta phải giết nó. May mắn thay, người ta không bị ép buộc để giết những ngôi sao !...

... Mặt trời lại hiện ra lần thứ ba trên đầu ông lão và chiếc thuyền. Con cá vẫn từ từ lòi chiếc thuyền lướt trên sóng.

Cho tới gần trưa, con cá lại trời lên mặt nước. Ông lão, đã chuẩn bị sẵn, ném nhanh cái lao mấu trúng sườn con vật. Ông già cảm thấy miếng sắt đâm sâu vào mình con cá. Con vật, trước khi chết, nhảy vọt lên cao. Trong một khoảnh-khắc, nó như bị treo trong không khí, trên đầu ông già và chiếc

thuyền. Cuối cùng nó nặng nề rơi xuống biển. Một cột nước bắn tung tóe lên thuyền, vào người ông già.

Ông lão chài đã kiệt sức, mắt mờ hẳn đi. Khi ông tỉnh mắt lại, con cá đã nằm phơi bụng trắng như bạc. Mặt biển bắt đầu nhuộm màu đỏ từ tim con vật chảy ra. Máu đỏ lan rộng như một đám mây. Con cá nằm bất động, lập lờ trên làn sóng.

— Hãy làm việc đi, lão già ơi! Ông già nói rồi uống một ngụm nước nhỏ. Bây giờ có nhiều việc phải làm, cuộc chiến đấu đã xong rồi.

Sau khi cột giây con cá vào chiếc thuyền, ông lão cho thuyền chạy. Một giờ sau, con cá mập thứ nhất lao tới. Không phải bất ngờ con cá mập tới đó đâu. Nó đã rời khỏi lòng vực của biển cả khi đám mây máu tan dần xuống đáy sâu. Đó là loại cá mập Mako, bơi rất nhanh, nhanh hơn cả loại cá bơi nhanh nhất. Trông hình dáng nó rất đẹp, trừ cái miệng. Lưng nó màu xanh, bụng màu

trắng bạc, da nhẵn bóng.

Khi ông lão nhận thấy nó, ông biết ngay nó là loại không biết sợ hãi là gì. Trong khi ngắm nó, ông già chuẩn bị cái lao mấu và cột giây.

Con cá mập theo sát bên chiếc thuyền. Khi nó lao vào con cá, ông chài nhìn rõ miệng con vật toác ra. Ông già nghe rõ tiếng kêu của hàm răng con vật cắn sâu vào thịt con cá của ông.

Ông lão lao nhanh cái lao mấu trúng đầu nó. Con vật quãy mạnh làm nổi bọt sóng. Chiếc giây thừng rung lên và đứt. Trước đôi mắt của ông lão, con cá mập nằm im trong một phút rồi từ từ chìm xuống nước.

— Thôi, thế là nó mang theo của mình cây lao mấu và cả đoạn giây rồi, ông lão nghĩ, và bây giờ con cá của ta lại bắt đầu rây máu, rồi có lẽ cá mập khác sẽ tới.

Ông già không còn có hứng thú để nhìn con cá từ khi nó bị rĩa thịt. Khi nó bị con cá mập cắn, ông lão tưởng như chính mình cũng bị xâu xé vậy...



ERNEST HEMINGWAY

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI CỦA THẾ GIỚI

THEO thói quen, Ernest Hemingway thường dùng cơm trưa trên sân thượng ngồn ngang những căn cầu tại biệt-thự của

ông gần La Havane (Cuba) quần-quít bên mình tới 47 con mèo con. Chính tại nơi đây, tác-giả của những *En avoir ou pas*, *Neiges du Kilimandjaro*, *Viêt*

homme et la Mer đã nhận được tin mình trúng giải thưởng văn-chương Nobel.

Nhà đại văn-hào đã ôm ghì lấy người vợ nhỏ bé (người vợ thứ tư) làm bà này gần ngộp thở. Ông uống một hơi hết nửa chai champagne rồi cười hét lên làm cho lũ mèo con cũng phải rùng mình, lông dựng đứng.

Nhà văn cười vì ông sung sướng được trúng giải thưởng Nobel — một giải - thưởng giá trị nhất thế-giới — và ông cũng cười chính ông nữa.

Tám hôm trước đó, ông đã nói chuyện với một ký giả về giải thưởng Nobel : « Đó là một phần thưởng không công bằng và chính xác. Người ta chỉ trao nó cho những nhà văn tầm tiêng và giàu có thay vì trao cho một người vô danh và túng thiếu. Khi anh ném chiếc phao cấp cứu, lẽ dĩ nhiên là không bao giờ anh ném cho một ông có tên tuổi đang thả bộ trên bờ biển, mà là cho một người đang sắp chết đuối. Phải thế không anh ? ».

Ernest Hemingway đã mĩa mai các ông Nghị ở Hàn-lâm-viện Suède, thì giờ đây chính ông lại được họ chọn lựa với cuốn *Lão Ngư Ông và biển cả*.

Nhà đại văn-hào rất ghét những nhà phê bình, nhưng cũng vì bị phê bình mà cuốn

Vieil homme et la Mer ra đời và gây tiếng vang khắp năm châu.

Năm 1951, ông xuất-bản cuốn *De l'autre côté de la rivière, parmi les arbres* (Bên kia sông, trong đám cây). Cuốn này viết rất thường nên bị các nhà phê bình Mỹ chê bai. Họ cho rằng ông đã hết thời rồi. Một nhà, phê bình đã nói : « Cuốn tiểu-thuyết đó nên đặt tên là *De l'autre côté de l'avenue, parmi les bars* (Bên kia đường, trong quán rượu) mới đúng.

Ernest Hemingway vợ thu xếp valy, rồi tới biệt trang của ông nơi bờ biển sống với 47 con mèo mà ông rất quý. Ông không đi đâu ngoại trừ ra biển câu cá.

Hai năm sau, ông cho đăng trong tạp-chí *Life* truyện *Lão ngư ông và biển cả*, dài 27.000 chữ. Trong 48 tiếng đồng hồ, 4 triệu số báo đã bán hết, phải tái bản lần thứ hai với 5.400.000 số.

Nghê-thuật thứ bảy cũng đã mang lên màn ảnh những nhân vật của nhà đại văn hào qua những tác phẩm : *L'Adieu aux armes, Les Neiges du Kilimandjaro, Le soleil se lève aussi, Le vieil homme et la Mer*. Nhà sản-xuất điện-ảnh ở Hollywood đã phải mua 1 triệu quan 1 trang sách cuốn *Les Neiges du Kilimandjaro*.

Hemingway đã từng tham dự trận đệ-nhất thế - chiến trong hàng ngũ quân đội Italie (năm 1916) và đã bị thương. Ông đã giảng nghĩa cho một người bạn hay tại sao ông lại được tặng hai lần huy-chương : « Một lần bởi vì tôi là người Mỹ, lần thứ nhì bởi lẽn ».

Hemingway cũng có mặt trong trận nội-chiến bên Espagne với tư-cách thông - tín-viên chiến-tranh. Khi đoàn du - kích cộng-hòa Espagne bắt đầu phải rút lui trước những cỗ xe tăng của tướng Franco, ông đã dùng những tiền bản-quyền tác-giả để mua xe cứu-thương gửi tặng họ. Chính giữa tiếng bom rơi, đạn nổ, ông đã viết cuốn *Pour qui sonne le glas* (Hồi chuông báo tử).

Trong trận đệ-nhi thế-chiến, ông cũng có tham dự. Nhà phóng-viên chiến-tranh khi thì ở chung với quân đội Mỹ, khi theo cùng quân đội Anh, hoặc ở với sư-đoàn Pháp do tướng Leclerc chỉ-huy.

Đã một lần ông tuyên - bố : « Thà tôi bị bắn chết còn hơn là phải dơ tay chào Thống-chế Montgomery, con người chỉ chờ đợi để chiến đấu năm mươi người chơi một ».

Tám ngày sau cuộc đổ bộ lên miền Đông Bắc nước Pháp, ông ở cùng sư-đoàn Leclerc nhưng

rồi lại bỏ đi vì « sư - đoàn đó tiến chậm như rùa ».

Có một lần người ta hỏi ông, trong đời ông có hai điều nào ông thích thú nhất. Ông đã trả lời :

— Một lần khi tôi dự cuộc săn nã những tàu ngầm Đức-quốc-xã năm 1941 và một lần khi người ta lấy tên tôi để đặt tên cho một loại cá tại vịnh « Gulf Stream ». Đó là tên Nemerinthus Hemingwetis.

Ernest Hemingway đã từng đấu bò, đi săn tê-giác trong rừng, dự những cuộc chiến-tranh mà không chết, giờ đây lại chết phi-lý vì lau súng. Đã một lần, báo chí đã loan tin ông chết tron: một chuyến đi săn, chiếc máy bay bị rớt xuống miền rừng rậm Ouganda. Nhưng hai vợ chồng ông vẫn sống yên ổn giữa bầy voi và cá sấu.

Hemingway là một trong số mười nhà văn đứng đầu thế-giới về sách in bán nhiều nhất.

Truyện của ông rất sống động, Những nhân vật trong truyện chính là nhân vật ở ngoài đời.

Trong cuốn *Adieu aux armes*, ông kể lại câu chuyện bên chiến-trường Italie. Frederich Henry là một người Mỹ, tình nguyện gia nhập quân đội Italie. Bị thương, chàng được một nữ y-tá tên là Catherine Barkley săn

sóc. Hai người yêu nhau thắm thiết. Khi quân đội Italie rút lui, tinh-thần của binh lính đều xuống. Một người bạn Italie của Frederich đã bị tòa-án quân sự xử bắn tại chỗ vì anh ta đã dám chửi rủa chiến-tranh. Frederich trốn sang Suisse với vợ là cô y-tá Catherine. Người vợ chết khi đẻ con tại đất nước quê người.

Trong *Le soleil se lève aussi*, Lady Brest Ashley, một người đàn bà trẻ đẹp, lãng mạn, có người chồng chưa cưới luôn luôn say rượu tên Mife Campbell, một người bạn tên Colin yêu nàng nhưng không được yêu lại, Yake Barnes mới là người được nàng yêu thành thật nhưng Yake lại bất lực vì một vết thương hồi chiến tranh. Cuối cùng Yake khuyên nàng chỉ nên coi nhau như bạn vì hai người có lấy nhau chẳng nữa cũng không thể tạo sung sướng cho nhau được.

Trong *Pour qui sonne le glas*, nhân vật là những người du-kích cộng-hòa Espagne chống lại quân đội Franco. Robert Jordan là một thanh niên Mỹ cũng tham gia chiến đấu trong

hàng ngũ du-kích quân. Anh yêu cô Maria — người con gái này cũng ở trong hàng ngũ du-kích và đã một lần bị quân lính của tướng Franco bắt được —. Cuối cùng đoàn du-kích phải rút lui vì lực lượng của đối phương quá mạnh. Dù bị thua, những người trai trẻ đầy máu nóng vẫn còn tin tưởng ở một ngày mai sẽ quét khỏi chống lại chế độ độc tài phát xít Franco.

Le Vieil homme et la Mer tả một ông lão chài, một mình chèo thuyền ra khơi câu cá. Đã 84 ngày qua, ông không hề câu được một con cá, sang ngày thứ 85, có một con cá bị mắc câu. Con cá rất lớn, đã lôi chiếc thuyền của ông già đi suốt ba ngày liền. Ông lão già vừa phải kéo giây câu để ghim con cá lại, vừa phải chống với lũ cá mập luôn luôn theo sát bên để chờ dịp đớp con mồi của ông. Đến khi ông già lái được thuyền vào bờ thì con cá mắc câu chỉ còn là một bộ xương mà thôi, lũ cá mập đã ăn hết thịt nó rồi.

HOÀNG-THẮNG

TUẤN,

chàng
trai
nước
Việt

Hội để yên, không nói gì, nhưng khi chàng bạo hơn một tý, khe đưa bàn tay dần dần lên ngực cô, thì cô ba hắt ra, rồi co cánh tay của cô lên để che ngực, mặc dầu cô đã mặc ba lớp áo hàng màu, chưa kể áo cụt trắng ở trong cùng và chiếc yếm đen của cô cột chặt vào cổ và lưng.

Thấy cô vợ mới cưới còn giữ gìn e-lẹ, Lê-văn-Thanh không dám làm ầu, vội-vàng rút bàn tay, nằm im phăng-phắc.

Gà gáy
lần thứ hai..
Rồi lần thứ
ba, và o
khoảng 6 giờ
sáng. Trong
cảnh vật còn
mơ - màng
lặng-lẽ, mọi
vật như còn
ngái ngủ,
tuy trời đã
hừng sáng.

tiếng kèn rạng đông ở Đồn
Lính Khố - xanh bỗng vang
lên thánh-thót, cả tỉnh thành đều
nghe: Tò-te-tí tò-tí-te...

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 61)

LÊ-VĂN-THANH hồi-
hộp khe đặt bàn tay lên
cánh tay áo hàng màu
lục của cô vợ trẻ mà
chàng nhìn thấy xinh đẹp như
nàng tiên giáng thế... Cô Ba

Chiếc yếm của Phụ-nữ Việt-nam hồi xưa. Các cô gái thành-thị vào khoảng 1910 - 1930, vẫn còn mặc yếm. Yếm mặc sát vào ngực để ép đôi vú xuống. 1930-1940, phụ nữ «lên thời» bắt đầu mặc coóc-xê (corset) theo Đăm. Coóc-xê để ngực này-



nở tự do hơn. Phong trào đeo xu-chiêng (soutien-gorge) để nung cao bộ ngực lên, hoặc dọn thêm đôi vú giả, mới thịnh-hành thời Hậu chiến, nhất là từ 1950, khắp thành thị đến thôn-quê.

tí-tò-tí-te, tí-tò-te-tí...

te-tò-te-tí-tò-tí-te,

tí-tò-tí-te, tí-tò-tò-te.. v.v...

Cô Nguyễn-thị-Hội vội-vàng ngồi dậy, không nói năng một lời, ra mở cửa buồng, đi thẳng xuống bếp. Cô đến chum nước lạnh, lấy gáo dừa múc một gáo nước, trút nước ra bàn tay đưa lên rửa mặt. Rửa xong, cô đưa vạt áo dài lên lau. Cô bóp

một hóp nước để súc miệng. Lúc bấy giờ không có thuốc đánh răng và không có bàn chải răng. Và lại, răng các bà các cô đã nhuộm đen, (cả một số đàn ông theo Nho-giáo cũng nhuộm răng đen) thì làm sao đánh răng được? Trái lại, lâu lâu, cách năm bảy tháng cô Nguyễn-thị-Hội còn phải nhuộm

lại hàm răng cho đen thêm, đen
 ánh như hột măng-cầu (tiếng
 Bắc : hạt na). Trong mấy ngày
 nhuộm răng, để cho thuốc nhuộm
 thật khô, cô Ba Hối phải nhịn
 ăn các đồ nóng và các đồ cứng-
 rắn, chỉ ăn cơm nguội, hoặc
 cháo nguội, và các món ăn
 mềm.

Cô Ba Hối — từ nay người
 ta gọi là cô Ký Thanh — vào
 nhúm bếp nấu nước sôi để pha
 trà. Thầy Ký đã thức dậy, ngồi
 gھế tràng kỷ ở nhà trên, uống
 trà với ông Hương-Cả, thân
 phụ của chàng. Tội nghiệp cho
 chàng thanh niên mới cưới vợ !
 Đêm tân-hôn đáng lẽ là đêm thơ
 mộng xiết bao, là đêm tràn-trề
 hạnh-phúc của tình yêu son trẻ,
 mà sau khi làm lễ hợp cấn với
 vợ, chàng vẫn chưa được gần vợ,
 bởi cô vợ còn quá thận-thuồng
 chưa dám gần chàng ! Cho đến
 đêm thứ hai, nàng vẫn còn xa
 cách... Chàng phải rủ-rủ bên tai
 nàng vài câu chuyện bâng-quơ,
 gọi chuyện nói sao cho nàng
 mỉm cười, nàng vui vẻ, bạo
 dạn, hết còn bẽn lẽn sợ sệt như
 đêm đầu. Ký Thanh không quên
 sử-dụng vài câu chữ Nho trong

các sách Khổng-giáo để quyến dụ
 người đẹp đêm tân-hôn. Chỗng
 tay trên chiếc gối gỗ, nửa nằm
 nửa ngồi, miệng nhai trầu,
 chàng ngó cô vợ mới cưới vẫn
 ngồi khép-nép bên lờ giường.
 Chàng rung đùi, khẽ nói, cố
 gắng vẫn hùng-hồn như Thầy
 Đồ dạy học :

— « Đức Thánh Ngài nói
 rằng : « *Thiên hạ chi đạt đạo
 ngũ, viết quân thần già, phụ-tử
 già, phu-phụ già, côn-đệ già, bằng-
 hữu chi giao già, ngũ già, thiên
 hạ chi đạt đạo già...* » (1) Tôi tự
 xét tôi đi làm việc Nhà-nước,
 ấy là tôi đạt được quân thần chi
 đạo. Tôi ăn ở có hiếu với cha,
 ấy là tôi đạt được Phụ-tử chi-
 đạo. Tôi thương vợ, ấy là tôi
 đạt được phu-phụ chi đạo...
 Nay tôi đã gá nghĩa cùng cô
 Ba, thì tôi trộm xét cái thân
 bấy trước này không đến nỗi
 vô ích với đời, tôi đã thành đạt
 được cái nam-nhi chi chí. Tôi

(1) Ở đời có 5 Đạo : Đạo
 Vua tôi, Đạo cha con, Đạo vợ
 chồng, Đạo anh em, Đạo bè bạn
 giao hảo : ấy là năm đạo mà thiên
 hạ phải thực hành.

thương cô Ba bao nhiêu, tôi lại nhớ câu trong *Kinh-Thi* bấy nhiêu : « *Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê-noa...* Phụ-mẫu kỳ thuận hỷ hồ ! » (1)

Ký Thanh ngâm mấy câu sách Nho, khoái chí gật đầu, rồi cao-hứng xỏ luôn một mớ tiếng Tây ba-rọi :

—Tục-ngữ An-nam mình nói : « Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn », Tây thì nói : « *Unis la femme et le mari, puiser de l'eau... dans la mer de l'Est... est vidé aussi...* »

Thanh vừa nói, vừa nhai trầu mồm-mēm, vừa cười tùm-tùm... Chàng nuốt nước trầu một cách ngon-lành, trong lúc cô Ba Hợi ngồi nghe như vịt nghe sấm, thăm phực ông chồng rất tài-hoa của cô. Chàng khê bảo :

— Cô Ba nằm xuống nghỉ, kéo khuya rồi, cô Ba. Đã quá giờ Tý rồi đó !

Cô Ba khê đáp :

— Dạ, Thầy ngủ trước đi.

Lê-văn-Thanh nằm xuống, nhắm mắt giả vờ ngủ và ngáy khò-khò... Chàng chỉ giả vờ thôi, sự thực chàng vẫn thức, để rình lúc cô Ba ngủ. Một lúc sau, cô Ba Hợi đứng dậy nhẹ-nhàng,

cởi áo dài ra, chỉ còn mặc áo cụt trắng. Cô nằm xuống, nhưng vẫn nằm riêng bên lẽ giường. Cô không dám đụng chạm vào da thịt người đàn-ông, chồng của cô. Một lúc khá lâu, Cô nghe ở nhà trên, nhà cầu, nhà bếp, ngoài hè, toàn những tiếng ngáy của những người đã ngủ say, mệt-mỏi. Trên vách đất, tiếng thẩn-lần chắc lười. Tiếng ếch nhái kêu ột... uếch... ngoài sân... Cô nằm lim-dim một lúc, không quấy چرا. Thanh tưởng cô đã ngủ rồi, mới len-lén nằm kề bên cô.

Chàng khê đặt mũi trên đôi má ấm-ấm của nàng mịn và thơm như hai cánh Đào-hoa, chàng say-sưa hít liên tiếp hai ba hơi. Đó là những « nự hôn » đầu tiên của cặp thanh-niên âu-yếm bời đầu thế kỷ này (2). Nàng làm bộ ngủ mê, để chàng muốn làm gì thì làm. Đêm nay, nàng không

(1) *Vợ con hòa-hợp như tiếng đồn sắt đồn cầm, nhà cửa đoan-trang, vợ con vui-vẻ... cha mẹ được hoan-hỷ lắm thay !*

(2) *Hồi đó thanh-niên âu-yếm nhau chỉ « hít » trên má, chứ không biết hôn như bây giờ.*

chống cự, không từ chối một tý gì nữa cả.



Một buổi sáng, trong lúc Ký-Thanh ngồi uống nước trà trên ghế tràng kỷ với ông Hương Cả, ông bảo chàng :

— Tiệc cưới của con, tất cả bà con cô bác trong tỉnh ai cũng có tới dự vui vẻ. Nhưng cha không thấy mặt chú Thợ Ba, cha thằng Chuột. Tại sao vậy kia ?

— Chú thợ mộc ấy không ưa nhà mình.

— Cha nghĩ rằng chắc lẽ thằng Chuột được Nhà-nước cho học-bổng đi học trường Quốc-học ở Huế, nên chỉ chú thợ Ba làm phách, không thêm tới dự tiệc cưới của con đó.

Ký Thanh nổi giận :

— Tiệc cưới của con, trên có cụ Sứ, cụ Phó-sứ, cụ Tuần, dưới có làng xã đông đủ hết, như vậy đã danh-giá biết bao. Chú thợ Ba làm phách với ai, chớ làm phách với nhà mình sao được ?

— Chắc lẽ chú ý thằng Chuột học giỏi hơn con.

Ký Thanh làm thính, ganh-ghét thằng Chuột nhưng không

làm sao được.

Ông Hương Cả đoán như thế có phần đúng, nhưng cũng có phần chưa đúng hẳn. Thằng Chuột, — từ nay chúng ta phải gọi tên chính - thức của nó là TRẦN-ANH-TUẤN, đã cấp vở đi học « Trường Nhà-nước » sớm hơn Lê-văn-Thanh hai năm. Các bạn còn nhớ hồi nó mới 8 tuổi, chưa biết mặc quần, vì Thầy giáo quen với cha nó, đoạ-nạt nếu nó không đi học trường Nhà-nước thì cha mẹ nó sẽ bị quan Tây bắt bỏ tù, cho nên nó phải cấp vở đi học A. B. C...

Hai năm sau, Lê-văn-Thanh nhờ thằng Chuột dạy lại ABC cho chàng, rồi chàng xin vào học lớp Năm « trường Nhà Nước », thì thằng Chuột, — à quên ! Trần-anh-Tuấn—đã học lên lớp Ba. Bấy giờ bà con thân thuộc trong tỉnh và ở cửa Bắc, không gọi nó là « thằng Chuột » nữa, mà gọi là « Trò Chuột ». Đến khi nó 12 tuổi, đỗ bằng « Rime », thì Trần - anh - Tuấn là người học-trò đầu tiên ở Cửa Bắc học chữ Tây đã thi đỗ cấp bằng ấy. Đáng lý ra, Tuấn được danh-vị mới là « Tân-học khóa-sanh ». Nhưng theo lệ làng đã

có từ thời Nho-học, người nào thi đỗ một cấp bằng mới, được chức vị mới, phải giết bò giết heo « khao » làng (đãi làng), thì dân chúng trong làng, cũng như trong tỉnh, mới chính thức gọi kẻ tân-khoa bằng chức-vị mới. Không phải thi đỗ Tú tài, Cử-nhơn, là được người ta gọi « ông Tú » « ông Cử » đâu. Phải làm tiệc khao làng, đãi toàn thể dân làng ăn uống, rồi mới được dân làng gọi « ông Tú », « ông Cử ». Tục-lệ « xói thịt » ấy có từ thời khoa cử cựu học, thời đại phong kiến của chế độ quân chủ, vẫn cứ duy trì với trào lưu tân-học. Vì Tuấn con nhà nghèo, gia đình chú Thọ mặc không có tiền để khao làng xã, cho nên Trần-anh-Tuấn thi đỗ « Ri-me », vẫn bị dân làng gọi là « trò Chuột », chứ không ai gọi là « Cậu khóa ». Và lại, Tuấn mới 12 tuổi, nên bị coi như là con nít, không được người ta trọng vọng. Trái lại, hai năm sau Tuấn, Lê-văn-Thanh thi đỗ bằng « Ri-me », nhờ Nhà nước mới hạ lệnh « đón rước tân khoa », và nhờ ông Xã Quý giết bò giết heo để đãi làng ăn uống phủ-phê suốt hai ba

ngày, cho nên Thanh được dân làng tâng bốc. Kể đó, Thanh được bổ làm Thông-ngôn ký-lục ở Tòa-sứ, lại khao lần nữa, mới được làng gọi là « Thầy Ký ».

Trần-anh-Tuấn, con chú thợ mộc, nghèo, không có ruộng đất, tuy học giỏi hơn Thanh, thi đỗ sớm hơn Thanh hai năm, và được « Nhà-nước Bảo-hộ » cấp học bổng cho đi học trường Quốc-học ở Huế, vẫn cứ bị làng xã gọi là « Trò Chuột », cái tên ấy không có vinh dự tí nào. Chính ông Hương Cả cũng khinh-miệt « thằng Chuột », là con nít và coi rẻ chú Thọ mặc là dân nghèo. Tức giận vì sự cách-biệt khinh khi ấy nhưng hãnh-diện vì con mình được đi học ở Huế, sẽ đỗ đạt cao hơn và sẽ ra làm việc được chức-tước lớn hơn, nên Cha « Trò Chuột », không thèm đến dự tiệc cưới của ký Thanh, con trai ông Hương-Cả.

Tuy vậy, ba ngày sau tiệc cưới, chú thợ Ba cũng đến mừng xã - giao ông Hương Cả và « Thầy Ký ». Chú mặc bộ quần áo vải ta, thứ vải thô sơ rẻ tiền nhất do người trong xóm dệt bán, mà chú thường mặc

hàng ngày, một chiếc khăn vắt vai, chú đi lững thững đến nhà ông Hương Cả. Trong câu chuyện dài buổi, ông Hương Cả mời chú thợ Ba ăn trầu, rồi hỏi :

— Thằng Chuột bây giờ học lên lớp mấy, chú Ba ?

— Dạ, thưa ông Cả, nó mới học tới lớp Đệ-nhi-niên. (1)

— Mấy năm nữa mới thi lận ?

— Dạ thưa, nó nói còn hai năm, đệ-tam niên, đệ tứ niên, rồi thi *Đít-lom*.

— Tôi cũng muốn cho Thằng-Ký ra Huế học *Đít-lom*, nhưng Cụ Sứ thương nó, biểu nó đi làm việc ở Toà, nên nó vắng lệnh cụ Sứ... Thiệt, cụ Sứ thương thằng Ký lắm, Cụ khen nó giỏi chữ Tây.

— Dạ. Thưa ông Hương Cả, bữa trước tôi cũng tính đến mừng thầy Ký, nhưng tôi nghe nói cụ Sứ tới, tôi sợ Cụ Sứ nên không dám đến.

— Cụ Sứ thương thằng Ký, cụ mới tới dự tiệc cưới của nó chứ đời nào Cụ tới nhà An-Nam. Có Bà lớn Sứ nữa. Cụ lớn ông và Cụ lớn bà đều có bắt tay « bỏ sũa » tôi. (2)

— Dạ, tôi có nghe nói.

— Sao chú không cho thằng Chuột đi làm việc như thằng Ký của tôi, có phải danh giá

không ! Nhà chú nghèo mà cho nó đi học Quốc-Học ở Huế làm chi vậy ? Chữ Tây khó lắm, thằng Chuột nó còn nhỏ nó học sao nổi ?

— Dạ, thưa ông Cả, cũng vì con tôi còn nhỏ tuổi, nên ra làm việc sao được. Với lại, nó có học bổng của Nhà nước, chớ tôi làm gì có tiền cho nó đi Huế... Ồi, thưa ông, tôi để thầy kệ nó, nó muốn học gì thì nó học. Phận tôi nghèo hèn dốt nát, tôi đâu có dám nghĩ chuyện cao xa...

— Ừ, chú nói phải, cháu cháu mà đá voi sao nổi.

Chú Thợ mộc nói qua loa vài câu chuyện nữa, rồi đứng dậy lễ-phép xin cáo từ. Bề ngoài, cha « trò Chuột » làm ra vẻ khiêm-nhường, ty-tiện trước mặt ông Hương Cả, nhưng trong thâm-tâm chú cười thầm, tự bảo: « Hai năm nữa, thằng Chuột thi đậu bằng *Đít-lom*, rồi hai cha con ông sẽ biết hai cha con tôi ! »
(Còn nữa)

(1) « Đệ-nhi-niên » tức là *lớp 2^e Année* ban « Thành-Chung », cao-đẳng-tiểu-học, ở trường Quốc học Huế. Có bằng « *Ri-me* » vào học lớp Đệ-nhi-niên, rồi lên Đệ-nhi-niên.

(2) *Bonjour*.



ma không chồng

(Tiếp theo P.T. số 61)

Chàng và nàng trở lại phòng ăn. Marie vừa nhảy vừa hát, còn Dumas thì phát điên lên. Qua đến phòng khách, Marie dừng lại, nói vào tai Dumas :

— Những việc vừa xảy ra, hình như em đã sẵn sàng chấp nhận anh ngay rồi. Anh có hiểu tại sao không ? — Điều đó có lẽ tại — và nàng nắm tay Dumas, đặt lên lồng ngực phập phồng của nàng — vì trước khi phải sống ít hơn những người khác, em đã tự hứa rằng em phải sống cho thật là nhanh, nhanh chừng nào hay chừng ấy.

— Đừng nói cái kiểu đó, tôi van cô.

— Ồ ! Có gì ! Anh hãy tự an ủi lấy anh ; Marie vừa nói vừa cười. Nếu đời sống của anh ngắn ngủi, anh yêu em, em sẽ sống được lâu hơn.

Nàng lại nó đùa, nhảy nhót trong căn phòng. Chị bồi Clotilde đã đi ngủ rồi.

ALEXANDRE DUMAS fils
VỚI CUỘC TÌNH

Người ta có thể chấp nhận những giai đoạn hệ-trọng trong cách dàn xếp cuốn truyện của

của A. Dumas ; căn bản thì xác thực nhưng những chi tiết đã thay đổi nhiều. Dumas đã thuật lại cuộc đời của nàng danh kỹ Alphonsine Plessis dưới tên Marguerite Gautier và chàng đã ban cho cái biệt danh là LA DAME AUX CAMÉLIAS (Trà Hoa Nữ). « Marie Duplessis đã không có tất cả những vận số rất cảm động mà tôi cho Marguerite Gautier vay mượn », chính Dumas đã viết như thế trong một kỳ xuất bản đặc biệt tác phẩm La Dame Aux Camélias, — tác phẩm này là một kịch phẩm, không phải tiểu thuyết — và chỉ in có độ 100 bản để tặng những người bạn hữu của ông. Và ông có viết thêm rằng : « Nhưng nàng chỉ đòi hỏi có những vận số ấy ». Nếu nàng đã không hy sinh chút gì cho Armand (nghĩa là cho ông, Alexandre Dumas fils), chính là điều mà Armand không muốn. Nàng đã chỉ có thể diễn tả nỗi tiếc sâu xa của nàng trong màn thứ nhứt và thứ nhì của vở kịch. Với vấn đề đã đặt ra ấy, cuốn tiểu thuyết và kịch phẩm của A. Dumas đã đưa ra một lời giải đáp giả tạo, nếu không

là sai lầm. Dường như người ta sẽ không lầm lẫn, nếu giải đáp rằng Marie Duplessis đã không bảo chàng trai trẻ đáng thương hại kia đợi nàng lâu hơn trong cái đêm tháng 9 ấy. Là một kỹ sĩ có tài, bắn súng giỏi, nhạy đẹp, Dumas có thể là một nhân vật tượng trưng cho thi hiếu lý tưởng của Marie Duplessis. Và, nếu không chắc chắn lắm, thì dường như Dumas tin tưởng rằng chàng đã chiếm được Marie nhờ ở lòng nhân từ chàng đã tỏ ra trong buổi tối đầu tiên khi nàng khạc ra máu và ngã xỉu trong phòng ăn, với đời sống quá cuồng nhiệt đã làm cho những ngày và những đêm của Marie náo động ; lòng nhân từ ấy của Dumas ít nhất cũng đã không làm cho Marie khó chịu.

Về phần Dumas, cái duyên dáng kiêu diễm của người mà chàng đã sùng bái, đầu tiên đã làm chàng say mê. « Tôi tin tôi đã nằm mộng », Dumas đã viết như thế trong những bước chập chững của Hạnh-Phúc của chàng. Để tỏ lòng tin tưởng, Marie đã giao cho chàng cái chìa khóa cửa phòng nàng. Trước

tiên, Dumas dùng chiếc chìa khóa ấy theo điều thỏa thuận của cả hai người : Dumas chỉ đến nhà nàng theo những giờ đã được hẹn trước. Nhưng Dumas cũng sớm biết rằng sự lừa phỉnh của người chàng yêu đã làm cho chàng cái lại.

« Cậu bé cưng của em, — Marie viết cho Dumas như nàng đã viết cho những người khác như vậy, — hôm nay em hơi khó ở và thầy thuốc bắt em phải nghỉ. Chiều nay em sẽ đi ngủ sớm và không tiếp anh được. Nhưng đề thưởng lại cho anh, em đợi anh vào trưa mai.

« Em yêu anh một ngàn lần. Marie ».

Nhưng nàng có phải đi ngủ sớm thật hay không ? Suốt ngày hôm ấy, Alexandre lang thang khắp các nơi mà nàng có thể đi đến : Alexandre không thấy nàng. Tối lại, chàng vội vã lội khắp các rạp hát : cũng không tìm thấy nàng. Đến 11 giờ khuya, chàng không chịu được nữa, bèn đến nhận chuông ngôi nhà số 11 đại lộ Madeleine, tay cầm chiếc chìa khóa cửa phòng.

— Ông đi đâu ? Người gác

cổng la lên.

— Đến cô Duplessis.

— Bà ấy chưa về.

— Tôi lên nhà đợi nàng.

— Không có một người nào trong nhà.

Alexandre bước ra, chực sẵn trên đại lộ. Đến nửa đêm, một chiếc xe ngựa dừng lại trước cổng nhà, một người quen của Marie bước xuống, trả tiền xe và vào nhà Marie. Đến 4 giờ sáng, chàng ta vẫn chưa xuống. Alexandre mệt lử, về nhà. Nhưng đến trưa, chàng đến Marie. Nàng giảng giải, Alexandre chấp nhận. Tại sao Alexandre lại không chấp nhận, trong khi Marie chịu ăn cơm với chàng, và ngay tối hôm ấy, đi coi hát với chàng ?

Hai người đi coi hát. Người ta nhìn hai người. Dunnas kiêu hãnh đến điên lên. Chàng dẫn nàng đi ăn khuya rồi đưa nàng về.

Đó là thời gian đẹp đẽ nhất về mối tình của họ. Người ta thấy họ « biểu diễn » khắp nơi, trong rạp hát, trên đường phố, tại vườn Ellysées... Thường thường, họ rong chơi khi trời tốt, khoảng trước buổi hoàng hôn là những

giờ mà Marie ưa chuộng. Lúc thì họ ngồi trên xe ngựa đến bãi hoàn môn, rồi trở về trong khi trong nhà đã có sẵn những lò sưởi ấm, lúc thì họ tản bộ trên những lối cỏ may trong vườn Elysées, khoảng còn tranh sáng tranh tối cho đến lúc bóng tối dần về. Nàng đã cố sống cho Dumas cái đời sống hiền hòa của các cô thiếu nữ bán hàng ở Paris. Dumas thích ngắm mái tóc nàng, cái đầu nhỏ nhắn duyên dáng ấy với những nét thanh tú đẹp dễ mơ màng trong chiếc khăn châne vải lông cừu như một nụ hoa trà hay hoa hường đẹp dễ thơm tươi...

Vào cuối mùa đông năm ấy, Marie bị sưng phổi khá nặng và nàng phải nằm liệt giường gần hai tháng trường. Nhờ được thầy lang Koreff cho uống những viên thuốc có thạch tín và sắt sóc tận tâm nên nàng được bình phục với những ngày vui đẹp. Trong cuốn « Pêchés de Jeunesse » (Tội lỗi của Thanh Niên), Alexandre đã nhắc lại rằng, Marie chóng lành bệnh — chàng tin như vậy — chính là nhờ mối tình hiền dịu của chàng.

— Khi em mạnh mẽ hơn ;

Marie bảo Alexandre, — chúng ta sẽ cùng đi Madeleine. Em muốn sẽ choàng hoa vào những bức tượng cẩm thạch và cầu nguyện Thượng đế xá tội cho em. Anh có tin rằng Thượng đế sẽ chấp nhận cho em hay không ?

Đôi khi nàng thêm vào :

— Em sợ chết lắm.

Dumas trấn tĩnh nàng, cố làm cho nàng vui vẻ. Chàng bảo nàng kể lại quãng đời thơ ấu của nàng, nói đến những đồng cỏ xứ Normandie tươi mát, những vườn táo dơn hoa... Đó là một nguồn đề tài bất tận : nàng nhắc đến tiếng hót líu lo của con cà cưỡng, chim mai hoa, điệu nháy lẳng lẳng của chim hoàng-anh trong lùm cây, của chim chìa vôi bên bờ suối... Dumas cũng kể cho nàng những cuộc du lịch đến những xứ hiền lành phẳng lặng, ở Andalonsie, ở Algérie... Ánh mặt trời dằng xa xoa dịu cơn thồn thức của nàng và nàng sẽ vui mạnh..

Chính trong khoảng mùa đông ấy mà Koreff cấm nàng dùng những thứ hoa có hương nặng, những thứ hoa độc ; « những thứ hoa nguy hiểm cho một người có bệnh », ông nói thế. Vì vậy,

lúc bấy giờ Marie chỉ còn muốn có trong nhà nàng, trên người nàng riêng những cánh hoa trà, thứ hoa trà mà sau này Alexandre Dumas đã đặt thành một danh hiệu bất hủ...

Buổi chia ly lại gần

Một sự thật cần phải nói là Alexandre Dumas không phải là một người giàu, và sau khoảng 6 tháng sống gần Marie, Dumas đã mang đến gần 5.000 quan tiền nợ. Chính ra số nợ này ít hơn là số nợ ông đã thú thật trong một bức thư gửi cho bạn ông, Cuvillier-Fleury.

Đối với Dumas, tấm lòng của Marie luôn luôn nói lên những điều thanh cao hơn là vụ lợi. Nhưng cũng như Marie, một sự liên hợp cực kỳ đắt giá ấy có phải chăng là không vụ lợi; và chính nàng cũng đã coi sự đắt giá ấy là có nhằm gì. Khi Alexandre dẫn nàng đi ăn, đưa nàng đi xem hát, đôi khi thuê xe ngựa đưa nàng đi dạo trong rừng, hiến cho nàng những quả anh đào hay những túi kẹo khi đổi màn hát, những điều đó đâu có làm cho Marie nghĩ rằng Dumas phải mang nợ vì mình ! Từ khoảng tháng tư, Alexandre đã

nhảy vào các sông bạc đề « kiểm chác », rồi được, rồi thua, rồi giữ gìn...

Alexandre cũng ghen tuông không ít, khi có Contades, Perregaux hay một người đàn ông nào khác đến gần người mà Alexandre yêu... Nhưng điều đã đưa Dumas đến việc xa lìa Marie, không phải là việc quá ghen tương, mà là do những giấy thiếu nợ mỗi ngày cứ chồng chất mãi thêm vào. Đến khoảng tháng 7 thì Dumas lại ít đến thăm nàng hơn. Marie hiểu rõ lý lẽ của sự gián đoạn ấy :

«Adet thân mến ; nàng viết cho Alexandre Dumas (Adet là hai âm của hai chữ đầu trong Alexandre Dumas).

«Tại sao anh không cho em những tin tức về anh, và tại sao anh không viết thật thà cho em ? (Em tin rằng anh chỉ dối sử với em như với một người bạn). Em hy vọng có được vài chữ của anh Marie».

Bức thư này nói hơi dài và được công bố lần đầu bởi Adolphe Brisson. Sự chia lìa không thể nào tránh được, và chính là do Dumas, không phải do nàng. Như

người ta đã nói, có phải thật là Marie đã đề nghị A.D. cưới nàng, cùng chung sống với nhau ở Portugal, hoặc ở Espagne, trong một ngày nào đó, và A.D. đã từ chối nàng ? — Cùng chung sống có hai người, chồng và vợ ? Và với những nguồn lợi nào ? — Ngoại trừ việc đề thử thách điều đó ra, người ta cũng khó tin rằng Marie có thể nghĩ đến cuộc hôn nhân với Dumas như thế. Nàng cần phải có tiền, mà Dumas lại không có tiền. Nếu nàng có nghĩ đến cuộc hôn nhân ấy bao giờ thì đó cũng chỉ là một giấc mộng, và mộng tưởng đến một việc không bao giờ có thể xảy ra được...

Cũng có thể, một ngàn lần cũng chỉ có thể rằng Dumas vì những khó khăn về tiền bạc, chán nản với vai trò người tình lý tưởng của mình mà chấm dứt bằng cách không chấp nhận, Stackelberg cũng không chấp nhận việc Edouard de Perregaux lại thỉnh thoảng lui tới nhà nàng ; cũng có thể, lại cũng chỉ có thể rằng Dumas và nàng sống chung nhau, chỉ Dumas và nàng, với những cuộc cãi lộn, với những cảnh xáo trộn...

Như Blaze de Bury đã thuật

lại, dịp chia ly có phải là một cảnh mà Marie đã diễn ra cho Dumas, bởi vì Dumas không có được cho nàng một chỗ ngồi riêng trong phòng triều lâm ngày 7 tháng 10 năm 1845, ngày khai sinh tác phẩm *Les Trois Mousquetaires* của Alexandre Dumas père ?

Chính Dumas cũng lăm lộn và đưa ra những giả thuyết khác nhau về việc chia lìa ấy. Trong cuốn *Dame Aux Camélias*, Armand (tức là Alexandre) viết cho Marguerite (Marie) một bức thư vĩnh biệt. Nhưng trong bức thư ấy, Dumas thù dật và đã ghi thêm những hậu quả vào những tin tức xác thực của cuộc chia lìa. Những tin này, vào ngày 30 tháng 8 năm 1845, lúc nửa đêm, đã được Dumas chuộc lại trong một cuộc bán thủ bút, mà chính Dumas đã tặng cho Sarah Bernhardt, một diễn viên đáng khen ngợi trong khi trình diễn vở kịch *Dame Aux Camélias*, với một bản của cuốn truyện đã được công bố lần đầu bởi Arnold Mortier, ngày 28 tháng giêng năm 1884, trong một buổi dạ hội ở Paris. Bức thư đã được viết như sau này :

« Marie thân mến của anh,

“ Đến lúc anh phải nói với em rằng anh không đủ giàu có để yêu em như ý anh muốn ; anh cũng không đủ đáng thương hại để được em yêu theo ý em. Như thế, chúng ta hãy quên đi ; cả hai ta ; em, một cái tên đáng lẽ gần như xa lạ với em, và anh, một niềm hạnh phúc trở nên không thể có được đối với anh.

« Nói với em rằng xa em, anh sẽ buồn biết bao nhiêu là một điều vô ích, vì như em đã hiểu, anh yêu em biết là đường nào. Chúng ta hãy vĩnh biệt nhau. Em có đủ một tấm lòng để không cần biết đến nguyên-nhân của bức thư của anh, và em cũng có đủ trí sáng suốt để không tha thứ bức thư ấy cho anh làm gì.

« Một ngàn kỷ niệm xa vời.

« A. D. »

Như Arnold Mortier đã viết, có phải chẳng khi nhận được lá thư của Dumas, Marie Duplessis bèn cuốn vào trong cuộn băng Huy chương Bắc đầu Bội tinh rồi trả lại cho Dumas với hàng chữ : “ Người nào viết những bức thư như thế này, sẽ xứng đáng được thưởng Huy Chương Bắc đầu Bội tinh ” ? Tôi không tin như thế một tý nào, Marie

Duplessis có đầy đủ lý trí, mà cái cử chỉ người ta gán cho nàng như trên, lại ít có đối với nàng. Điều đó chắc chắn là một ký giả đương thời nào đó — ai biết ? Ngay chính Arnold Mortier ? — đã công kích bức thư quá kiêu kỳ của Dumas.

Tự đặt chính mình một cách bí mật vào giữa Ái-tình và Danh dự với những chữ đầu viết hoa như thế, Alexandre Dumas đã chọn phần sau. Marie không cảm giữ Dumas lại. Và đại để thì Perregaux nắm ngay lấy cơ hội như thế, nói thật lòng say mê của chàng.

BÁ TƯỚNG PHU NHÂN

Perregaux đến với Marie một cách trung thành. Chàng luôn luôn hiền dịu, nhẫn nại, gần như là nhịn nhục. Trong một đêm thơ mộng, Marie hỏi chàng rằng chàng có muốn cư ới nàng làm vợ luôn luôn hay là không.

“ Anh đã không hứa điều đó với em rồi hay sao ? ”

Chàng đáp lại như thế. Đó là khoảng tháng giêng năm 1846, bấy giờ, nàng 22 tuổi và chàng 30.

Nàng yêu cầu chàng giữ lời

hứa ấy. Perregaux giữ lời và từ khi chia lìa với Dumas, Marie đối với Perregaux rất là hiền dịu ân cần. Nàng thường viết thư cho chàng, khi cách độ hai ngày hai người không thấy nhau. Con chim xanh trung tín Clotilde thường mang đi mang lại những bức thư tình màu hồng hay màu xanh thắm : « Chiều nay em không thể ăn cơm với anh, em hơi khó chịu trong người », nhưng mời chàng đón nàng ở rạp hát, hay thêm vào dưới cuối thư : « Một ngàn triệu lần em hôn đôi mắt anh ». Đôi khi, nàng nói rõ hơn : « ... đôi mắt xanh của anh ».

Lễ thành hôn của họ được cử hành một cách thích hợp trong khung cảnh kín đáo của kinh thành Londres (Luân-đôn). Một cái giấy thông hành được cấp cho cô Alphonsine Plessis, chính quán ở Mornant, một người có niên kim ở Paris, phố Madeleine, số 11, vào ngày 26 tháng giêng. Rồi họ đến Londres vào ngày 3 tháng 2 và cưới nhau ở đó vào ngày 21 cùng tháng.

Tại sao cô Alphonsine-Marie lại thỏa hiệp cuộc thành hôn ấy ? — Chính vì một cái tật di truyền vô ý thức đã sai khiến nàng ; sẵn

một chút tham lam nên nàng say mê cái danh vị sang trọng ấy ? Chắc chắn rằng có thể vì khoe khoang mà nàng muốn được quyền trước bạ ở Paris cái hiệu quả ấy, muốn có một ngân khố riêng, một cỗ xe danh dự và nhất là cái danh vị « Bá tước phu nhân ».

Bên cạnh nàng, chàng Edouard đã giữ lời hứa, và muốn rằng Marie, bà bá tước Perregaux, bắt đầu ban cho chàng tất cả cái tự do của cuộc đời Tình Ái.

Khi trở về đại lộ Madeleine ở Paris, Marie cho in trên tập giấy viết thư của mình những chiếc huy hiệu đặt lên đầu một con báo và con kỳ lân. « Bà bá tước... » Những nhà hàng thường cung cấp vật dụng không phải cho bà bá tước Perregaux mà là cho bà bá tước Plessis.

Người ta bảo rằng khi Perregaux đã thành người chồng của nàng danh kỹ tuyệt thế Marie, chàng chỉ còn sống lại với nàng cho đến ngày tang khóc ấy. Điều đó nói có hơi quá. Nếu hai người không gặp nhau nữa, ít nhất là họ thư từ với nhau, và, khi Marie gặp phải một hai tiếng có thể làm nhor nhức bá tước Perregaux,

nàng đã xin chàng thứ lỗi bằng một bức thư kiểu như bức thư viết tại Ems vào năm 1847 :

« Xin anh thứ lỗi cho em, anh Edouard thân mến. Em quý hai gối cầu khẩn anh điều đó. Nếu anh yêu em đủ để thứ lỗi cho em ; chỉ hai tiếng thôi, vì Tình bạn mà Tha thứ cho em. Viết gửi cho em, lãnh địa của công tước Nassau, tại Ems. Em ở đây chỉ có một mình, và em

bị nặng lắm. Vậy anh hãy tha thứ cho em nhanh lên, Anh Edouard thân mến.

« Vĩnh biệt anh.

« Marie Duphessis ».

Cơn bệnh đã làm nghiêng lòng Marie, bà bá tước Plessis hay bà bá tước Perregaux phải cầu khẩn một lời thứ tội của người mà người ấy chắc chắn đã không còn yêu nàng nhiều nữa..

(Còn nữa)

Nhà thuốc VAN XUAN
Phát hành tại THUỐC BÒ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tại Đại...
và khố... hàng... tại

Nhà thuốc VAN XUAN
4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Được cho
SÂN PHỤ SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỐI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie TANA
42-44 NGUYỄN-TRAI CHOLON

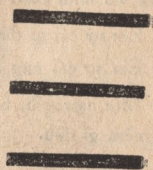
Mình gửi!

BÌNH CƯỜI

CÓ LÂY KHÔNG ?

và có thể
chữa khỏi
được không

?



TỔ I chủ-nhật, được ông Tú đưa đi *Pergola* ăn thịt bò bầy món, đúng ngay sở thích của bà, Bà Tú vui cười thích chí lắm. Ăn xong, 9 giờ rạ về, bà nắm tay chồng, hôn-ha hôn-hở bước ra cổng. Bỗng dừng bà hoảng-hốt, níu chặt lấy áo sơ-mi của ông Tú, run cầm-cập. Một người đàn-ông mặt mũi và tay chân đầy u-nhọt, thịt da sần-sụa nổi lên từng cục, từng hòn, tiến tới ngay trước mặt bà. Thiếu phụ quá sợ hãi, như hết hồn hết vía, khẽ gọi chồng, không dám nhìn người lạ :

— Minh ơi !... Minh ơi !...
Đi mau Minh !..

Ông Tú đứng yên ngó người đàn-ông đau-khổ chìa tay xin tiền. Ông móc túi lấy cho 5 đồng, rồi ung dung dắt vợ đi. Bà Tú vẫn còn run. Bỗng qua đường Nguyễn Trãi xong, bà đứng lại, nắm tay ông Tú đè lên ngực bà :

— Minh xem, trái tim em còn đập mạnh, đây nè !

Ông Tú mỉm cười :

— Em sợ cái gì dữ vậy ?

— Em sợ cái ông hồi nãy đó.

— Một người bị bệnh cùi, có nguy-hiêm gì đâu.

— Em sợ-sợ là !... Nếu người ta đụng đến em, chắc em chết điếng luôn !

— Tại sao ?

— Em đã bảo : em sợ, mà lạ !

— Đáng lẽ em thương - xót người ta và an-ủi người ta, không nên tỏ vẻ hắt-hủi và khinh-khi như thế. Giả sử họ có vô ý đụng chạm vào tay em, cũng không hề gì,

— Sao không hề gì, hả Minh? Bệnh hủi truyền-nhiễm ghê lắm mà !

— Không đúng. Trước kia, người ta tưởng thế thật, nhưng ngày nay y - học đã có kinh-nghiệm nhiều về bệnh hủi, và đã cho biết rằng bệnh hủi không phải truyền - nhiễm mau lẹ và nguy-hiêm như bệnh ho lao. Xưa, sách Tàu có nói : “ *Phong, Lao, Cổ, Lại, tứ chứng nan y* ” : Bệnh Đilen, bệnh Lao, bệnh Thâm niên, bệnh Hủi, là bốn chứng khó chữa cho lành được. Nhưng ngày nay y-học đã phát minh các thứ thuốc *sulfones* thì 10 phần bệnh hủi có thể khỏi được 9 phần. Có khi khỏi hẳn.

— Bệnh hủi, hồi xưa cũng đã có sao, Minh ?

— Một-ngàn năm trăm năm trước J. C. người xứ Egypte

(Ai-Cập), Arabie (A-rập) và India (Ấn-độ) đã mắc chứng bệnh ấy rồi. Dưới thời JÉSUS CHRIST, bệnh hủi đã tràn lan khắp vùng Israël, cho nên trong Tân-Uớc (Thánh-kinh) Chúa Jêsus đã nói đến người nghèo tên là LAZARE bị bệnh hủi. Khi Chúa làm những phép lạ, Chúa cũng có chữa bệnh cho những người hủi, Chúa sờ tay vào da thịt họ thì tự nhiên họ lành mạnh ngay.

— Có thật thế, không Minh ?

— Anh thuật theo kinh của Matthieu, chương 8, 1-4. Còn thời KHÔNG-TỬ, 500 năm trước J. C. một đồ-đệ của Ngài là BÁ-NGƯU cũng bị bệnh hủi. Trong sách Luận-Ngữ, có chép : « *Bá-Ngưu hữu tật. Tử vấn chi, tự dữ chấp kỳ thủ viết : Vong chi ! Mạng hĩ phù ! Tử nhân dã nhị hữu tư tật dã ! Tử nhân dã nhị hữu tư tật dã !* » (Thầy Bá-Ngưu bị bệnh. Không-tử đến thăm, đứng ngoài cửa sổ nắm tay mà than rằng : Chết rồi ! Mạng vậy ôi ! Người thế ấy mà bệnh thế ấy ! Người thế ấy mà bệnh thế ấy !) Tuy Đức Không-Tử chỉ than thế thôi, chứ không nói rõ là Bá-Ngưu bị bệnh gì,

nhưng người đời sau có chú thích rằng : « *Bá-Ngưu Không-tử đệ-tử, tánh Nhiễm, danh Canh, hữu tật, Tiên-nho dĩ vi Lại dã* » (Bá-Ngưu, học trò của Không-tử, tên là Canh, họ là Nhiễm, có bệnh, mà các đấng tiên-Nho gọi là bệnh Hủi). Và lại, Đức Không-tử đến thăm mà đứng ngoài cửa sổ hỏi han, than tiếc, chứ không vào nhà, là Ngài sợ bị truyền nhiễm vậy. Trong Đông-châu liệt-quốc, có một nghĩa-sĩ tên là DƯ-NHUỘNG, người nước Tấn, đã lấy sơn sơn trên thân mình, giả làm người cùi len lỏi vào thành, mưu giết TRIỆU-TUONG-TỬ để trả thù cho TRÍ-BÁ.

Đó là những chuyện hủi trong lịch-sử Trung-quốc.

— Còn ở Việt-nam mình, có chuyện gì về bệnh hủi không ?

— Ở Việt-Nam ta thì trong gia đình nào cũng có một người cùi...

— Thiệt hử, Minh ? Trong gia đình hai đứa mình có ai bị cùi dâu nào ?

— Người mắc bệnh cùi chính là một trong ba « ông Táo » mà

hầu hết các gia đình Việt-nam đều có thờ.

— Em không hiểu.

— Chớ em không biết sự tích ba ông Táo à?

— Không. Mình kể cho em nghe.

— Hồi xưa, hồi xưa, xưa thật là xưa... ở Huyện Thanh-Hà, có người học trò tên là MẠNH-XUÂN, có cô vợ đẹp tên là ĐỖ-THỊ.

Chồng học giỏi nhưng đi thi cứ trượt vô chuỗi hoài, lại bỗng dưng mắc phải bệnh cùi. Sợ làm khổ cho vợ, Mạnh-Xuân bỏ nhà trốn đi. Chàng đến Đông-Triều che cái chòi lá ở, cũng y như người Sơn-cước ngày nay bị cùi phải đi vô rừng sâu ở riêng biệt, không được ở chung với xóm làng, sợ lây cho kẻ khác. Đỗ-Thị thương nhớ chồng, đi kiếm chồng suốt mấy tháng trời không gặp. Bỗng một hôm, nàng đi lang thang, vừa đi vừa khóc, thì gặp một chàng Nho-sĩ. Chàng hỏi: «Cô đi đâu một mình? Tại sao cô khóc?» Đỗ-Thị đáp: «Tôi đi kiếm chồng tôi. Chồng tôi bị bệnh cùi, bỏ nhà đi đâu mất mấy tháng nay.» Chàng nho sĩ bảo: «Tôi có thấy xác chết

của một người cùi trôi sông. Chắc là xác chết của chồng cô đấy. Thôi, cô đừng buồn, hãy về ở với tôi.» Đỗ-thị trả lời: «Cám ơn thầy. Nhưng nếu thật chồng tôi đã tự-tử chết vì bệnh thì tôi cũng phải đề tang cho chồng tôi ba năm.» Ba năm sau, chàng nho-sĩ trở lại thăm người đẹp và xin cưới. Nàng cảm kích mối tình chung-thủy, bằng lòng theo chàng về quê chàng ở Bắc-Ninh. Vợ chồng yêu nhau dầm-ấm, sinh được hai trai. Chàng thi đỗ được bổ làm quan Huyện ở Đông-Triều. Nhưng lòng nàng vẫn giữ nguyên vẹn, không phai mờ hình ảnh của người bạn gối-chăn thuở trước. Một hôm, bà Huyện đi chợ, trông thấy một người ăn mày rách-rưới, bị bệnh cùi, mà nét mặt giống hệt Mạnh-Xuân, người chồng cũ. Về dinh, nàng thuật lại cho chồng nghe và muốn xin chồng cho tìm người ăn-mày đến đề hỏi lý-lich xem. Quả nhiên đúng là Mạnh-Xuân. Đỗ-thị liền xin chồng cắt cho y một căn nhà xinh đẹp ở riêng phía sau Huyện đường, và cho đào riêng một cái giếng nước đề y dùng. Đỗ-thị tưởng như thế là có thể nuôi dưỡng người chồng cùi

thuở trước và đền đáp được chút tình cũ nghĩa xưa khỏi mang tiếng con người bội bạc. Không dè cái giếng này có một mạch nước Tiên nên Mạnh-Xuân uống nước và tắm rửa nơi đây tự nhiên lành bệnh. Chàng trở lại hồng-hào, phương-phi như trước, và cố gắng trau dồi kinh-sử, đến khoa thi chàng đậu Trạng-nguyên. Đổ-thị rất dỗi ngạc-nhiên và tự thấy ở trong tình-trạng vô cùng khó xử? Chẳng lẽ nàng có hai chồng sao? Không có lý-do gì ly thân với người chồng cũ được nữa mà cũng không có lý-do gì từ bỏ ông chồng thứ hai, do hoàn cảnh đã tạo ra, suy nghĩ kỹ, nàng bèn nhảy xuống giếng tự-tử, đó là giải-pháp duy nhất, hy-sinh thân-thể của nàng để giữ trọn tiết-ngĩa với người trước, như với người sau.

Nhưng người chồng sau đau đớn và buồn rầu nhớ thương người vợ yêu dấu, liền nhảy theo xuống giếng để trọn niềm chung-thủy cùng nàng. Người chồng trước, cảm kích tấm lòng trung-trinh của vợ và chút nghĩa hy-sinh cao-quý của người chồng sau, nghĩ thẹn cho phận mình, cũng nhảy luôn xuống giếng để khỏi mang kiếp sống thừa.

Không dè nhờ nước giếng Tiên cả ba người đều được biến thành ba vị thần-linh lên châu Thượng đế. Ngọc Hoàng cảm động, cho cả ba làm ba vị Táo-Thần, một Bà hai Ông, được ngự-trị trong các lò bếp của dân gian để đời đời được ngọn lửa thiêng nung đúc tấm lòng tiết-ngĩa...

— Minh ơi, sao em cũng có nghe sự tích một Bà hai Ông nhưng khác kìa, không giống chuyện Minh vừa kể?

— Sự tích ba vị Táo-Thần, nhiều nơi khác nhau, nhưng tựu-trung cùng một ý-ngĩa. Chuyện anh vừa kể, khác một điều là trong hai ông chồng có một ông cùi.

Trong các truyện truyền-khẩu của Việt-Nam còn một truyện nữa nói về cô gái bị bệnh cùi, rất cảm động.

— Kể luôn cho em nghe, đi Minh.

— Chuyện này hình như có thật, dưới đời nhà Lê. Tại huyện Cẩm-giang, làng Bàng-quân, có một cô gái rất đẹp, con nhà khá giả, một bậc nữ lưu tài hoa son trẻ, đánh đàn giỏi, làm thơ hay... nhưng bỗng dưng 18 tuổi bị bệnh cùi.

— Tội nghiệp quá nhì ! Tên nàng là gì hả Minh ?

— NGUYỄN-THỊ KIỀU-NHI. Theo lệ xưa, những người cùi phải ở riêng biệt một nơi, làng xã không cho ở chung để tránh khỏi lây bệnh cho cả làng. Kiều-Nhi phải ở cô độc trong một cái chòi tranh, quanh hiu bên chân đồi, không một bóng người lai vãng. Thỉnh thoảng, người anh ruột của cô đem đến cho gạo, củi, và các thức ăn để cô tự lo sống một mình. Bà con họ hàng xa lánh cả. Những đêm đông lạnh, cơn bệnh nhức nhối, Kiều-Nhi nằm rên khóc thảm thiết trong chòi, giữa đồng không mông quạnh, như một oan hồn rên-xiết. Một buổi chiều gần tối, một chàng Nho-sĩ ở phương xa đi ngang qua đấy. Nghe tiếng khóc, chàng ghé vào xem, ngạc nhiên và cảm động thấy một giai nhân bị chứng bệnh hiểm nghèo. Chàng bảo : « Tôi đi lên Kinh-dô để dự kỳ thi sắp tới trong vài hôm nữa. Đây xa lạ, lỡ rùi tối không biết trọ nơi nào, chẳng hay quý Nương có rộng lượng cho phép bần-sĩ nghỉ tạm một đêm được chăng ? »

Kiều-Nhi đáp :

— Tiên-sinh ở đây thật là không nên. Nhưng Tiệp-nữ không dám chối-từ vì tiên sinh là bậc Nho-gia, lỡ đường trong đêm tối.

Chàng tự xưng tên là TRẦN CẢO. Xúc cảnh sinh tình, chàng lấy bút mực ra thảo một bài thơ tặng giai-nhân để đáp ơn tri ngộ. Kiều-Nhi xem thơ, xúc cảm, lấy bút họa lại. Ý hợp tâm đầu, hai người họa thơ với nhau suốt đêm, dưới ánh đèn dầu lạc liu-hiu, trao đổi mỗi tình trong ban-sơ nhưng đã nồng nàn say đắm. Gà gáy sáng, Chàng xin tạm biệt, để lên đường cho kịp ngày thi, hứa thi đỗ sẽ về qua đây thăm bạn tâm-tình.

Lên kinh-dô Bắc-Hà, vào trường thi, Trần-Cảo cứ bàng-hoàng thương xót hình bóng giai-nhân bị bệnh Cùi, nỗi nhớ-nhung da diết bồn-chồn trong tâm não. Cho nên chàng làm bài thi bị lạc đề. Trần Cảo hết sức buồn rầu, không còn hy-vọng gì nữa. Nhưng hôm treo bảng, chàng vô cùng ngạc nhiên thấy tên mình trên tấm bảng vàng. Chàng đến hỏi quan giám-khảo. Ông Quan cười, hỏi vị Tân-Khoa Tiến-sĩ :

— Ngai đã có vợ chưa ?

— Thưa quan lớn, tiện-sĩ chưa có vợ.

— Thế thì lạ nhỉ ! Tôi xin nói thật với ngài rằng bài thi của ngài làm lạc đề, tôi đã đánh hỏng. Nhưng đêm hôm qua, tôi nằm mộng thấy một bậc tuyệt - thế giai nhân đến quỳ trước mặt tôi, khóc - lóc, tự xưng là vợ của ngài, xin tôi cho ngài đậu. Tôi thuận lòng. Mỹ-nhân lay tạ, rồi biến đi. Sự tình giấc mơ kỳ-dị, tôi bồn-chồn tắc dạ, đành lấy bút son phê cho ngài đậu Tiến-sĩ, để giữ trọn lời hứa với giai-nhân. Trần-Cảo nói thật chuyện Kiều-Nhi cho quan giám-khảo nghe, rồi lo sợ, vội vã trở về, ghé vào túp chòi thăm Kiều-Nhi thì than ôi, người yêu đã chết, người nhà đã đem chôn, chỉ còn bàn thờ, hắt-hiu nhang khói... Ông Tiến-sĩ Trần-Cảo tìm đến nhà cha mẹ nàng, khóc lạy xin cho làm rỗi, và xin phục tang cho vợ. Chàng thuê thợ xây một cái tháp ngay trên nấm mộ, và suốt đời ở vậy, trung thành với tình yêu thơ mộng...

— Tháp ấy còn không, Minh ?

— Hiện nay, ở làng Bằng-Quân, huyện Cẩm-giăng, tháp ấy vẫn còn, gọi là 'Tháp Báo Ân'.

— Chuyện cảm động quá, Minh nhỉ. Em nghe Minh kể chuyện, em thương cô Kiều-Nhi quá !... Minh ơi, bệnh cùi lây ghê gớm lắm sao mà người ta bắt bệnh-nhân phải ở riêng biệt một nơi ?

— Theo y-học tiến bộ hiện nay, cứ theo lời các nhà bác-học chuyên trị bệnh cùi, như Bác-sĩ H. MARNEFFE, Bác-sĩ P. DESTOMBES, thì bệnh cùi « luôn luôn ít truyền - nhiễm, thường thường không truyền-nhiễm, thực-tế không bao giờ di truyền » (*maladie peu contagieuse toujours, non contagieuse bien souvent, pratiquement jamais héréditaire*). Năm 1873 nhà Bác-học HANSEN (1841-1912, người xứ Norvège) khám-phá được con vi-trùng bệnh cùi, — nay gọi là vi trùng Hansen. — Nó cũng giống như con vi trùng bệnh lao, (*Bacille de Koch*) nhưng đặc điểm của nó là NÓ BÁM VÀO CƠ THỂ CỦA CON NGƯỜI MỘT CÁCH RẤT KHÓ KHĂN, và khi bám vào rồi thì NÓ NÀY NỜ RẤT CHẬM CHẠP. Vì thế mà bệnh cùi ít hay lây, KHÓ

LÂY CHO NGƯỜI KHÁC chứ không phải như con vi-trùng bệnh Lao. Con vi trùng Hansen ấp trứng trong hai, hoặc ba năm, mới nảy thêm ra được. Cho nên khi người ta bắt đầu bị bệnh, thường thường là bị một vết sần sụa trên da, không lở loét, và chỉ chứa một số rất ít vi trùng mà thôi, thì bệnh chưa có gì là nguy hiểm cả, không thể truyền nhiễm được, và nếu có thuốc trị ngay thì BỆNH KHỎI LIỀN TRONG VÀI THÁNG, không thể lan rộng ra được nữa. Nhưng khốn nỗi, những người mới mắc phải bệnh như thế, cứ ỷ-y là vô hại, (chỉ một vết thương sần sụa không đau, không nhức) rồi bỏ qua, không chữa. Do đó, vết thương dần dần lan rộng.

— Có thuốc gì chữa đúng bệnh đó không, hả Minh ?

— Trước kia người ta chỉ dùng dầu Chaulmoogra. Có kết quả khả-quan, nhưng về sau này sự phát-mình ra các loại sulfones, cùng một loại với Sulfamidés đã đem đến cho y-khoa một tiến bộ rất đáng mừng trong môn diệt trừ bệnh Hùi. Hiện nay, có thứ thuốc công-hiệu nhất, người

ta gọi là « Sulfone-mère » tức là DIAMINODIPHÉNYLSULFONE, được thông-dụng trong các trại Cùi.

— Ở nước ta có nhiều trại Cùi không, Minh ?

— Có các trại ở Nha-Trang, Quý-Hòa (Qui-nhon) Djiring, Chợ-quán, v. v... và nhiều trại rải-rác miền Sơn-Cước. Theo bản thống-kê quốc-tế, năm 1952, của Bác-sĩ J.P. Veltin thì ở Thế-giới có trên 5 triệu người Cùi. Nhiều nhất là ở Ấn-độ (1.500.000 người) và Tàu (1.000.000). Việt nam có chừng 30.000, mà nhiều nhất là ở các miền thượng-du (các "Đồng Bào-Thượng")

— Minh ơi, Thi-sĩ HÀN-MẠC-TỬ bị bệnh cùi, và chết vì bệnh cùi phải không ?

— Phải.

— Em nhớ có đọc trong tờ báo nào đó nói rằng Hàn-mạc-Tử có một người yêu, tên là Mộng-Cầm, lo săn sóc cho chàng một cách tận tụy cảm động lắm, có không ?

— Không. Đây là có kẻ muốn thi-vị-hóa mối tình của nhà Thơ mà tên thật là FRANÇOIS TRÍ. Sự thật thì lúc cô nữ y tá Mộng-

Cầm gắp Hàn-mặc-Tử lần đầu tiên, và thấy trên vành tai và trên mặt chàng có dấu hiệu bình cùi, cô ta không còn yêu Hàn-mặc-Tử với tình yêu thơ mộng nữa. Hàn-mặc-Tử hỏi cô làm vợ, cô từ chối, đề đi lấy chồng khác..

— Mỗi tình như thế có gì đẹp đâu.

Ông Tú và Bà Tú lúc cưỡi đi bộ từ Chợ-lớn về Saigon, mê mãi câu chuyện «Cùi», không biết mỗi chân. Về nhà, leo lên ba tầng cầu thang, đến từng lầu

thứ ba, một căn phòng nhỏ nhỏ, bà không kịp thay áo quần, nằm dài xuống vồng..

Ngó ngoài cửa sổ một mặt trăng xanh dờn, lơ-dờ vài ba vết xám, bà khẽ bảo ông Tú :

— Mặt trăng đêm nay cùi quá, Mình ơ !

Điện-Huyền

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

MỒ HÔI LƯỜC MẮT



.....
TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

Tình cờ gặp lại ông giáo sư Ngọc Minh đến thuê in sách. Ánh cảm thấy lòng rạo rực, bồn chồn khi đọc qua lời tựa cuốn « Đi tới một xã-hội vô giai cấp » của ông. Nhất là khi ông Ngọc-Minh hỏi thăm và đã nhiều lần mời Ánh đến nhà ông. Vì xã giao và cảm tình sẵn có từ trước, nên Ánh vui vẻ nhận lời.

(Tiếp theo P.T. 61)

Hôm qua, ông Ngọc-Minh có đề nghị với Ánh rằng 9 giờ ông sẽ lái xe hơi

đến đón Ánh ở Bàn - Cờ, nhưng Ánh không muốn thế. Nay trời nắng gắt, tuy Ánh đội nón, nhưng không dè nhà ông Ngọc-Minh ở cách chợ đến hơn một cây số, Ánh tìm được nhà thì mồ hôi đã chảy ướt cả lưng áo trắng của cô. Đôi má Ánh đã hồng-hào tự nhiên bị nắng nóng ửng lên càng đẹp lạ thường.

Ông Ngọc-Minh đang dạo trong vườn hoa. Trông thấy Ánh thấp-thoảng ngoài ngõ, e-lệ chưa dám vào, ông liền rào bước, mỉm cười đón Ánh :

— Mời Ánh vào.

— Dạ.

Ông đi cạnh Ánh, cảm ơn Ánh đã đến, và tỏ nỗi ái-ngại vì sự Ánh đi bộ dưới trời nắng chan-chan. Ánh để nón ngoài hè, úp vào chũn tường, nhưng ông Ngọc-Minh mỉm cười cúi xuống cầm chiếc nón đem vào nhà, đặt tử tế trên một chiếc bàn con cạnh cửa sổ phòng khách. Ông mời Ánh ngồi. Tuy nhà ông rất thoáng-đạt, gió thổi mát rượi, nhưng ông cũng mở quạt máy để Ánh ngồi một lúc cho ráo mồ-hôi.

Rất tự-nhiên và giản-dị, không ỡm-ờ, khách-sáo, ông mời Ánh đi xem qua các căn phòng trong nhà. Ông đưa Ánh sang phòng giấy kế phòng khách với một tủ sách đầy nhóc các sách Pháp, Anh, Hán, Việt, có đến bốn năm trăm quyển. Bàn viết của ông kê sát vào tường, cạnh cửa sổ ngó ra vườn hoa. Ông chỉ Ánh xem những giò phong lan tươi nở treo lơ-lửng dưới dàn hoa âng-ti-gôn hồng. Ông dắt Ánh đến đứng nơi cửa sổ. Nhìn các chùm hoa son lý-tý như những nụ cười bé nhỏ đáng yêu, ông khẽ bảo :

— Ban đêm trời sáng trăng, cảnh ở đây nên thơ lắm.

Ánh mơ màng :

— Dạ ban ngày như bây giờ thấy cũng đã rất nên thơ...

— Ở đây tôi làm việc rất là yên-tĩnh. Chỉ có ở đây là tôi mới viết được quyển sách của tôi.

— Ông giải bày trong sách những ý-tưởng thật đẹp.

— Tôi không tin rằng có nhiều người hiểu tôi. Phải có đau khổ ở trong đời như Ánh, mới thông cảm được cái cao-quý của đau khổ. Phải không, Ánh ?

Ánh mỉm cười :

— Dạ, em cũng nhận xét như thế. Nhưng thưa ông, em hơi ngạc-nhiên vì đời ông đâu có gì đau khổ ? Trái lại, ông có đủ tất cả tiện-nghỉ vật chất và tinh-thần để sung-sướng.

— Phải, Ánh nói đúng. Chính vì thế nên tôi đau khổ. Nhiều khi nghĩ đến xã hội có bao nhiêu người đói rách bần hàn mà mình ăn sang mặc sướng, tôi có cảm tưởng như mình đang phạm tội ác... Nếu không thì mình cũng đồng lõa với xã-hội. Nhiều khi tôi tự hỏi mình có

quyền sống ích kỷ không? Mình sống hẳn cho mình, không cần thắc mắc về hoàn cảnh của kẻ khác, không cần quan tâm đến đời sống chung quanh mình, cũng được chứ. Nhưng, khổ nỗi, mình cứ bị bắt buộc phải chứng kiến hằng ngày những bi kịch vô số của xã hội. Mình làm sao được? Chính đó cũng là một bi kịch thường xuyên trong nội tâm của mình. Ánh hiểu không?

— Dạ, em hiểu.

Ông đưa Ánh sang phòng bên cạnh, là phòng ngủ của ông. Phòng ngủ của một người đàn ông độc thân, trang hoàng thanh nhã, giản-dị. Rồi ông đưa Ánh đi ngang qua phòng tắm, phòng ăn, ra nhà bếp. Ánh ngạc nhiên thấy bếp vắng tanh không có người. Không dám hỏi, nhưng Ánh không biết sao hôm nay ông Ngọc-Minh mời cô dùng cơm trưa mà chẳng thấy nấu nướng gì cả.

Vừa kịp ông cho biết :

— Tôi ở đây một mình với một đứa em nhỏ coi nhà. Tôi ăn cơm thẳng nơi một tiệm ở Dakao. Hôm nay nó đi lấy đồ ăn đem về. Như thế tiện hơn.

Ông đưa Ánh ra vườn xem các loại hoa ông trồng và săn sóc mỗi ngày. Trưa nắng, nhưng vườn rất mát, vì có nhiều cây cao, tàn cây che rợp.

Thấy Ánh có vẻ thích cảnh vườn, ông Ngọc-Minh đưa Ánh đi xem khắp cả chuồng quanh. Hai người thong thả bước từng bước. Ánh đi bên cạnh ông, lần này đã dạn dĩ và tự nhiên hơn, không còn khép nép e-lệ nữa. Nhưng Ánh chỉ nghe Ông nói chuyện, thỉnh thoảng cô mới hỏi một câu, hoặc dừng bước một lượt với ông, và chăm-chỉ nghe, như say mê những lời ông nói. Ông Ngọc-Minh không có câu nào tán tỉnh Ánh cả. Ông chỉ nói về đời sống của các thứ hoa ông trồng, hoặc của một vài loại chim mà ông chỉ cho Ánh coi chúng đang nhảy nhót trên cây.

— Ánh nghe con chia-vôi, nó hát...

Hai người lặng yên nghe một lúc tiếng chim hát líu lo. Rồi ông nói :

— Cứ chiều- chiều vào khoảng sáu giờ, mặt trời vừa lặn, thì có hai con chia-vôi bay xuống trước ngõ rồi nhảy cà-tùng cà-tùng trong sân, chờ tôi quăng cho mấy hạt mè ! Có khi con chó Rít đang nằm trên sân, chia-vôi nhảy lên

lưng nó, mồ lông nó. Con Rít không cựa-cựa, lại còn tỏ vẻ bằng lòng nữa là khác. Chúng nó mếu nhau lắm.

Ánh tủm-tủm cười. Hai người lại rào bước đi vòng quanh khu vườn rộng. Đi chơi trong vườn gần nửa tiếng đồng hồ, rồi ông Ngọc-Minh đưa Ánh đến một góc vườn rợp mát hơn cả. Nơi đây có bốn cây nhãn đã có trái, từng chùm trái lồng trong các miếng mo-cau, thông xuống các cành rậm. Một chiếc võng đã hơi cũ treo từ thân một cây xi-ki-ma qua một cây nhãn. Bên cạnh võng, đặt một chiếc ghế pho-tôi bằng nylon, và một bàn tròn, nhỏ, xinh xắn. Trên bàn để một quyển sách đang xem dở, có một cục đá trắng đề lên.

Ông chỉ chiếc ghế pho-tôi, bảo Ánh :

— Mời Ánh ngồi. Chúng ta nghỉ ở đây một lúc cho mát, đợi em nhỏ đem cơm về dọn trong nhà, chúng ta sẽ vào dùng cơm. Ánh uống gì ?

Ánh lại mắt về tự nhiên rồi. Bẽn-lẽn, Ánh đáp :

— Dạ, thưa ông, thôi ạ.

— Không, uống chút. Chắc Ánh khát. Ánh tới từ nãy đến

giờ, tôi quên mời Ánh giải khát... Ánh uống nước cam tươi nhé ?

Sự thật Ánh khát lắm, vì đi nắng. Và nghe nói đến cam tươi, Ánh cũng thích, vì kè ra trái cam thì có gì là quý lắm đâu, trái cam có gì là lạ, nhưng từ nhỏ tới giờ có lần nào Ánh được ăn một trái cam, hay uống một ly nước cam tươi ? Tám đồng bạc một ly nước cam tươi, đâu phải một cô gái nghèo và không ưa xa-xỉ như Ánh lúc nào cũng uống được ? Nhưng cô vẫn quen tính tự-trọng và bỡ-ngỡ của thiếu-nữ :

— Dạ, thôi ạ...

Nhưng thường trong trường-hợp này, người đàn ông luôn luôn phải hiểu tâm-lý, và độc-đoán một chút, nên ông Ngọc-Minh bảo Ánh :

— Ánh đợi tôi một phút nhé.

Ánh chưa nói gì được nữa thì ông Ngọc-Minh đã lẹ bước vào nhà. Ánh chưa dám ngồi, đi quanh quần xem các bụi hoa. Ngọc-Minh trở ra, tay ôm một đĩa mây khá lớn, trong có bốn trái cam chín, thứ cam dễ thương của ngoại-quốc mà ta ăn vào một miếng thì nước ngọt hơi chua chua dịu-dịu thấm tận trong tim

gan. Một tay, ông cầm hai chai sô-da. Ở đây, ông không dùng nước đá.

Rất tự-nhiên, ông Ngọc-Minh ngồi trong văng, đề hai chân xuống đất, lấy con dao, cắt đôi quả cam, rồi vắt nước vào ly. Ánh đã ngồi xuống ghế phô-toi, đối diện ông.

Muốn giúp ông một tay, Ánh vui-vẻ bảo :

— Dạ, thưa ông, đề em...

Chịu ý Ánh, ông Ngọc-Minh đưa con dao cho Ánh, Ánh vắt nốt một quả cam kia vào ly, rồi cắt một quả nữa, vắt hết vào ly thứ hai. Ông Ngọc-Minh mở chai sô-da, rót vào đầy hai ly.

Ông đề một cái muỗng vào ly gần Ánh, khuấy đều, rồi ngó Ánh :

— Mời Ánh dùng.

— Dạ.

Hai người cùng nâng ly nước cam. Ánh mới hớp một hớp đầu, khe nuốt vào thấy mát rượi trong cổ, thật ngọt và hơi chua - chua thấm dịu vào trong cơ-thể... Đang khát, nóng-nực, Ánh uống ba hớp nước cam vào, cảm thấy khoan khoái dễ chịu. Làn gió mát cuốn bay nhẹ-nhàng tà áo trắng và

mơn-trớn vài sợi tóc mai eo-lả bên mép tai thiếu-nữ.

Ánh hơi ngà-ngà say, say một chút nắng hồng, say một chút gió mát. Đôi mắt nàng lơ-đễnh nhìn làn mây trắng phất-phới như một tấm dăng-ten trên khuôn trời xanh thẳm. Một con chim-vôi cất tiếng nhí-nhảnh, hót líu-lo, giọng hót ranh mãnh, như cợt đùa với mây với gió...

Ông Ngọc-Minh hỏi Ánh về công việc của Ánh từ hồi Ánh thôi giúp việc nhà cho em ông ở đường Hiền-Vương, Ánh thành-thật kể rõ hết. Ông lắng-lặng ngồi nghe.

Gần 12 giờ, em Chút xách hai gà-men về, đi thẳng vào bếp, dọn cơm và các thứ ăn lên bàn ở phòng ăn. Chút toan ra vườn mời ông Giáo, thì Ngọc-Minh đã đưa Ánh vào. Trên bàn đã có sẵn ba đĩa đồ ăn còn nóng hổi, một tô canh đang bay hơi, một ổ cơm nóng và một đĩa mây bụi đựng trái cây đề tráng miệng. Ông Ngọc-Minh lấy ramột chai rượu chát đỏ đề đãi Ánh.

Bữa cơm vui-vẻ kéo dài đến 1 giờ. Ngọc-Minh và Ánh đều tự-nhiên, thân-mật, hoàn-toàn đúng

phép lịch-sự xã giao, không ai vượt qua giới-hạn. Ánh tuy không uống được rượu, nhưng lần đầu tiên cô được hân hạnh ngồi trước một ly rượu chất đỏ mà ông giáo sư thân-thiện rót mời, cô vẫn uống được chút ít. Đôi má cô đã đỏ bừng, đầu óc hơi choáng váng. Nhưng cô rất bình tĩnh, cảm thấy lần đầu tiên cái thú say ngà ngà của men rượu, Cô mỉm cười rất tự-nhiên, nghe ông Ngọc-Minh nói chuyện có duyên-dáng về các vấn-đề mà cô thích nghe, cô thấy lý-thú, và giúp cô học-hỏi được nhiều điều mới lạ. Ngồi đối diện với cô nơi bàn ăn, ông Ngọc-Minh đã thành như một người bạn trai, rất đáng phục, đáng mến, Tự nhiên, Ánh vẫn là Ánh như hồi Ánh còn là đứa đầy tớ ở nhà ông, Ánh vẫn là Ánh như ngày nay là thư ký ở nhà in Minh-Tân, dẫu Ánh có thay đổi ở bề ngoài, ở chiếc áo lụa dài trắng tinh, ở chiếc quần lụa đen mới đẹp, ở đôi guốc tân thời xinh-xắn hơn đôi guốc cùn năm xưa. Thế thôi. Lòng Ánh vẫn không thay đổi. Những lời nói dịu-dàng chân thật của ông Ngọc-Minh, những cử-chỉ niềm-nở đậm đà của ông, những mùi rượu ngày-ngất to弥漫

thêm đôi má hồng của Ánh càng thêm duyên-dáng, và không khí tự-do, thân-mật, vắng-vẻ của biệt thự sang trọng này, vẫn chưa đem lại tình yêu trong lòng nàng. Một người ngoài cuộc ngó vào, như em Chút chẳng hạn, thấy những nụ cười thân-mật trao đổi cùng nhau giữa ông Ngọc-Minh và Ánh, thấy cử-chỉ rất tự nhiên của hai người, có thể tin rằng họ đã yêu nhau, hay là họ đã bắt đầu yêu nhau. Nhưng Ánh hiểu lòng Ánh hơn ai hết. Ánh thành thật cảm mến ông Ngọc-Minh, và nàng không ngần-ngại tỏ niềm cảm-mến sâu xa. Còn tình yêu, thì thật là nàng chưa có. Ngọc-Minh là một nhà tâm lý học, có lẽ ông cũng phân tách được những tình-cảm tế-nhị ấy trong lòng Ánh vì ông đã biết nàng nhiều. Có lẽ ông đã nhận xét đúng những ý-nghĩ của Ánh qua một vài cử-chỉ đặt của nàng, một vài phút im-lặng trầm ngâm của nàng thoáng qua sau một đôi câu hỏi kín đáo của ông mà nàng không muốn trả lời quá vội.

Ông yêu Ánh, điều đó đã hẳn nhiên rồi. Ánh đã biết, và trước kia ông đã thú-thật với Ánh

hiều lần. Nhưng lần này ông dè-dặt hơn. Lần này Ánh không phải là một con đầy-tớ. Ánh đã là cô thư ký, đảng hoàng, nghiêm trang, kể về giai cấp thì ông giáo với cô không còn cách biệt nhau bao xa. Nhưng tình yêu mà ông đã tha-thiết tặng đứa đầy tớ nghèo khổ năm xưa, mà nàng đã không dám nhận vì thành kiến giai cấp và thân thế nghèo hèn của nàng, nay ông lại muốn đem dâng cô thư ký diễm kiều, tình yêu vẫn tha thiết như xưa, nhưng ông không chắc gì nàng hoan-hỷ nhận lời.

Ánh đoán biết thế, nên càng quý mến ông Ngọc-Minh rất nhiều.

Từ cảm-tình quý-mến đến tình yêu chân thật, có lẽ là không xa. Nhưng có lẽ là không gần.

Hiện giờ, trong bữa cơm đầu tiên của ông Ngọc - Minh mời Ánh, và sau bữa cơm ấy, hai người đã thành ra đôi bạn rất thân. Họ rất thành thật với nhau. Họ rất có thể tha thiết trung thành với mỗi tình êm dịu, sâu-sắc, nàng không quá hồ hững như trước, chàng không quá sỗ sàng, nông nổi... (Còn nữa)

SÁCH SỬ-HỌC BÁN TẠI :

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, đại lộ Lê-Lợi, Saigon.

Việt sử toàn thư	Phạm văn Sơn	150\$
Việt sử tân biên I	—	120—
Việt sử tân biên II	—	100—
Việt sử tân biên III	—	100—
Việt-Nam sử lược	Trần trọng Kim	180—
Việt Nam Pháp thuộc sử	Phan Khoang	100—
Trung quốc sử lược	—	120—
Trung hoa sử cương	Đào duy Anh	65—
Việt-Nam văn hóa sử cương	—	77—
Quang-Trung Nguyễn Huệ	Hoa-Băng	58—
Lịch sử thế giới	Nguyễn hiến Lê	154—
Cuộc đời cách mạng Cường-Đề	Tráng Liệt	20—



★ **Hội Kín Nguyễn-an-Ninh** của **LÊ-VĂN-THỦ**

Thuật rõ những hoạt động chính-trị của Nguyễn-an-Ninh.
Xuất bản lần thứ hai — Mê-linh xuất-bản.

★ **Bộ áo cà-sa nhuộm máu.**

Tiểu thuyết trinh-thám, mạo-hiểm của **TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH**.
Một bộ truyện rất hay được in lại lần thứ ba — Mê-linh xuất bản.

★ **Vạn-vật-học.**

Của ông **NGUYỄN-CỬU-TRIỆP**, Giáo-sư trường Trung-học Hàm-Nghi, Huế. Lớp đệ thất — Động-vật-học, Thực-vật-học. Có nhiều tranh vẽ và hình-ảnh. Bài dạy rõ ràng.

Nhà xuất bản Việt-Hùng. Huế.

★ **Thương yêu.**

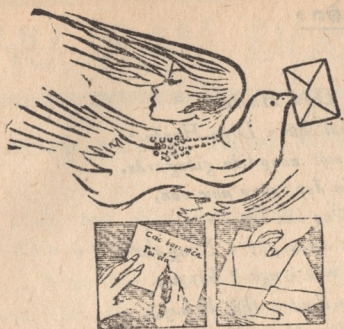
Thơ của **BÁ TÙNG, MINH NHÃN**, Huế.

Những vần thơ rào-rạt yêu đương của tuổi trẻ. 46 trang
giá 25\$

★ **Bóng Hoa Đàm.**

Thi-phẩm về Phật-giáo, của **TRÚC DIỆP**, Huế.

Trần-ngập phấn sen vàng, ngạt-ngào hương đạo hạnh. Do
Thầy Huyền Không gửi tặng — Loại đặc-biệt.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ **Bạn Nguyễn-kiên-Loan, KBC 6035**

● « *Phổ-thông bán-nguyệt-san* » xuất bản ở Hà-nội thời tiền-chiến là của ông Vũ-đình-Long. Không phải *tạp-chí Phổ-Thông* hiện nay.

● Ông Hoàng - hoa - Thám, tức là Đề - Thám, tên thật là Trương-văn-Thám, con của Cụ Trương-văn-Vinh, chứ không phải con ông Hoàng-cao-Khai.

★ **Bạn Phan-sĩ-Tích, Điện-Bàn, Quảng-Nam**

● Người ta so-sánh Hoàng-đế Quang-Trung với Napoléon I của Pháp, là so-sánh về cái chí khí anh hùng, và sự nghiệp hiển hách của hai người xuất thân là kẻ bạch đinh mà không bao lâu lên chiếm ngôi Hoàng-đế. Chứ không phải so sánh về các sự kiện lịch sử của hai dân tộc khác nhau.

● Tập thơ « Hoang-vu » có lẽ sắp ra.

★ **Ô. Ô. Xuân-Lượng, Xuân-Tự, Minh-Hồng, —
Ninh-Hòa,**

Vua Tự-Đức viết « *Bạn tu-mĩ nam-tử* »... trong bài khen Hai Bà Trưng, (Khâm-định Việt-sử), là lời lẽ của nhà vua nói về « bạn » đàn ông cam chịu nô lệ người Tàu, sánh với phái nữ lưu như bà Trưng dám khởi nghĩa chống lại kẻ xâm-lăng.

★ **Em Hồ-bảo-Nhàn, trường Tư thực Văn-Hiến**

Em hồi tưởng nơi ban giám-đốc trường em đang học.

★ **Ô. Phạm-văn-Vang, H.T. 94, Đà-Nẵng**

Ông thi Tú tài II, ban nào cũng được cả. Mặc dầu ông là công chức, ông vẫn đi thi được, không ai cấm.

★ **Ô. Trần-Ngọc, Tuy-Hòa**

● Thống-chế Montgomery còn sống, hiện ở Anh-quốc.

● Ba xứ Lettonie, Lithuanie, Estonie, đã xác nhập vào Nga-xô năm 1944.

★ **Ông Nguyễn-xuân-Nghị, Tân-sơn-Nhứt**

Vương-Cung-Thánh-Đường Sài-gòn, bắt đầu xây ngày 7 tháng 10 năm 1877, và hoàn thành ngày 11 tháng 4 năm 1880

★ **Cô Tôn-nữ-Kiều-Trang —Đà-nẵng**

Rất tiếc, chúng tôi không rõ địa chỉ của tác-giả bài thơ ấy.

★ **Ông Nguyễn-văn-Long, Bảo-An, Cần-Thơ**

Ông gởi đơn thăng đến trường Thiếu-sinh-quân.

★ **Ông Ng.-TH. H. Khánh-Hội.**

Trong lúc ông đi làm ăn xa, vợ ở nhà «bị một người dựa vào địa vị mà dụ dỗ và ép-hiếp, kết quả nay đã có thai 4 tháng» ông muốn kiện người ấy, nhưng vợ chồng không hôn thú, thì đứng về pháp-lý, ông không kiện được. Còn vợ ông muốn kiện sao không kiện ngay lúc đầu, mới bị ép-hiếp, chứ nay có thai đã 4 tháng còn kiện gì nữa ?

★ **Ông Tân-An, Huế**

● Trường-ốc = nơi trường thi (thời Hán-học.)

● Kinh-dô Huế được khởi công xây-dựng có quy-mô từ đời Chúa Nguyễn phúc Khoát, vào khoảng năm 1744.

★ **Ông Huỳnh-văn-Thạch c/o C.A.D.A, Ban-m-thuật**

Chữ c/o = care of (nhờ...đưa lại). Aux bons Soins de...

★ **Ông Ngô-Đệ, Nha-trang**

Địa chỉ ông Phan-thế-Roanh : Giám đốc trường Đại-học Sư-phạm, Sài-gòn..

★ **Bạn Mai-Khôi, 8 Đình-tiên-Hoàng, Nha-trang**

Ớt có chất capsicine, dùng ít vẫn tốt, kích thích sự ăn ngon, nhưng dùng nhiều thì nóng, không bỏ.

★ **Ông Nguyễn-văn-Nam, Cần-thơ**

● Văn quốc-ngữ cải-cách, khỏi dễ dẫu, như ông ghi trong thư, là do nhà văn Nguyễn-văn-Vĩnh đặt ra từ lâu, chứ không phải của Việt-Minh. Lối chữ ấy không được áp dụng vì có nhiều điều bất tiện.

● Bài gửi đăng các báo « phải viết trên một mặt giấy » là để tiện việc sắp chữ (vấn đề kỹ thuật của ấn loát).

● Bài không đăng, các nhà báo không trả lại bản thảo, vì :

10) Những bài không đăng, thường lệ nhà báo vứt bỏ ngay, không giữ lại trong văn khố.

20) Gửi trả lại phải mất thì giờ tìm-kiếm, và phiền phức cho công việc của tòa soạn.

Đây là thể lệ chung của tất cả các báo trên Thế-giới.

● Các tranh ảnh có chữ *cliché Dau*, hoặc *cl. Dau*, là do bản kẽm (cliché) của nhà Nguyễn-văn-Dầu chuyên môn làm bản kẽm.

★ **Ô. Nguyễn-chi-Thanh, KBC 6.040**

● Một vài sử liệu có nói dưới thời Thiệu-Trị, Cao-bá-Quát được cử làm phó sứ theo Đào-tri-Phú đi sứ sang Tân-gia-Ba, nhưng không nói rõ năm nào.

● Bài thơ tự-thán của Đặng-Dung :

*Thế sự du-du nại lão hà ?
Vô cùng thiên địa nhập hàm-ca !
Thời lai đồ diễn, thành-công dị,
Sự khứ anh-hùng âm-hận đa.
Trí-chủ hữu hoài phù địa trục.
Tây bình vô lộ văn thiên-hà !
Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch ?
Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma ?*

● Vua Thành-Thái bị viên Khâm-sứ Pháp là Levéque truất ngôi tháng 7 năm 1907, và đày vào Vung-Tàu, trước khi lưu-đồ sang đảo Réunion.

★ Bà Quả phụ Nguyễn-thị Kim-Liên, Kiến-Hòa.

Bà gửi đơn xin ấ-xá đến ông Tỉnh trưởng Kiến-hòa.

★ Cô Huỳnh-thị Tuyết-Trinh, Tây-ninh

Chúng tôi không có nhận được bài của cô.

★ Ông Thế-Phượng, Saigon

● « *Nàng khăn sữa túi* », do câu chữ Hán thị phụng cân trất, là bốn phận người đàn bà phụng sự chồng, hầu hạ chồng (Thị phụng) lo sửa soạn khăn đội trên đầu (cân) và lượt chải tóc (trất) cho chồng.

● Quang-Trung và Gia-Long là hai người thù địch với nhau, nhưng đối với Lịch-sử dân tộc, hai người đều có công, cho nên ngày nay có đường Nguyễn-Huệ, và đường Gia-Long.

★ Cô Phạm-thị Hoàng-Dung, 14 Trần-nguyên-Hãn, Nha-trang

Chim Yến làm tổ với những sợi rau rong ở bể, trét kín lại bằng nước rãi của nó, chứ không phải nó làm tổ hoàn toàn bằng nước rãi (nước miếng) không thôi. Vì thế nên khi ngâm một tai yến, ta thấy những sợi gai và trong như sợi thạch : ấy là những sợi rong bể đã được nước rãi yến thấm vào và bao bọc chung quanh.

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BỎN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CỎ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ